

*Chiến tranh Trung Đông • Cổ đô Huế,
quan niệm và kỹ thuật kiến trúc •
Di truyền và mật mã • Đông Y qua
nét chữ • Giáo dục tiền-học-đường
trong ký-nhi-viện • Phỏng vấn nhà văn
Đỗ Trọng Huề • Nghệ thuật
Thư pháp và Thủ bút hoa •*

BACH KHOA

G I A I P H A M

BÁCH KHOA

U:

ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>cuộc chiến Tam quốc Trung Đông và 2 ông thầy Nga Mỹ</i>	05
THÁI VĂN KIỀM <i>tìm hiểu Cổ-đô Huế (quan niệm và kỹ thuật kiến trúc của Kinh thành Huế)</i>	17
TRẦN VĂN TÍCH <i>di truyền, mật mã và ám hiệu</i>	23
KIM DỊCH <i>Đông Y qua nét chữ</i>	29
NGUYỄN GIA TƯỜNG <i>Uốn nắn tâm hồn theo chính nghĩa quốc gia</i>	37
LÊ THỊ MẪO <i>tầm quan trọng của Giáo-dục Tiên-học-đường trong khuôn khổ Ký-nhi-viện</i>	46
ĐỖ TRỌNG HUỆ <i>trả lời Bách Khoa về tại sao ông được mời dự Hội-nghị Đông-phương-học ở Paris và tại sao ông không đi được.</i>	51
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	55
TƯỜNG LINH <i>trời xưa áo lục (thơ)</i>	61
LUÂN HOÁN <i>một giờ trong trường làng (thơ)</i>	62
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC <i>văn khoa, mùa xưa (truyện)</i>	65
THẾ NHÂN <i>nghệ thuật Thư pháp ? một sức kiên nhẫn phi thường</i>	76
SINH HOẠT	
ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>thời sự thế giới</i>	80
THU THỦY <i>thời sự khoa học—văn nghệ</i>	83
<i>Họa sĩ VĂN-THANH trình bày bìa (hình ảnh LẠI HỮU ĐỨC)</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
GIÁ : 120\$ Công sở : 240\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí m^ở bay 15\$ mỗi số

BÁCH KHOA

U:

ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>cuộc chiến Tam quốc Trung Đông và 2 ông thầy Nga Mỹ</i>	05
THÁI VĂN KIỀM <i>tìm hiểu Cổ-đô Huế (quan niệm và kỹ thuật kiến trúc của Kinh thành Huế)</i>	17
TRẦN VĂN TÍCH <i>di truyền, mật mã và ám hiệu</i>	23
KIM DỊCH <i>Đông Y qua nét chữ</i>	29
NGUYỄN GIA TƯỜNG <i>Uốn nắn tâm hồn theo chính nghĩa quốc gia</i>	37
LÊ THỊ MẪO <i>tầm quan trọng của Giáo-dục Tiên-học-đường trong khuôn khổ Ký-nhi-viện</i>	46
ĐỖ TRỌNG HUỆ <i>trả lời Bách Khoa về tại sao ông được mời dự Hội-nghị Đông-phương-học ở Paris và tại sao ông không đi được.</i>	51
MINH ĐỨC HOÀI TRINH <i>lá thư nước ngoài</i>	55
TƯỜNG LINH <i>trời xưa áo lục (thơ)</i>	61
LUÂN HOÁN <i>một giờ trong trường làng (thơ)</i>	62
ĐÀO TRƯỜNG PHÚC <i>văn khoa, mùa xưa (truyện)</i>	65
THẾ NHÂN <i>nghệ thuật Thư pháp ? một sức kiên nhẫn phi thường</i>	76
SINH HOẠT	
ĐẶNG TRẦN HUÂN <i>thời sự thế giới</i>	80
THU THỦY <i>thời sự khoa học—văn nghệ</i>	83
<i>Họa sĩ VĂN-THANH trình bày bìa (hình ảnh LẠI HỮU ĐỨC)</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa-chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon
Điện thoại : 25.539
H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21 Nguyễn Thiện Thuật—Saigon
GIÁ : 120\$ Công sở : 240\$
Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí m. bay 15\$ mỗi số

Sách nhận được trước 20-11-73

Bách Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc:

— Văn học phân tích toàn thư của Thạch Trung Giả do Lá Bối xuất bản và gửi tặng. Sách dày 680 trang gồm Quyển I: Lý thuyết, Quyển II: Ứng dụng, Quyển III: Thể kỷ 18, 19, 20, Quyển IV: Phân tích Triết thư với Phụ lục: 4 bài khảo luận. Bản đặc biệt. Giá bán thường: 1200đ.

— Nguyễn Trãi của Nguyễn Thiên Thụy do Lửa Thiêng xuất bản và gửi tặng. Sách dày 350 trang gồm 8 chương từ Thân thế, sự nghiệp, tâm trạng, tư tưởng của Nguyễn Trãi đến giải đáp một vài nghi vấn, và ảnh hưởng cùng địa vị của Nguyễn Trãi trong Văn học V.N. Giá 750đ.

— Nhà giáo của Nguyễn Văn Y do Nam Hà xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách in lần thứ 2 có sửa chữa, dày 160 trang gồm 6 chương từ Tâm quan trọng đến Mục tiêu của Giáo dục qua Địa vị, trách nhiệm nhà giáo, Những đòi hỏi thiết yếu nơi nhà giáo và Uy quyền nhà giáo. Giá 320đ.

— Xứ hoa anh đào của Song Châu Trần Gia Thoại gồm 16 bài thơ về Dalat và 13 bài văn giới thiệu thắng cảnh Đa Lạt dày 70 trang, do tác giả ấn hành và gửi tặng. Giá 300đ.

— Tập san An Bình số 1 tháng 9/72 và số 2 tháng 3/73 do Viện Đại học Cần Thơ ấn hành và gửi tặng, Chủ bút: Nguyễn Duy Xuân, Tổng Thư-ký Tòa soạn: Trần Thanh Sơn.

Mỗi số dày 142 hoặc 188 trang gồm những bài nghị luận và biên khảo công phu về các vấn đề: luật học, văn học, giáo dục, khoa học, khoa học xã hội... của các Giáo sư Đại học. Giá 300đ.

— Tuổi trẻ nổi loạn « Môi trường sống của tuổi trẻ » của Vũ Hạnh, do Kiến Thức Thời Đại xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 116 trang, trình bày vấn đề một cách rất đầy đủ và lời cuốn người đọc. Giá 220đ.

— Đường lên Hỏa-tinh của Trần Kim Thạch, Lửa Thiêng xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 130 trang gồm 8 chương và phần phụ lục trình bày kết quả hơn 3 thế kỷ quan sát Kim tinh và kết quả thám sát mới nhất của các phi thuyền cùng chuyến thám du giả tưởng. Rất nhiều hình ảnh. Bản đặc biệt.

— Danh pháp Hóa học (Hóa học hữu cơ và vô cơ) của Lê Hùng Sơn dày trên 30 trang rất tiện dụng cho các học sinh lớp 10, 11, 12

— Tre non số 6, tờ báo của Trẻ Việt tại Âu Châu do Phạm Hải Hồ, Đinh Vinh Khương và Võ Diệu Hào chủ trương, dày 56 trang, kỷ niệm 1 năm, với rất nhiều truyện trẻ em và các mục giải trí.

— Trinh thám tài tử truyện thiếu nhi của Thanh Châu, do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 108 trang loại Hoa Đỏ. Bản đặc biệt. Giá 90đ.

— Ánh nắng nhiệm màu truyện thiếu nhi của Chân Phương do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 122 trang loại Hoa Đỏ. Bản đặc biệt. Giá 120đ.

Cuộc chiến Tam quốc Trung-Đông và hai ông thầy Nga, Mỹ.

Nếu so sánh lực lượng đôi bên, Do Thái với 3.200.000 dân phải đối đầu với 42 triệu dân Ai Cập và Si Ri cộng lại. Kề thêm cả Li Băng, Jordanie, I Rắc thì dân số khối Ả Rập này lên tới 58 triệu.

Về quân số và vũ khí kể riêng hai nước Ả Rập tham chiến có 380.000 quân chính quy, 700.000 quân trừ bị, khoảng trên 3000 chiến xa, 3000 thiết giáp, 1000 phi cơ chiến đấu, 250 trực thăng và 120 chiến hạm.

Đối lại Do Thái chỉ có 95.000 quân chính quy, 180.000 quân trừ bị, 17.000 chiến xa 1.450 thiết giáp, 488 chiến đấu cơ, 70 trực thăng và 50 chiến hạm.

Phía Do Thái chiến đấu đề sống còn, tinh thần và kỹ thuật cao. Do Thái sử dụng loại phi cơ Phantom và Mirage có ưu thế hơn máy bay Mig của Ai Cập, nhưng lại chỉ có 150 chiếc loại này.

Về những vũ khí Mỹ yểm trợ cho Do Thái người ta kể tới các hỏa tiễn chống chiến xa TOW, hỏa tiễn cầm tay LAW, hỏa tiễn không địa Walleye có tầm xa 35 cây số bắn đi từ phản lực cơ Skyhawk, bom Shrike chống ra-đa, và một thứ vũ khí chống chiến xa mang tên Rockeye như loại bom chùm lần đầu tiên dùng tại chiến trường.

Phía Ai Cập và Si Ri, được Nga viện trợ các loại hỏa tiễn SAM 2,3,6 và 7, phi cơ chống chiến xa SU 20, hỏa tiễn tầm xa 300 cây số AS-5 Kelt và chiến xa T. 62 lần đầu tiên sử dụng tại Trung Đông. Nga còn viện trợ cho Ai hỏa tiễn địa-địa có tầm xa 120 cây số mang tên Scud mà trong một bài diễn văn Tổng Thống Ai Cập đã mập mờ tuyên bố đó là những hỏa tiễn nội hóa Al Kahir và Al Zafir đe dọa Do Thái.

Cả hai nước Nga Mỹ đều sử dụng vệ tinh nhân tạo yểm trợ cuộc chiến Trung Đông. Người Mỹ cho rằng ngày 3-10 Nga phóng vệ tinh Cosmos 596 và sau đó phóng thêm 5 vệ tinh gián điệp khác nữa và thu hồi những vệ tinh này 6 ngày sau, chính là để nghiên cứu những hình ảnh chiến trường. Người Mỹ cũng có hai vệ tinh bay qua vùng giao tranh trong đó có vệ tinh nặng 14 tấn Big Bird có thể gửi tin hay hình ảnh về ngay đài kiểm soát mà không cần đáp xuống. Chính người Nga lúc đầu bắt được các tín hiệu của Big Bird đã lầm tưởng rằng đó là những tín hiệu phát đi từ một hành tinh khác bên ngoài trái đất.

Về vũ khí, phe Ả Rập được cung cấp nhiều loại tối tân và hữu hiệu, nhất là hỏa-tiễn SAM 6, loại vũ khí mà Mỹ chưa hề biết. Chính loại hỏa

tiến này lần đầu tiên đem sử dụng tại Trung Đông đã vô cùng hữu hiệu khiến Do Thái không kịp trở tay trong những ngày đầu. Chiến thuật đánh ào ào bằng chiến xa có phi cơ yểm trợ, chiến thuật sở trường của Do Thái đã khiến Do thắng vẻ vang trong chiến tranh 6 ngày năm 1967, thì đã trở thành lỗi thời năm 1973.

Chính loại hỏa tiễn này cũng khiến cho Si Ri yên tâm không sợ phi cơ Do tấn công thủ-đô của họ, mặc dù quân Do chỉ cách Damas có 30 cây số.

Phía Ai Cập, họ chuẩn bị cuộc chiến kỹ càng từ lâu để phục hận, tinh thần binh sĩ cao hơn, vũ khí tối tân hơn, có một hệ thống phòng thủ dọc theo kênh đào Suez rất kiên cố, được so sánh ngang với hệ thống phòng thủ bảo vệ thủ-đô Mạc-tư-khoa.

Do Thái, tuy tinh thần quân sĩ rất cao, việc động viên nhân lực tiến triển tốt đẹp, hệ thống tiếp vận cho chiến trường hoàn hảo (họ được tiếp tế khá đầy đủ nước uống, trái cây, rau và thức ăn tươi ngay trên sa mạc) nhưng cũng có khá nhiều bất lợi.

Do Thái quân ít, nhưng sau chiến thắng 1967 mở rộng thêm biên-giới, nên chu-vi phòng thủ cũng tăng theo trong khi quân và tiền không tăng. Năm 1967 vì đất hẹp, không quân Do Thái thực hiện hàng ngày 10 hay 12 phi xuất thì nay phải giảm xuống còn 6 hay 7 phi xuất vì phải bay xa. Quân Do bây giờ bắt buộc phải hiện diện thường xuyên trên khắp

mọi mặt trận vì không biết địch sẽ đánh nơi nào. Do Thái không lợi dụng bất ngờ để tiêu diệt được tiềm năng không quân địch như hồi 1967 vì các căn cứ địch tua tủa những hỏa tiễn bảo vệ.

Một vài nhận xét đại cương như vậy cũng cho ta thấy tại sao Do Thái đã thất trận lúc đầu, nếu chỉ đánh như kiểu đánh năm 1967.

oOo

Khi tổng kết một trận chiến ai cũng muốn có con số tổn thất chính xác của đôi bên. Nhưng điều này thật khó vì bên nào cũng cho mình là đại thắng, thắng đến độ vô lý. Còn phóng viên thì không ai có khả năng đi đếm từng xác chết hoặc từng chiếc xe tăng bị đốt cháy. Thông cáo của cơ quan quân sự thường có khuynh hướng giảm số thiệt hại, nhất là số binh sĩ thương vong. Trái lại số thương dân chết lại được tăng lên cho thêm phần bi thảm (hai mạng sống, dân và lính, thật khác nhau !)

Trong một bản tin thuật một trận chiến, Đài phát thanh Do Thái loan tin hạ 800 chiến xa trong khi cũng tường thuật trận đó Si Ri loan tin chỉ bị đối phương hạ 25 chiếc. Mặt khác theo thông cáo của phe Ả Rập sau 8 ngày chiến đấu, Si Ri đã hạ của Do Thái 300 phi cơ khiến Do Thái phải kêu lên là tổng số phi cơ chiến đấu Do đã đưa ra mặt trận còn ít hơn con số đó !

Thành ra, khi Do Thái loan tin tiêu diệt 2 thiết đoàn kỵ binh I Rắc ngày 13/10 hoặc tướng Abdel Wahab

al Hariri của Ai Cập tuyên bố lính bộ của ông đã diệt 15 chiến xa Do Thái và giết một trăm tên thì cũng không ai dám tin hẳn.

Theo ước tính của người Mỹ thì sau 18 ngày giao tranh ác liệt, Do Thái chết và bị thương 4100 người, mất 107 phi cơ, 840 chiến xa và 1 chiến hạm. Phía Ai Cập thương vong 7500 người; 242 phi cơ, 895 chiến xa và 20 chiến hạm bị hủy diệt. Phần Si Ri: thương vong 7300 người, mất 179 máy bay, 880 chiến xa và 9 tàu chiến.

Con số thiệt hại của cả ba nước đều lớn hơn ba cuộc chiến tranh trước đây.

Tuy nhiên nếu so sánh với Thái Lan thì vẫn còn là ít. Vì đánh nhau 18 ngày vô cùng ác liệt mà Do Thái chỉ mới chết và bị thương có hơn 4000, trong khi cảnh sát Thái Lan dẹp sinh viên biểu tình thì có vài ngày mà đã nướng ngót ngàn cậu (bị thương 900 chết hơn 60).

Dầu lửa, thí nghiệm một chiến tranh mới ?

Năm 1973, ngoài cuộc chiến Trung Đông trên trận địa còn một cuộc chiến đặc biệt là cuộc chiến tranh dầu lửa. Các nước sản xuất dầu hỏa Trung Đông đều là đồng chí của Ai Cập nên đã dùng dầu lửa để làm áp lực với Mỹ và các nước ủng hộ Do Thái.

Lãnh-tụ cuộc chiến tranh dầu hỏa là ông già 68 tuổi, Fayçal, quốc vương Ả Rập Séoudite, nước sản xuất nhiều dầu nhất Trung Đông. Vua Fayçal

rất có uy tín với thế giới Ả Rập. Trước đây chính ông đã khuyên ông Sadat nên trục xuất các cố vấn Nga-sô vì ông tin rằng làm thế sẽ vừa lòng Mỹ và Mỹ sẽ ép Do Thái nhượng bộ vấn đề đất đai chiếm của Ai Cập. Sadat nghe theo nhưng Mỹ không làm theo ý Fayçal muốn. Mà thực ra dù 17.000 cố vấn Nga có bị trục xuất nhưng vẫn còn một số ở lại Ai và người ta tin rằng những hỏa tiễn SAM mới được sử dụng tại Trung Đông phải có tay người Nga giúp đỡ về kỹ thuật.

Lần này vua Fayçal tính nước cờ khác. Ông cho không Ai Cập 500 triệu Mỹ-kim và giảm 10% mức sản xuất dầu để làm áp lực với Mỹ. Các nước Abu Dhabi, Libye, Algérie, Qatar, Kuwait, I Rắc và Bahrein cũng đồng loạt làm theo.

Đây là một hành động kiểu Mỹ. Xưa nay Mỹ thường dùng tiền để làm áp lực với nước nghèo. Bây giờ những nước nghèo Trung Đông đã giàu có nhờ dầu lửa, lại gây ông đập lưng ông, làm áp lực ngược lại.

Tuy nhiên biện pháp này không ảnh hưởng ngay với Mỹ vì thực ra trong tổng số dầu tiêu thụ, Mỹ chỉ mua của Trung Đông có 11% trong khi Tây Âu mua tới 72%, và Nhật bản mua 82%.

Việc phong tỏa dầu hỏa cũng là một con dao hai lưỡi. Các nước sản xuất dầu cũng không muốn đựng tới Tây Âu hay Nhật là những khách hàng nuôi sống họ. Việc tăng giá dầu nếu ảnh hưởng tới Mỹ thì cũng ảnh

hưởng tới Nga. Ngoài ra, khi dầu đã ra khỏi bến các nước Ả Rập có cách nào kiểm soát dầu đó đi Nga, đi Nhật hay đi Mỹ.

Còn nếu nghi ngờ nước này nước khác rồi cấm dầu bừa bãi, các nước Tây phương lâm vào thế bí có thể phong tỏa hàng tỉ Mỹ-kim của Ả Rập tại các ngân hàng hoặc đánh nước liều tấn công vùng sa mạc dầu lửa để sống còn.

Vì những lý do đó, thái độ của các nước Ả Rập là một thái độ mập mờ. Nếu đánh được địch biết đâu mình chả mang thương tích. Cho nên những quyết định của họ lưỡng lự, còn lối thoát. Họ muốn nghe ngóng, nếu bất lợi thì rút quyết định về cũng không sao.

Tóm lại cuộc chiến tranh dầu hỏa chỉ là một thứ chiến tranh kinh tế và tâm lý, có ảnh hưởng về sau nhưng không có ảnh hưởng trực tiếp và tức khắc tới chiến cuộc.

Ngưng bắn : điều cả hai bên thầm mong ước

Khi Ai Cập và Si Ri tấn công Do Thái ngày 6/10 họ chỉ muốn rửa nhục và lấy lại phần đất đã mất. Khi Do Thái phản công lại cũng vậy. Cả hai bên không có ý muốn tận diệt nhau. Vì vậy tuy đánh nhau nhưng hai bên vẫn mong có người can.

Ngoại-trưởng Ai Cập El Zayyat tuyên bố rằng nước ông không có ý định chiếm lãnh thổ Do Thái, cũng không có ý định đẩy người Do Thái

xuống biển, khi trả lời cuộc phỏng vấn của báo Time.

Hơn nữa ngay thơ cách mấy thì Ai Cập cũng hiểu dù Ai có đủ mạnh để thắng nổi Do Thái, thì trước nguy cơ tuyệt chủng, Do Thái sẽ dùng bom nguyên tử của Do Thái chế tạo để tấn công đập nước Assouan và các đô thị Ai Cập, gieo khủng khiếp cho quốc gia này.

Phía Do, họ cũng biết họ chỉ sở trường về tốc chiến tốc thắng mà không đủ nhân lực và tài lực kéo dài cuộc chiến đê đê bẹp Ai Cập.

Trong khi đó hai cường quốc Nga Mỹ vẫn gửi khí giới cho hai phe để đánh nhau và vẫn vận động hòa bình. Một ngày sau khi chiến tranh bùng nổ Tổng-Thống Nixon đã gửi thư cho Tổng Thư-ký Cộng đảng Nga Brezhnev nhắc lại thông cáo chung Nga-Mỹ ký kết tháng 5/72 cam đoan cả hai nước sẽ hợp tác dập tắt mọi cuộc xung đột quốc tế.

Mặt khác, dù giảm số dầu bán cho Mỹ, Ngoại trưởng của các nước Ả Rập Séoudite, Kuwait, Maroc, Algérie, đại diện cho 18 nước Ả Rập đã hội họp với Tổng Thống Mỹ, yêu cầu ông đóng vai trò hòa giải cho chiến cuộc Trung Đông. Phía Nga sô Thủ tướng Kossygin tới Ai Cập hội đàm ba ngày liền với Tổng Thống Sadat.

Khi ông trở về Mạc-Tur-Khoa, chính-phủ Nga chính thức mời Ngoại trưởng Kissinger sang Nga thảo luận kế hoạch hòa-bình.

Ngày chủ nhật 21-10, Hội đồng Bảo-an họp khẩn cấp—một vài đại diện còn mặc quần soọc thể thao—biểu quyết dự thảo quyết nghị ngưng bắn do Nga sô và Hoa kỳ bảo trợ. Rồi quyết nghị số 338 được chấp thuận với 14 phiếu trừ Trung-hoa không có ý kiến. Ai và Do đều hoan hỉ tuyên bố sẵn sàng tuân theo. Chỉ có Si Ri ngập ngừng không dứt khoát. Nửa ngày sau, hai bên Ai Cập, Do Thái lại tố cáo lẫn nhau vi phạm. Liên Hiệp Quốc lại ra quyết nghị thứ 2. Lần này Ai, Si Ri và Do đều tuyên bố tuân hành.

Đặc biệt chỉ có ông Gadaffi hung hăng của Libye, chẳng ăn nhằm gì cả, lại tuyên bố chống quyết nghị LHQ.

Trong những ngày kế tiếp, 7000 quân LHQ sẽ được gửi tới Trung Đông để duy trì ngưng bắn. Họ thuộc các quốc tịch Áo, Phần Lan, Thụy Điển và 10 quốc gia khác thuộc châu Á, Phi, Mỹ La tinh và phe Cộng. Năm nước hội viên Hội đồng Bảo an LHQ không được gửi quân. Điều này làm Pháp không hài lòng, chống lại, nhưng thua. Anh quốc cũng muốn gửi quân sang Trung Đông để vớt vát ảnh hưởng tại vùng này, nhưng cuối cùng vẫn phải khuất phục ý muốn của Mỹ.

Chắc chắn còn nhiều lũng củng lật vạt sẽ xảy ra nhưng nhìn tổng quát, tiếng súng đã tạm ngưng. Theo kinh nghiệm từ trước tới nay hễ khi nào tại LHQ, Nga và Mỹ đồng ý thì mọi việc sẽ êm. Năm 1956 Nga Mỹ đã đồng ý tại LHQ nên không ai phủ

quyết nữa và cả Anh và Pháp khi đó cũng phải tuân lệnh ngưng chiến.

Bao giờ Ai-Do thử sức nhau lần nữa ?

Tiếng súng tạm ngưng ở Trung Đông. Quân đội Liên Hiệp Quốc lục tục kéo tới chiến trường để kiểm soát ngưng bắn. Nga và Mỹ sau khi hoàn thành mọi thủ tục cho LHQ kêu gọi ngưng bắn đã dọa nhau một cú chót: một bên đòi đưa lực lượng nhảy dù sang Ai Cập, một bên ra lệnh báo động các lực lượng trên toàn thế giới kể cả lực lượng nguyên tử. Nhưng thế cũng là đủ. Hai bên lại cười làm lành.

Còn lại ba nước trực tiếp đổ máu ngồi tính sổ chiến trường.

Do Thái lúc đầu có thua nhưng đã rửa hận được bằng những trận phản công táo bạo. Phía Đông kênh Suez giờ đây do Ai Cập chiếm đóng nhưng ngược lại Do Thái đang chiếm giữ một vùng đất phía Tây kinh trong lãnh thổ Ai Cập và bao vây một quân đoàn Ai Cập không lối trở về. Người ta tiên đoán rồi quân đoàn này cũng sẽ phải hành động như Thiếu tá Gamal Abdel Nasser hồi 1949 đã làm. Nghĩa là chờ lệnh ngưng bắn thực thi, chờ hai bên thỏa thuận với nhau rồi các binh sĩ Ai Cập được phép tay không đi qua phòng tuyến Do Thái để rút về Ai Cập. Tại mặt trận Si Ri, Do không những kiểm soát lại được Cao nguyên Golan mà lại còn tiến sâu

thêm vào sát thủ đô Damas. Tuy vậy để tránh mọi dị nghị và cũng là người tự trọng, Tổng trưởng Moshe Dayan đã đệ đơn từ chức nhưng Thủ tướng Meir không chấp nhận và nói vẫn hoàn toàn tin nhiệm ông.

Phía Ai Cập, họ lấy lại được uy tín với thế giới. Nhất là uy tín cho riêng cá nhân Tổng Thống Sadat. Từ một chính khách không mấy tiếng tăm được Nasser cất nhắc lên kế vị, ông Sadat đã nhiều lần tuyên bố sẽ tái chiếm Sinai để tăng uy tín. Năm 1971 ông tuyên bố sẽ là năm quyết định, nhưng không có gì xảy ra. Năm 1972 ông cải tổ chính phủ để kiêm nhiệm luôn cả hai chức vụ Tổng Thống và Thủ tướng cho mạnh nhưng vẫn chưa có biến cố quan trọng nào xảy ra. Mùa xuân 1973 ông lại tuyên bố « Lăn này chắc không thể tránh được chiến tranh » Nhưng chả ai tin ông cả.

Tới ngày 6-10 giữa lúc không ai ngờ thì ông cho lệnh tiến đánh Sinai. Những ngày đầu người ta hoài nghi. Người ta nghĩ năm 1967 Nasser thất trận xin từ chức nhưng uy tín còn lớn nên dân chúng giữ lại. Năm nay nếu Sadat thất trận chắc ông sẽ đi luôn.

Rồi cuộc chiến diễn ra tốt đẹp cho Ai Cập trong những ngày đầu. Dân Ai Cập cũng không ngờ là quân đội họ có thể làm được như thế và làm được từng ấy đã là quá giỏi. Uy tín ông Tổng Thống có vợ đảm là Sadat lên như diều. Dân chúng hoan hô ông nhiệt tình, họ coi ông xứng

đáng kể vị Nasser, ông là người đã mang lại danh dự cho Ả Rập. Sau cuộc chiến tranh 17 ngày, Sadat đã thật sự trở thành vị anh hùng của Ai Cập.

Chỉ có Jordanie, gửi một tí quân tượng trưng tham chiến, không làm Do Thái phật lòng mà giữ được hòa khí với Si Ri, Ai Cập và lại nhận được dầu lửa từ Kwait tặng.

Mỹ cũng hơi thiệt thòi về ngoại giao khi Tây-ban-nha, Hy Lạp ngăn không cho sử dụng căn cứ trên nước họ để tiếp tế cho Do Thái và Tây Đức cũng phản kháng khi Mỹ dùng bến của Đức để chuyển xe tăng xuống tàu Do Thái.

Âu cũng là một sắc thái của nền bang giao theo lẽ lối dân chủ.

Chỉ còn Si Ri thực tình chẳng được lợi lộc gì cả khi hùn hạp với Ai. Năm 1958 xóa bỏ biên giới quốc gia tự sát nhập vào Ai Cập được mấy năm rồi lại phải tách ra. Năm nay chung vốn với Ai làm một trận tưởng chiếm lại được Cao nguyên Golan. Ai ngờ không chiếm lại được mà còn mất thêm đất nữa. Không làm gì được Ai hay Do, Tổng Thống Si Ri bèn trút hận lên đầu các tướng lãnh của mình. Nguồn tin UPI cho biết Thiếu tướng Rashid Halawi đã bị đưa ra tòa án quân sự cùng với 5 sĩ quan cao cấp khác về tội rút lui khỏi Golan và đã bị hành quyết.

Bây giờ hai phe bắt tay nhau tuy lập trường hai bên không bao giờ gần nhau cả. Ai Cập, Si Ri đòi Do

Thái phải trả lại những phần đất họ chiếm năm 1967. Do Thái nói những phần đất đó là những diềm chiến lược Do phải giữ để bảo đảm an ninh cho Do.

Còn nếu giữ tình trạng da beo như hiện tại thì Si Ri mất thêm đất, Ai Cập, Do Thái kể như hòa vì bên nọ lấn sang bên kia.

Sau khi chiến tranh bùng nổ vài ngày, Mỹ có tung một quả bóng thăm dò dư luận đề nghị cho Do Thái chiếm hẳn Cao nguyên Golan nhưng Do Thái trả lại Ai Cập cả hai bờ kênh Suez để kênh này thông thương trở lại. Giả thử đề nghị này thực hiện thì Do Thái không thiệt, cao diềm chiến lược Golan vẫn giữ được. Ai Cập không mất mặt. Các nước sử dụng Suez vui vẻ vì khỏi đi vòng lối

Phi Châu tốn thời giờ và xăng nhớt. Còn nếu cứ để mỗi bên chiếm một bờ kinh thì dù có mở lại cũng chẳng tàu nào dám mạo hiểm đi qua có ngày ăn đạn của cả đôi bên.

Nghĩ cho cùng mang quân đánh nhau, hao người tốn của rồi lại trở về tình trạng gần như cũ không hiểu Do Thái và Ai Cập đã chán chưa? Hay là họ chỉ nghỉ xả hơi một vài năm để rồi lại thử sức nhau lần nữa.

Đề đi đến kết quả là can trường và tài giỏi như Do Thái hay đông đảo, kiên trì như Ả Rập cũng không quyết định được số phận mình mà chỉ trở thành những con cò của hai siêu cường Nga, Mỹ.

31-10-1973

ĐẶNG TRẦN HUÂN

BÁCH-KHOA SỐ KỶ-NIỆM 17 NĂM CŨNG LÀ SỐ TẾT GIÁP DẦN

Sẽ ra vào khoảng đầu tháng 1-74. Vậy quý bạn viết bài cho số đặc biệt trên đây xin gửi về Bách Khoa trước ngày 15-12-73. Trân trọng cảm ơn quý bạn.

Ban Chủ trương BÁCH KHOA

Mến chúc

DƯƠNG-THỊ THU-CÚC
NGUYỄN - KHÁNH - ÂU

*vòng tay hướng-đạo tình chung
trọn đời yêu thương và hạnh phúc*

Hiếu-Đề
(SAIGON)

Đã phát hành: (từ tháng 1 đến tháng 9/1973)

- CÔ BÉ TREO MỪNG *của Hoàng Ngọc Tuấn*
- HÌNH NHƯ LÀ TÌNH YÊU *của Hoàng Ngọc Tuấn*
- CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA
của Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch
- BẠCH TẦN *của Từ Vu, Vi Huyền Đắc dịch*
- HỒI KÝ 41 NĂM LÀM BÁO *của Hồ Hữu Tường*
- PHI LẠC SANG TÀU *của Hồ Hữu Tường*
- TẬP LUẬN *của Võ Phiến*
- BỨC BÌNH PHONG
của Somerset Maugham, Nguyễn Minh Hoàng dịch
- LỊCH SỬ BÁO CHÍ VIỆT-NAM *của Huỳnh Văn Tông*
- DỊCH CÁT *của Nguyễn Văn Xuân*
- MƯU SINH
của Maxime Gorki, Trương Đình Cử dịch
- TIẾNG CHIM VƯỜN CŨ *của Nguyễn Mộng Giác*
- CHIẾC MẶT NẠ DA NGƯỜI *của Nguyễn Xuân Quang*
- NHỮNG NGÀY RẤT THÔNG THẢ
của Trần Thị Ngh.

TRÍ ĐĂNG *xuất bản*

19, Nguyễn-Thiện-Thuật Saigon 3

Đ.T. 92.017

Tìm hiểu Cố-đô Huế

L.T.S Ông Thái văn Kiềm là tác giả của nhiều sách biên khảo công phu trong đó có tập «Cố đô Huế» (lịch sử, cổ tích, thắng cảnh) do Nha Văn Hóa bộ Q.G. G.D. xuất bản từ năm 1960. «Cố đô Huế» như vậy là một đề tài quen thuộc với Ông và Ông lại nói chuyện về đề tài này tại Trung tâm Đắc lộ Saigon, chiều thứ bảy 6.10.73, nhưng dưới các khía cạnh: «Vị trí lịch sử và địa lý, Những kiến trúc chính yếu, Quan niệm và kỹ thuật kiến trúc của Cố đô» trước khi đề cập đến «Huế huyền bí và trầm lặng». Chúng tôi xin trích đăng bài nói chuyện trên đây riêng về khía cạnh: Quan niệm và kỹ thuật kiến trúc của Cố đô Huế.

...Kinh-thành Huế khởi đắp tháng 4 năm Ất-Sửu, 1805, chiếm địa phận 8 làng: Phú-Xuân, Vạn-Xuân, Diển-Phái, An-Vân, An-Hòa, An-Mỹ, Thế-Lại, An-Bửu; nhưng làng Phú-Xuân mất đất nhiều hơn cả, nên làng này được vua ban, ngoài số bạc bồi thường nhiều ruộng đất chung quanh Huế, ở Quảng-Trị và Quảng-Bình nữa.

Vua Gia-Long xem xét địa thế từ làng Kim-Long đến Thanh-Hà, thân chế kiểu thành, rồi mới giao cho Giám Thành Nguyễn-Văn-Yến vẽ bản đồ, đóng cọc, v.v.. rồi huy động quân lính ở Kinh và mộ dân các tỉnh về làm. Chúng ta có thể xem viên Giám Thành Nguyễn-Văn-Yến như vị Kiến-trúc-sư đầu tiên của Kinh-thành Huế.

Ban đầu, thành chỉ đắp bằng đất, cho nên chỉ từ tháng 4 đến tháng 8 đã xong. Năm Đinh-Mão 1807, lại tiếp tục công việc cho đến cuối triều Gia-Long. Năm Mậu-Dần, 1818 mới bắt đầu xây gạch 2 mặt Nam và Tây, rồi đến mặt Bắc, công việc giao

cho Hoàng-Công-Lý, Trương-Phúc-Đảng và Nguyễn-Đức-Sỹ, đến năm 1819 thì xong. Năm Canh-Thìn, Minh Mạng nguyên niên 1820, mưa lớn, làm đổ mất 300 trượng (phòng chừng 1200 mét), phải sửa chữa lại. Năm Tân-Tỵ, 1821, lại tiếp tục công việc và xây gạch mặt phía Đông, như vậy là cả bốn mặt đều xây bằng gạch. Qua năm Nhâm-Ngọ 1822, lại mưa lớn, làm hỏng 2057 trượng (8228 mét), phải giao cho hai Kiến-trúc-sư Trần-Văn-Năng và Nguyễn-Văn-Vân sửa chữa lại. Sau hết, năm Giáp-Thân, 1824, còn tu bổ một lần nữa, công việc mới thật hoàn toàn, tính như vậy, từ năm 1805 cho tới năm 1824, là cả thảy 20 năm trời mới xây xong Kinh-thành Huế. Lúc bấy giờ, những người có dự vào việc xây Kinh-thành đều được ban thưởng; quân lính trước khi giải ngũ về quê được lãnh tất cả 143.000 quan tiền, các quan kiến-trúc và chuyên-viên được lãnh mỗi người thêm 5 tháng lương.

Theo Linh-mục Léopold Cadière

viết trong tập san của Hội Đô-Thành Hiếu-Cồ, số 1-2, năm 1933, thì những người Pháp giúp việc vua Gia Long, không có xen vào công việc xây dựng Kinh-thành Huế, Linh-mục Cadière còn nói thêm đại khái rằng; ngoại trừ thành Gia-Định, đã được kiến thiết năm 1791, do bản đồ của Kỹ-sư Lebrun, dưới quyền chỉ-huy của Vệ-úy Olivier, tất cả những thành trì trên lãnh thổ Việt-Nam, tuy có tham chước ít nhiều những kiểu thành Vauban, đều do những Kiến-trúc-sư Việt-Nam phác họa và thực hiện.

Nói như vậy, không phải là chúng ta hoàn toàn phủ nhận ảnh hưởng của Tây-phương trong việc kiến-trúc Kinh-thành Huế. Ảnh hưởng đó có thật, nhưng người ta chỉ trông thấy nơi Thành ngoài mà thôi; còn như những cung điện lâu đài ở bên trong thì tuyệt nhiên không có gì là Tây-phương cả; trái lại, những cơ cấu này có phần tương tự như Kinh-thành Bắc-Kinh thu nhỏ lại.

oOo

Nhìn lại Kinh-thành Huế, chúng ta nhận thấy quả thật là một địa điểm sơn thanh thủy tú, trước có sông Hương uốn khúc, núi Ngự âm bình phong, hai bên có cồn Thanh Long bên tả và cồn Bạch-Hồ bên hữu, chung quanh có sông ngòi bao bọc, tạo thành một cảnh trí mỹ miều và một vị trí chiến lược có nhiều ưu điểm.

Một khi địa điểm đã được tuyền định, Bộ Lễ và Khâm Thiên Giám phải chọn ngày lành tháng tốt, để

làm lễ thượng lương, với tất cả nghi thức cần thiết, đề thần linh chứng giám và tổ tiên phò trợ, đặc biệt lễ quan phải treo câu đối viết trên giấy hồng đơn:

«Lập trụ hi phùng hoàng đạo nhật»

«Thượng lương hạnh ngộ Tử-vi tinh»

(Dựng cột nhà hoan hi gặp ngày hoàng-đạo,

Cắt đôn đông may mắn được sao Tử-vi)

Lễ thượng lương của ta cũng giống như lễ đặt viên đá đầu tiên của Tây-phương vậy. Điều đáng chú ý là nền kiến-trúc cổ truyền của ta chuyên lo về thượng tầng cơ sở đầu tiên, còn nền kiến trúc Tây-phương lại chú trọng nơi hạ tầng cơ sở trước hết.

Sau khi đã tập trung đầy đủ những dữ kiện tinh thần, người xưa mới nghĩ tới sự vận dụng những yếu tố vật chất, như là kỹ-thuật, nhân công, vật liệu, tài-chính v.v... Tôi có ý đề vấn đề tài-chính sau hết, là vì người Á-Đông thời cổ không mấy khi dự trù ngân-sách trước khi thi hành một công tác.

Về nhân lực, chúng ta phải nói tới sự đóng góp của nhiều địa phương trong nước. Theo châu-bản Gia-Long thứ 4, 1805, chúng ta được biết: tỉnh Quảng-Trị phải sức đòi 4151 quân dân hạn đến ngày 20 tháng 4 phải có mặt tại Kinh-đô để khởi công, tỉnh Quảng-Bình đòi 2388 quân dân, tỉnh Quảng-Nam đòi 2436

quân dân, v.v., tổng số nhân công lên tới một vạn rưỡi. Ngoài ra, các thợ thuyền chuyên môn như thợ làm ngói, gạch, thợ mộc, thợ nề, thợ chạm, thợ đúc, thợ rèn, v.v... cũng được các tỉnh chọn lọc, trưng tập và gửi về Kinh.

Về vật liệu, hồi đó người ta lấy đá (granit) ở núi Mai Vực, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh-Hóa, cẩm thạch (marbre) ở Ngũ hoành sơn (Quảng-Nam), sa thạch (grès) ở gần chùa Thiên Mục, gỗ tốt như li, kiền kiền, gõ, ít, thì lấy ở các tỉnh Quảng-trị, Quảng-bình, Nghệ-an, Gia-định, v.v... Căn cứ trên bản phúc trình của Đại-úy Công-binh, Lecompte, có đăng trong tạp chí của Đô-Thành Hiếu Cờ thượng dẫn và có ghi ngày 20 mars 1875, thì dưới đời vua Tự-Đức (và có lẽ các tiền triều) đã có một lò gạch của nhà vua chuyên đúc gạch cỡ lớn, mà người Tây-phương gọi là «brique mandarine» lò gạch này ở ngã ba sông Hương tiếp giáp với sông Con chảy về suối nước nóng Thanh-Tân, gần trại Ba Trúc của Giáo-đoàn Quốc-ngoại (Mission étrangère) do Giám-mục Sohier kiến lập năm 1868.

Cũng theo Đại-úy Lecompte, thì nhà vua có một lò ngói ở Phường Đúc, gần Hồ Quyền (Arènes); lò ngói này cũng có sản xuất gạch lát, mà bây giờ ta gọi là Ca-rô. Tất cả những ngói và ca-rô đều có phết một lớp men, vàng hay xanh tùy theo công dụng, trước khi cho vào lò. Những lò này được xây xiên theo lưng đồi để cho hơi nóng từ phía

dưới lẫn theo lên tới phía trên, sau khi đã đi qua các lớp ngói.

Chúng ta cũng không quên những vật liệu khác như vôi và cát. Người ta lấy cát dễ dàng ở chung quanh những cồn, như cồn Giả Viên tức Bạch Hồ, cồn Hến là nơi sản xuất những con sò, con hến và bấp cồn ngon ngọt đặc biệt. Riêng về chất vôi, người ta khai thác ở chung quanh đồi Long Thọ tức Long Thọ Cương, hay là Thọ Khương, là nơi mà sau này người Pháp đã thiết lập một nhà máy vôi lấy tên là Société des Chaux Hydrauliques de Long Thọ, gọi nôm na là vôi Bò Ghè, do tên của Bogaert, người đã sáng lập và trông coi lâu năm nhà máy vôi Long Thọ.

Sở dĩ thành quách được bền bỉ lâu dài là do nơi kỹ thuật trộn vôi với các vật liệu khác thành ra hồ (mortier) dùng để kết hợp những đá gạch liền với nhau. Vôi hồ của ta ngày xưa đại khái gồm có cát, vôi, cứ hai phần cát thì một phần vôi, rồi trộn với nước và đường tăng hoặc mật mía (mélasse de canne à sucre). Công dụng của mật mía là thêm vào hồ một chất nhót (colle) và sẵn có chất vôi, nó sẽ tạo nên một chất kếp mới gọi là sucrate de calcium, có đặc tính làm cho cứng rắn gấp bội.

Nếu cần có một thứ vôi mật thật tốt, mà người Tây-phương gọi là stuc, thì người ta trộn thêm vôi hồ một ít giấy bản, làm với vỏ cây gió (aquilaria crassana P.) một loại danh mộc, vỏ có sợi (filamenteux), thân có trầm (aloexyllum agallochum).

Thứ vôi này có đặc tính bám chặt (adhésif) thường dùng để phết tường cho trơn, uốn nắn những mô hình tế nhị, như long lân qui phượng, hoặc để gắn những miếng sành vào đó cho được mỹ thuật và lâu dài.

Chúng ta thuộc về khu vực văn minh thảo-mộc (civilisation du végétal), cho nên chúng ta dùng rất nhiều gỗ mà ít dùng đá. Vì những cột kèo, đòn dông, đòn tay, rui, mè, xuyên, trến, đều bằng gỗ ráp lại với nhau theo những phương pháp cổ điển (tuyệt nhiên không có đóng đinh), cho nên những cung điện của Kinh-thành Huế có thể tháo gỡ dễ dàng, và di chuyển đi nơi khác được; đó là trường hợp của nhiều cung điện trong Thành Nội, như cung Bảo Định ngày xưa ở phường Tây Lộc, về sau dưới đời Duy Tân thứ 2 (1908) đã được tháo gỡ, lấy vật liệu đem về dựng lại trong sân Quốc Tử Giám lấy tên mới là Di Luân Đường, từng dưới làm giảng đường, từng trên thiết bàn thờ Đức Khổng Tử; một phần khác của cung Bảo Định, là điện Long-An, cũng đã được tháo gỡ đem về phía sau Di Luân Đường, để làm Tàng-Thư-Viện, đến năm 1923 lại dùng làm cơ sở cho Viện Tàng-Cổ Khảo-Định.

Đến đây, chúng ta cần mở một dấu ngoặc, để ghi nhớ rằng trong cuộc Nam Tiến, chúng ta đã được truyền lại nhiều kỹ thuật kiến trúc tân kỳ của người Chiêm-Thành và người Chân-Lạp. Trong những kỹ thuật đó, chúng ta chú ý trước hết tới những cái vòm (arc, voûte, cintre) của những

tháp Chàm. Những vòm này không phải là «vòm cuốn» rẽ quạt (voûte en éventail), mà là vòm lớp (voûte étagée), mà trong đó những lớp gạch (assises de claveaux) được sắp ngang và lẫn lẫn gắn lại với nhau; người Tây-phương gọi là «voûte à encorbellements successifs». Những vòm cuốn chịu ảnh hưởng kiến trúc Trung-hoa; còn những vòm lớp chịu ảnh hưởng kiến trúc Ấn-Độ. Ưu điểm của những vòm lớp là không đè nặng trên các trụ chống (pilier), khuyết điểm của những vòm lớp là không thể mở rộng như những vòm cuốn rẽ quạt, và cũng không thể chịu đựng những sức nặng lớn lao; cho nên vòm lớp chỉ có thể dùng trong kiến trúc xây dựng cửa ngõ tháp chòi, mà không thể dùng trong việc xây dựng cầu cống, trên đó có ngựa xe qua lại.

Ngoài ra, chúng ta cũng nên chú ý tới một kỹ thuật kỳ lạ của người Chiêm-Thành, là họ có thể làm cho những viên gạch đã nung rồi dính liền với nhau mà không trông thấy chất vôi ở giữa. Là vì người Chiêm-Thành từ ngày xưa đã biết dùng một chất hồ thảo mộc (liant végétal). Chất hồ đó chúng tôi đã khám phá được là dầu (résine) của cây dầu rái (dip-terocarpus alatus.)

Tuy nhiên, nếu chúng ta nhận thấy những chân tháp Hồi ở miền Nam Trung-Việt đều bị ăn lồm vào, là vì tính chất hút nước của gạch (porosité) làm cho phần dưới luôn luôn bị ẩm ướt, khi trời mưa thì nước tụ xuống dưới đã đành, tới khi trời nắng thì nước dưới đất vẫn

tiếp tục bị gạch hút lên, để biến thành hơi ; lại thêm gió biển thổi mạnh vào, đem theo cát bụi và nhiều chất muối làm cho vôi hồ, gạch đá chóng hư hao mai một.

Cũng trên đường Nam tiến, chúng ta đã tiếp xúc với người Chân-lạp và họ đã truyền lại cho ta một bí quyết kiến-trúc, một chất nhựa dẻo dai của một loài thảo mộc, mệnh danh là cây ô đước, tức quế quan mà người Tây phương gọi là *Cannelier de Ceylan*, *laurier-myrrhe*, hay là *Cinnamomum zeylanicum*, một giống cây cao chừng 20m, mọc rất nhiều ở các rừng Nam-Việt, nhất là ở các rừng Tây-ninh, Bà-rija. Người ta tìm róc vỏ cây ô đước, đem về giã dập rồi ngâm nước trong 24 tiếng đồng hồ, để lấy một chất nước nhớt (*matière colloïdale*), đem lọc kỹ, rồi trộn với cát, và mật mía, làm thành một thứ vôi hồ hảo hạng. Nếu ngâm quá 24 tiếng đồng hồ, thì chất nhớt sẽ vữa thành chất nước (*état liquescent*).

Người Chân Lạp xưa kia, cũng như người Việt ở một thời kỳ gần đây, còn dùng rất nhiều hồ ô đước để xây nền, xây tường và nhất là những ngôi mộ. Chất hồ này có thể so sánh với chất "colle forte", khi khô nó rút cứng lại, làm cho chúng ta liên tưởng những sợi thép căng thẳng của chất bê-tông *précontraint* do kỹ-sư Freyssinet sáng tạo. Ngày nay, trong châu thành Saigon, chúng ta còn trông thấy bên vệ đường nhiều cỗ mộ, gọi là má đá hay má ô-

đước mà hầu hết những xà beng và búa tạ của Sở Tràng-tiền đều có thể chứng minh tính chất cứng rắn phi thường của các cỗ mộ này.

Cũng có một vài nơi khác, không tìm thấy cây ô đước, người ta thay thế bằng một thứ thảo mộc có nhựa, gọi là giây tơ hồng (*Cassytha filiformis* Lin). Tất cả những bộ phận của cây tơ hồng đều có một chất nhớt, có thể ép nó ra, rồi trộn với vôi bột, để làm thành một chất mát-tít (*mastic*) dùng để trét láng những phen tường những ghe thuyền, để nước khỏi thấm vào.

Tất cả những giống cây trên kia, dù là cây gió, cây dầu, cây ô đước hay là giây tơ hồng đều có những tính chất chung, là chứa đựng một chất nhớt (*mucilage visqueux*), và một chất nhựa thơm (*résine odorante*), cả hai chất này hợp lại làm tăng thêm sức dẻo dai cứng rắn của vôi hồ và đồng thời làm cho sâu bọ phải kiêng nê...

THÁI VĂN KIỀM

SÁCH MỚI

— **Đầu gió** : tuyển tập những bài thơ thép do Văn nghệ Dân tộc xuất bản và Cục Tâm lý chiến gửi tặng. Sách dày trên 170 trang với sự góp mặt của hầu hết những nhà thơ trong quân lực VNCH. « Nội dung tập thơ nói lên tinh thần chiến đấu kiên cường, dũng cảm quân dân miền Nam trước hiểm họa xâm lăng của Cộng-sản BV, đồng thời thể hiện tình yêu quê hương, dân tộc và sự quyết tâm bảo vệ hòa bình ». In rất đẹp để dành tặng các chiến sĩ.

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH: 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh	Cholon : 47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuật : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : để xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Di-truyền, mật-mã và âm hiệu

Áp-dụng vào thực tiễn y-học hiện đại, những luận-cứ mà chúng tôi trình-bày hết sức sơ-lược trên số trước là xương sống tinh-thần của khoa tế-bào-di-truyền-học y-học.

Nhưng ở đây, trước hết, có lẽ nên nói đến một khía cạnh độc-đáo của vấn đề. Ở đây, người viết muốn đề-cập đến đẳng-trật tư duy trong y-lý : đẳng-trật tư duy ấy ở một mức rất cao, bởi lẽ, lần đầu tiên trong lịch-sử một chuyên-khoa sinh-học, bộ-phận mấu chốt của cơ-chế di-truyền không phải là một cấu-trúc vật chất — khoa-học là duy-vật, ta không nên quên ! — mà lại là *một tập hợp những vật-thể trừu-tượng*, tức là bộ mật-mã, tức là các bản tin.

Những cuốn băng acid nucléic — ADN, ARN — chỉ là những cuốn băng. Còn trên thân mình những cuốn băng ấy, các âm-hiệu cấu-thành mật-mã di-truyền hình-dáng ra sao, vóc dáng thế nào, nét ngang hay nét sò, chữ đứng hay chữ nghiêng, chúng ta tuyệt-đối nào có thấy ! Giống hệt các cuộn băng nhạc : chúng chỉ là những cuộn nhựa màu nâu hay đen, quấn quanh một cái "reel". Đưa một băng nhạc ra đổ một nhạc-sĩ, hỏi rằng băng nhạc này ghi gì, tình-ca, đạo-ca hay tục-ca, chắc chắn người nhạc sĩ không làm sao trả lời được. Nhưng

dĩ-nhiên khi ráp băng vào máy thì khác : ta sẽ có dịp thưởng-thức lời ca tiếng nhạc, ta sẽ có cơ ru hồn theo những nốt, những cung.

Người chuyên viên di truyền học cũng « nghe » cũng « đọc » những âm hiệu trên băng ADN, ARN như ta nghe lời ca ghi trên băng nhạc. Những cuộn băng acid nucléic dài dằng dặc chính là hình ảnh của những cuộn băng từ tính sinh học, mang tải trên mình một hành trang hết sức độc đáo, bởi lẽ hành-trang ấy chính là *sự sống*, chứ không là gì khác.

Độc đáo hơn nữa, dưới mắt khoa di truyền học, chính quan niệm *trừu tượng* về mật mã lại quan-trọng hơn, quan trọng hơn hẳn, nếu so sánh với cấu-trúc vật chất mang cái quan niệm ấy. Thực là một dữ kiện cách-mạng đối với khoa-học.

Mật-mã di-truyền vừa phức tạp vừa phong phú. Như các hình-thái của sự sống. Nhưng phức tạp, phong phú là thế, mà nó chỉ dựa vào có bốn bazơ, luôn luôn, khắp nơi, vẫn chỉ là bốn bazơ ấy. Có thay đổi chỉ là thứ-tự sắp xếp các bazơ ấy trên cuộn băng acid nucléic. Cũng vẫn giống như trên những cuộn băng nhạc. Tất cả chỉ có bảy nốt, tất cả chỉ có ngũ âm. Nhưng tài-hoa,

nghệ-thuật, điều luyện là ở điểm sắp xếp, phối trí bảy nốt năm âm ấy. Nếu chúng ta đem đặt song song, một bên là tính-cách cực-kỳ rắc rối, vô cùng đa dạng của sự truyền-tin di-truyền — tức là sự sống —, một bên là vật-thể mang-tải sự truyền tin ấy, với tất cả tính-chất giản-dị, đơn-sơ của nó — vì nó chỉ do có bốn bazơ tạo nên — thì chúng ta sẽ thấy sự tương-phản lớn-lao, kỳ-lạ biết bao!

Nhưng dấu phức-tạp, phong-phú, mật-mã lại *phổ-biến, thông-nhất*. Thống nhất và phổ-biến ở điểm dường như ở bất cứ loài sinh-vật nào, luôn luôn vẫn có một mối tương-quan rất chặt-chẽ, rất gắn-bó giữa một « ám-hiệu » nào đấy, do ba bazơ azốt đại-diện, với một acid amin nào đấy, trong cấu-trúc của các prôtid.

Đặc-tính thứ ba của hệ-thống truyền-tin di-truyền, cũng rất kỳ-lạ, bất-ngờ, là *tính-cách miên-viễn của bản tin*. Mật-diện mà các acid nucleic vận-tải có thể sinh-sản theo đúng hình-ảnh của mình, như chúng ta đã thấy trên kia, trong hiện-tượng chuyển-tả ADN-ARN. Để cho dễ hiểu, ta lại trở về các cuộn băng nhạc hay có thể mượn hình-ảnh các cuộn phim : có một cuộn mastertape sang ra bao nhiêu bản mà chẳng được, cũng như có một cuộn phim, nhưng có thể sang ra đề đồng-thời chiếu ở nhiều quốc-gia.

Những cuộn băng mật-mã được sang lại ấy tham-gia rất tích-cực vào hiện-tượng phân-chia, sinh-sản của tế-bào, khiến cho mỗi một tế-bào con lại mang, trong nhân của mình,

một bản tin thừa-kế sao y hệt bản tin đã có trong nhân của tế-bào mẹ. Mà như chúng ta đã biết, sự cấu-thành các tế-bào sinh-dục cũng chỉ là một hình-thức phân-chia tế-bào. Thành ra hiện-tượng truyền tin di-truyền, thông qua sự sinh-sản, *trở nên bất-diệt, miên-viễn*. Các bản tin cứ được truyền đi, qua những sinh-vật vật-chất, và các sinh-vật như chúng ta chẳng qua chỉ là những khách qua đường, thoát đến rồi thoát đi, hiện ra rồi biến mất, sinh-trưởng rồi tiêu-vong. Trong khi sự truyền tin cứ tiếp-tục mãi mãi thì con người chỉ là tạm-thời, phù-du; sinh-vật sớm muộn cũng phải trở về với cát bụi, chỉ có các bản tin là tồn tại và cứ thế truyền đi, để bảo-tồn mãi mãi sự sống. Cho nên chúng ta đâu có tử, nhưng vẫn còn sinh; tuy có vong mà lại cứ tồn. Thân-xác này chỉ là nhất-thời, truyền tin mới là bất-diệt. Sắc sắc, không không...

oOo

Cho nên sự sống, xét dưới giác-độ di-truyền, được định-nghĩa như là tập-thể các hiện-tượng khiến cho bản tin có thể truyền hoài truyền mãi một cách hết sức trung-thành, không sai lệch, bên trong các đại-phân tử, mà chủ-yếu là ADN.

Nhưng những phân-tử nguyên-thủy, xuất-hiện lần đầu tiên trong vũ-trụ, đã hình-thành ra sao? Trong cõi càn khôn hỗn-mang, làm thế nào mà một phân-tử prôtêin lại có thể đột-nhiên trình-diện, lẻ loi, độc tôn, để rồi bắt nguồn từ đấy, mầm sống này-

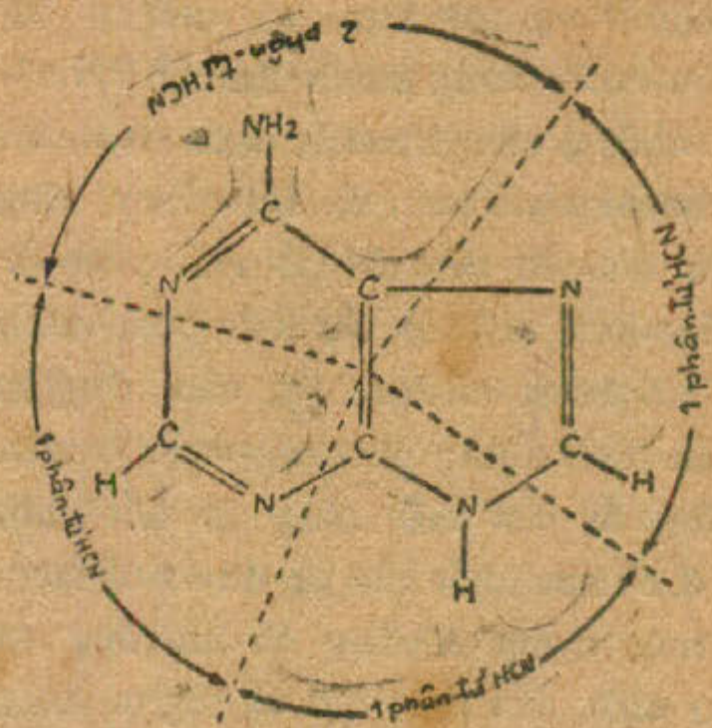
nở ? Hỏi như vậy tức là đặt vấn-đề giải-đáp bài toán *nguồn gốc sự sống*, ít nhất là sự sống theo hình-thái của thế-giới chúng ta, trên mặt quả địa-cầu này.

Cách đây lối một nghìn triệu năm, vũ-trụ quay-cuồng trong một cơn lốc do một chất tối-sơ tạo thành, mà khoa-học gọi là *món cháo nguyên thủy*. Một bát cháo vĩ-đại, nhưng thành-phần thì lại rất giản-dị, bởi chỉ gồm ôxy, hydrô, methan (CH_4) và amônhác (NH_3).

Năm 1950, nhà hóa-học Hoa-Kỳ *S.L. Miller* đã tổng-hợp được những acid amin trong phòng thí-nghiệm, bằng cách khởi đi từ một hỗn-hợp ở thể hơi mà thành-phần rất gần với thành-phần món cháo nguyên-thủy, dưới tác-dụng của những lần phóng điện liên-tiếp. Từ đó ấy đến nay, khoa-học đã tổng-hợp được những acid béo, những đường, những bazơ puric (1) trong những điều-kiện tương-tự. Và chẳng, như *E. Lederer* đã nhận xét, chỉ cần quan-sát phân-tử adénine là ta thấy rằng phân-tử ấy do năm phân-tử acid cyanhydric (HCN) tạo thành.

Nhưng những acid amin « nhân-tạo » ấy lại hiện-diện dưới cả hai dạng hóa-học tả-triển và hữu-triển, trong khi chất sống chỉ có những phân-tử tả-triển.

Như vậy có nghĩa là thiên-nhiên đã can-thiệp vào sự chọn lựa, giữa cái đồng hỗn mang những acid amin đều, thứ nhất, chỉ tuyến-trạch có hai mươi acid mà thôi, thứ hai, chỉ lấy



Một phân-tử adénine bằng năm phân-tử acid cyanhydric (HCN).

thể tả-triển mà sử-dụng. Có lẽ chính vì vậy mà sự chọn-lựa chỉ xảy ra một lần, và sự sống, do đó, cũng chỉ xuất sinh một lần cho mãi mãi.

oOo

Các glôbin huyết, các men, các điều-tố trong hồng-cầu, tất cả đều là những prôtêin. Tất cả những cấu-cảnh của sự sống: hô-hấp, tiêu-hóa, bài tiết, đều tùy thuộc vào cấu-trúc của các prôtêin, vào sự sắp-xếp của các phân-tử, của các acid amin. Chỉ có hai mươi acid amin thôi, nhưng chúng thống-trị tất cả. Cũng như chỉ có trên dưới hai mươi chữ cái của văn quốc-ngữ, nhưng văn-hóa nước nhà đã hu-y-cộng chúng để viết nên biết bao nhiêu trang sách báo.

Cấu-trúc của các prôtêin không phải là ngẫu-nhiên. Trái lại, có những kiến-trúc-sự chỉ-huy sự xây-đắp, có những qui-luật nghiêm-ngặt

(1) Hai trong bốn bazơ azôt (adénine, guanine) là những bazơ puric. Hai bazơ còn lại là những bazơ pyrimidic.

chỉ-phối sự sắp-xếp, có những kẻ thừa-hành mang mệnh-lệnh (ARNm), có những chuyên-viên dịch mật-mã (ribosome). Tóm lại, tất cả sự sống trên địa-cầu đều chỉ do vài phân-tử thống-lĩnh, chỉ-huy. Sự kiện phát-minh ra hệ-thống chỉ-huy ấy, câu chuyện thấu hiểu được phương-thức truyền thông ấy của chất sống là kết tinh, là đỉnh cao nhất của tư-duy sinh-học, là một trong những thành-công to lớn nhất của thời-đại chúng ta đang sống. Trong sinh-học, đây là một cuộc cách-mạng, tương tự như cuộc cách-mạng mà cách đây chừng ba mươi năm, khoa vật-lý đã chứng-kiến khi tìm ra nguyên-tử.

Chất căn-bản của mọi sinh-vật do hai yếu-tố cấu thành : các prôtêin, các acid nuclêic. Các prôtêin là những kẻ bị trị, những nhân-công, những người thừa-hành. Các acid nuclêic là những kẻ chỉ-huy, những kiến-trúc-sư, những người chỉ lối.

Sự sắp xếp các bazơ azôt trong các acid nuclêic, theo một thứ tự nào đấy, tạo thành mật-mã. Giống như một cán-bộ điệp-báo thông-tri cho các thuộc-viên của mình theo một lối nói, lối viết đã được quy-định trước ; tương-tự như các nhân-viên gián-điệp nhận ra nhau qua những ám-hiệu ước-lệ ; các acid nuclêic, giữ chức-vụ chỉ-huy, cũng gửi những bản tin cho các prôtêin, giữ nhiệm-vụ thừa-hành, bằng mật-mã di-truyền. Đọc được hệ-thống mật-mã di-truyền ấy là một trong những chiến-công lừng-lẫy nhất của khoa sinh-học phân-tử.

Bản trường-ca về mật-mã di-truyền, về sứ-giả, về thông-ngôn, bản sử-thi Odyxê thời-đại của thế-kỷ hai mươi mà chúng ta đang đọc, thực ra không phải là hoàn-toàn khẩu thuyết vô bằng. Bởi người kiến-trúc, người đưa tin, người dịch điện đều là những hóa-chất minh-bạch mà giới nghiên cứu đã có thể phân-tích, tổng-hợp.

Công việc của các nhà sinh-học ngày nay có phần giống nghiệp-vụ của những chuyên-viên Ai-cập-học thuở nào. Nhưng công-nghiệp hiện-đại thật phần khó-khăn hơn vì những nét-chữ sinh-hóa mà giới nghiên-cứu đang dồn tất cả tâm-trí để đọc lại không phải do tay người viết nên. Mà là do thiên-nhiên, bởi lẽ đây chính là tiếng nói của vĩ-nghiệp sáng-tạo ra sự sống và chất sống.

oOo

Chúng ta có một con vi trùng. Đồng thời chúng ta cũng có một kẻ thù ghê-gớm của con vi-trùng ấy, mà giới vi-sinh-học gọi là thực-trùng. Thực-trùng là một sinh-vật quái-đản, bất thành «nhân» dạng, vì nó chỉ có một cái vỏ và một mảnh ADN. Một ngày nào đó, trong lúc ngao du sơn thủy, chàng Mã-giám-Sinh thực-trùng gặp nàng Kiều vi-trùng. Chàng liền bắn cho nàng một phát, bắn cả mảnh tình con ADN vào thân nàng, qua lớp màng bao. Đây không phải là chấn gối trong vòng lễ giáo, đây không phải là gấn-gụi vì ái-tình, đây là một trường-hợp hiếp-dâm khoa-học. Và thế là từ đây, ADN của con thực-trùng hòa mình luôn vào trong nhiệm-thê của con vi-trùng. Và nếu

con thực trùng lại có độc-tính thì kè như — nói theo ngôn ngữ của *J. de Grouchy* (1)—cô nàng vi-trùng bị hiếp-dâm rồi đời. Không những rồi đời riêng nàng, mà còn rồi đời cả giòng họ, cả huyết tộc, cả miêu-duệ của nàng nữa. Bởi trong các nhiễm-thể của nàng, giờ đây là một ADN khác, ADN của con thực-trùng! Thành ra con ong không những đã tỏ đường đi lối về, mà con ong còn làm biến-chủng luôn cả đóa trà-mi nữa! Đờ rồi sau cuộc mây-mưa, đóa trà-mi trở thành một đóa hoa thái-lài, và sẽ sản-xuất hàng trăm đóa thái-lài khác... Mã-giám-Sinh thực-trùng đã tiếp tay với y-học: con vi trùng đã biến thể, con vi-trùng đã mất khả-năng gây bệnh.

Trên kia, chúng ta có đề-cập đến hiện tượng chuyển-tả ADN-ARN hay nói một cách nôm na hơn, là hiện-tượng sao bản ADN thành ARN (như ta sao băng nhạc). Actinomycine D là một trụ-sinh. Trụ-sinh ấy ngăn-cản hẳn sự chuyển tả ADN-ARN bằng cách phối-hợp với guanine (một trong bốn brơ azốt của các codon), nghĩa là đánh mất chỗ cytosine. Tội-nghiệp cho những sinh vật nào — đối với y-khoa là các vi-trùng chẳng hạn — mà lại bị Actinomycine D tấn-công. Các chuyên-viên dịch mật-mã, trong những điều-kiện ấy, sẽ không còn đọc được bản tin một cách nghiêm-chỉnh, thông suốt nữa. Kết quả là sự truyền tin sẽ đình-trệ, sự sống vì thế cũng chấm dứt luôn. Phần đông các trụ-sinh khác cũng có lẽ-lối tác-dụng tương

tự, nhưng có dị-biệt là ở điểm xạ-kích: mỗi trụ-sinh tấn công vào một tuyến khác nhau của vi-trùng. Ngày nay, khi nói về cơ-chế tác-dụng của các trụ-sinh là người ta nói theo cách ấy: trụ-sinh A tấn-công vào cứ-điểm x của vi-trùng, trụ sinh B xung-kích vào lô cốt y của vi-trùng. Lối mô-tả khái-quát trụ-sinh này tác-dụng lên vi-trùng kia, trụ-sinh nọ tấn-công loại vi-trùng kia nay đã gần như lối thời, lạc-hậu, cũ lẫn.

Quan-niệm về cơ-chế phát-sinh ung-thư cũng chịu ảnh-hưởng của sự truyền tin di-truyền. Ung-thư hiện ra như một thể-loại bệnh điên của các nhiễm-thể. Ung-thư là một nòi tế-bào ác ôn, một nòi hung thần, một nòi sát sinh, một đứ con đẻ hoang, một thứ con tư sinh của tình trạng bất-định, vô-thường, tao loạn. Ung thư, vì vậy, chính là một nòi tế-bào tự-hủy — vì truyền tin đã hỗn-loạn thì sự sống đâu có thể còn — là một kẻ đang tay cưa cành cây trên ấy mình đang ngồi, như *J. de Grouchy* đã ví von. (2)

Nhưng phạm-vi ứng-dụng thực tiễn nhất hẳn-nhiên là thuộc lĩnh-vực bệnh-lý di-truyền. Nhờ đọc được mật mã, giới chuyên-viên ước-tính được phân-xuất theo đó một yếu-tố di-truyền có thể xuất hiện trên đám con cháu của một cặp vợ chồng. Vì vậy,

(1) *J. de Grouchy*. — Les nouveaux Pygmalions. Aux confins de la génétique humaine. Gauthier — Villars Édit. 166 pages. Paris 1973.

(2) *J. de Grouchy* Les nouveaux Pygmalions (Op.cit).

đã có những lời khuyên rất hữu-giá cho những đôi nam nữ thanh-niên muốn cùng chung sống trọn đời. Chẳng hạn chàng A bị bệnh x, nàng B bị bệnh y. Hoặc anh A bị bệnh x cô B là bà con thế nào đó với anh A. Trước khi quyết định đi đến hôn-nhân, nhà di-truyền-học sẽ ước-tính xem con cháu của cặp AB sẽ có bao nhiêu phần trăm, phần nghìn, phần vạn.., rủi-ro bị bệnh x, bệnh y. Nếu thấy tỷ-số quá nhỏ (nghĩa là sự rủi ro có thể bị bệnh rất lớn) thì khoa-học-gia, đứng thuần-túy về mặt lý, sẽ khuyên hai anh chị không nên kết tóc xe tơ. Dĩ nhiên là chỉ biết khuyên thôi, còn nếu con tim có những lý-do của con tim thì lại là chuyện khác.

Đi xa hơn nữa, nếu một mai kia, y-học chọc thủng được bức màn bí-mật vẫn còn phủ trùm trên hiện-tượng định-tính sinh-vật — tức là sinh ra giống đực hay giống cái — thì lúc ấy y-khoa sẽ thực sự cướp quyền Tạo-hóa. Điều này theo luận-lý không đến nỗi quá khó khăn. Bởi vì chúng ta đã biết vị trí đặt điện-đài phát-tuyến để đánh đi các bức mật-điện liên-hệ : đấy chính là

hai cặp nhiễm-thể đặc-biệt quyết-định giống cái hay đực, tức là hai cặp x và y. Vậy thì chỉ cần chủ-tâm hướng công-tác dò tìm, chỉ cần lưu ý bố-trí chuyên-viên Watergate sinh-học vào hai nhiễm-thể ấy. Sớm muộn ắt sẽ nghe được những câu chuyện di-truyền mà chúng đang tỉ-tê. Nghe được, hiểu được, thì chi phối, tuyên-trạch chỉ là tiến thêm bước nữa.

Rồi đây, y-khoa sẽ có thể đặt ra vấn-đề tuyển-chọn các cá-nhân, gạt bỏ những « phẩm vật » thấp kém, để chỉ giữ lại những con người xuất-sắc, bằng cách chọn lọc và chi sử-dụng hệ-thống mật-mã di-truyền tương-ứng với các vi-nhân. Y-khoa có thể sẽ cứu xét bài toán lựa nòi—cloning — để sản xuất tùy thích một thể-loại con người đồng-nhất, siêu-việt, và một thể-loại duy-nhất ấy mà thôi. Nhưng lúc ấy không rõ vấn-đề cloning có còn đúng là một chiến-thắng không, hay lại trở thành một mối đe dọa. Cho chính loài người. Cho chính sự sống.

TRẦN VĂN TÍCH

04-10-1973

KẾ TOÁN — TỐC KÝ NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG

93 Ngô Tùng Châu (Saigon 2)

124 Hùng Vương (Saigon 5) từ 18 giờ 30

Sách mua tại trường giá đặt biệt

Quản đốc : G.S. TRẦN MINH XUÂN

Đông y qua nét chữ

« Pour perfectionner son esprit, il faut moins apprendre que méditer ».

DESCARTES

Đề xây-đựng kho-tàng thuật-ngữ y-khoa của mình, Tây-phương khai-thác hai nguồn tài-nguyên có thể xem như là vô tận : ngôn-ngữ Hy-lạp và ngôn-ngữ La-tinh. Đông-y không có được điểm-phúc, hạnh-vận ấy ; và danh-từ y-học của phương Đông chỉ được cấu-tạo bằng cách kết hợp các từ phổ-thông để mô-tả những ý-niệm chuyên-môn khúc-triết, phức-tạp. *Tọa* là ngồi, *cốt* là xương, do đó có chữ *tọa-cốt* để chỉ cái xương mà số phận hàm-hiu đã khiến bị gán-ghép vai trò hứng chịu trọn khối trọng-lượng cơ - thể những lúc tã ngồi. *Thực* là ăn, *chỉ* là ngón tay, *thực-chỉ* là ngón tay trỏ, vì chính ngón tay ấy cộng-tác cùng ngón tay cái để giúp ta vận-dụng đôi đũa hầu đưa thức ăn vào miệng. Nhưng đây chỉ là những ví-dụ rất đơn-giản.

Chữ Hán, tức là văn-tự Đông Y dùng làm chuyên-ngữ chủ-yếu, thuở nguyên-thủy vốn là một thứ chữ tượng-hình, nhưng rồi sau biến-cải cùng với thời-gian, và trong quá-trình hình-thành, đã qua những lối như chỉ sự, hội ý, hình thanh, chuyển chú, giả tá. Điều này những ai có học qua chữ Nho đều biết. Và khác với chữ của Tây-phương vốn chỉ là những dấu-hiệu quy-ước vô hồn, Hán-tự là một văn-tự hàm-súc, ẩn-dụ.

Trong bài này, chúng tôi lấy một vài từ-ngữ y-khoa Đông-phương phổ thông làm bối-cảnh tư-liệu để thử phân-tích và tìm ý-nghĩa của những từ ấy, rồi, bằng vào kết-quả chiết-tự, thử suy-diễn ra nội-dung tiềm-ẩn có thể có. Có lẽ một đôi khi trí tưởng-tượng của người viết tung-hoành quá xa, có thể ở một vài điểm chúng tôi đã để cho óc suy-tư buông-thả, phóng túng thái quá. Nhưng dầu sao, chúng tôi cũng không dám tâu láo, và ít nhất thì cũng đã có một tác-giả Tây-phương vạch đường chỉ lối cho kẻ lão hủ này (1).

oOo

Nói đến Đông-Y dĩ-nhiên phải bàn đến âm với dương. Đây là những từ tổng-hợp mà ý-nghĩa thay-đổi tùy theo hoàn-cảnh văn-bản.

Cả hai chữ âm dương 陰陽 đều cùng có chung một bộ, bộ phụ 𠂇 ở bên trái. Trông giống một chữ beta Hy-lạp, bộ phụ là do chữ phụ 阜 giản-lược. Phụ là đồi, là gò, là núi đất.

Trong chữ dương, ngoài bộ phụ nằm bên trái, bên phải ta có, từ trên xuống dưới, chữ nhật 日, một

(1) J. Lavier : Les bases traditionnelles de l'acupuncture chinoise. Librairie Maloine S.A. Paris 1964.

nét ngang, rồi đến chữ *vật* 勿. *Nhật* ai cũng biết là mặt trời, *vật* hàm ý phủ-định (1). Nói cách khác, mặt trời khắc-chế sự phủ-định, sự từ-chối : ta thấy tất-cả tính-cách và ý-nghĩa tích-cực trong cấu-trúc ngữ-học liên-hệ.

Trong chữ *âm*, về phía phải, ở phần trên là chữ *lệnh* 令 (mệnh-lệnh) ngăn cách với phần dưới, bộ *khư* 夂 (riêng-tư) bởi một nét ngang. Diễn-đạt cách khác, *âm* là chỉ-huy của riêng tây, của phần trong, của nội-tâm, của nội-thể.

Nhưng nếu xét về toàn-bộ, thì trọn phần phải của chữ *âm* có nghĩa là trời âm mây che, trong khi đối với dương, trọn phần phải gọi ý-niệm ánh dương quang đang tỏa chiếu. Tính-cách tượng-hình ở đây đã quá rõ-rệt : chữ *âm* với cái mái nhà che-phủ phía trên cùng, chữ *dương* với hình-ảnh mặt trời bên trên và bốn tia sáng chói lòa phía dưới.

Những ý niệm ấy đã quá đủ để chúng ta hiểu rằng *âm* tương-ứng với sườn đồi phía rợp bóng, sườn đồi phía *bắc*, luôn luôn ở trong *râm*; trong khi *dương* hình-dung sườn đồi phía tắm nắng, sườn đồi phía *nam*, rực rỡ ánh sáng mặt trời.

Từ ấy ta suy ra ý-nghĩa phức-tạp mà *âm dương* có thể biểu-thị : hai từ ấy, hai từ keo sơn gắn-bó, không bao giờ phân-cách, xa lìa, chẳng phải danh từ, chẳng phải tính-từ, chẳng phải động-từ, nhưng đồng thời, cũng là tất-cả ba loại-từ vừa kể ; hai từ ấy có thể có những nghĩa trong, lạnh,

tối, gái, chậm, mạn tính... đối với ngoài, nóng, sáng, trai, nhanh, cấp-tính v.v..

oOo

Học-thuyết Đông-Y — nhất là khi áp-dụng vào châm-khoa — vốn dựa vào ý-niệm năng-lượng. Năng-lượng vận-hành liên tục trong cơ-thể, và mục-đích của nghệ-thuật sử-dụng kim vàng kim bạc, nhìn dưới một khía-cạnh thực đơn-giản, là tái-lập dòng lưu-thông của năng lượng mỗi khi có sự trở-ngại. Thật ra thì yếu-tố căn-bản gắn liền với vật-chất đâu phải là trọng-lượng, trái lại, chúng ta biết rằng thành-phần chủ-yếu kiến-trúc vật chất chính là một khối năng-lượng, lớn hay nhỏ. Năng-lượng ấy được biểu-thị bởi một số lực-trường, khiến những phân-tử cấu-tạo vật-chất, tuy không ép sát nhau nhưng vẫn liên kết với nhau, qua trung-gian một hệ-thống lực, gian phân-tử và nội nguyên-tử. Những phân-tử tò-thành ấy ai cũng biết là có thể được giải-phóng do những nhân-tố rất dị-biệt. Trường-hợp điển-hình là các loại bom hạch tâm : khi bom nổ, ta được một số năng-lượng, nhưng đồng thời, một số vật-chất cũng bị hủy-phá.

Vậy thì trong sự sống phải có một cái gì đó, chung-nhất cho mọi vật, mà cái gì đó chủ-yếu phải là thuộc thể loại năng lượng. Sự sống lại có một cá-tính rất độc-đáo : đấy là khả năng vãn-hồi năng-lượng bị mất mát hay bị tiêu-phí bằng cách hấp-thụ những yếu-tố tổ lấy từ ngoại-giới,

(1) *Vật* nghĩa là đừng, là chớ : «kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân».

tức là thực-phẩm và dưỡng-khí. Cho nên, xét qua lăng-kính thuần vật-lý, năng-lượng của cơ-thể phụ-thuộc vào những gì cơ-thể tiếp-nhận được từ xung quanh. Năng lượng ấy, Đông-Y gọi là khí 氣.

Khí là một cái gì đó, vô hình, vô sắc, nhưng có thể cung cấp một công, và điều ấy thì ta thấy rõ ngay khi khảo-sát qua cơ-cấu của từ liên-hệ. Chữ *khí* gồm bộ *khí* và từ *mễ*.

Bộ *khí* 气 tức là *hơi*, hay đúng hơn là *steam* của người Anh-Mỹ.



Lỗi chữ cò

Lỗi chữ khai

Nhưng hơi ấy có nguồn gốc ở bên ngoài, mà nguồn gốc bên ngoài để cung-cấp khí-lực thì còn gì tiêu-biểu cho bằng thực-phẩm, mà thực-phẩm của phương Đông thì thứ gì quàmật được lúa gạo? Cho nên phía dưới bộ *khí* là chữ *mễ* 米 hạt gạo, mà ngày xưa, cò-nhân tượng hình bằng bó lúa:



Như vậy là qua một chữ, và chỉ cần qua một chữ thôi, Đông-phương đã định-nghĩa được sự sống, tức là một năng-lượng vô-hình (hơi, steam), được nuôi-nấng do những thành-phần tư-dưỡng lấy từ môi-rường bên ngoài (mễ, gạo) và tượng-

trưng bằng chữ *khí*.

Nhưng nếu trên bình diện vật-chất, con người liên-hệ chặt-chẽ với ngoại-giới, thì trên khía cạnh năng lượng, con người cũng gắn bó không kém phần mật-thiết với thiên-nhiên: nhân-thể chịu đựng và phản-ứng lại những biến-thiên bên ngoài, loài người lao-động ban ngày và ngủ-nghê ban đêm, canh-tác nơi đồng ruộng trong mùa nắng và trú đông nơi ấm-áp trong mùa lạnh. Hơn nữa, chúng ta luôn phải cố-gắng thích-nghi với những bất-thường khí-hậu, thời tiết của môi-trường bằng cách huy-động những chức-năng mà Carrel gọi là "fonctions adaptatives" và khi những chức-năng ấy bị tràn-ngập thì con người trở thành nạn-nhân, mang những tật bệnh thời-thượng được Selye mệnh-danh là «syndromes hay maladies d'adaptation».

Góp phần vào chiến-thuật, chiến-lược tự-vệ của cơ-thể là hai yếu-tố *vinh* và *vệ*. Theo Đông-Y, *vinh* là một hình-thức năng-lượng luân-lưu trong các mạch (vinh hành mạch trung) và *vệ* là một hình-thức năng-lượng thứ hai, vận-hành bên ngoài các mạch (vệ hành mạch ngoại). Nói cách khác, *vinh* phụ-trách phần sâu kín của cơ-thể, *vệ* đảm-đương phần ngoại-vi. Cho nên *vinh* thuộc âm, *vệ* thuộc dương. Nhưng về mặt năng-lượng thì *vinh* và *vệ* chỉ là hai hình-thức của khí: *vinh khí* và *vệ khí*.

Chúng ta thử khảo-sát hai từ *vinh* và *vệ*.

Chữ *vinh* 榮 gồm phía dưới là bộ *mộc* 木 tức là cây, gỗ; và phía trên là hai bộ *hỏa* 火, chen vào giữa là một thứ nắp đậy (bộ *mịch* 冫 (1)).

Sự hiện-diện của nắp đậy rất có ý-nghĩa, vì hàm ý rằng lửa và củi không tiếp-xúc với nhau, mà bị ngăn cách. Thế là có lửa, có củi, nhưng củi không cháy. Vậy đây chính là biểu-tượng của đời sống (hỏa, lửa), nhưng là một đời sống thực-vật (2) (mộc, cây); nói cho gọn hơn, *vinh* là năng-lượng thực-vật. Cũng có thể liên-tưởng đến nhựa nuôi cây: không có nhựa, cây (mộc) không thể sống (hỏa). Thành ra *vinh* khí là một năng lượng (khí) thực-vật (*vinh*), lưu-hành tựa hồ một loại nhựa nuôi cây, với đặc-tính chủ-yếu là phạm - vi phục - vụ thuộc địa-bàn nội-thể. Và qua biểu-tượng ấy, hẳn nhiên ta có thể dễ-dàng đồng hóa *vinh* khí với các chức-năng thần - kinh nội-tiết, tức là những chức-năng có bản-phận tự-động giữ vững quân bình nội-môi.

Tuy nhiên nếu *vinh* khí là một năng lượng chủ-yếu ở về phần trong, ở trung ương, không tiếp-xúc với ngoại-giới, thì điều ấy không có nghĩa là *vinh* khí hoàn toàn biệt-lập với bên ngoài. Hệ-luận đương-nhiên là phải có một cơ-cấu trung-gian, một thứ sĩ quan liên lạc giữa *vinh* khí và môi-trường xung-quanh, một thứ chiến-sĩ biên-phòng, một chức-vụ dịch-sứ. Trung-Y mô-tả vệ khí theo quan niệm ấy.

Chữ *vệ* 衛 gồm ba phần dọc mà

phần giữa hàm-ý một loài « da », và hai phần hai bên hợp lại thì tạo nên chữ *hành* 行 mà ta thường dùng trong từ « hành-động ». Hành-động như một lớp da thuộc, như một áo giáp, như một *cuir asse*, như một chiến-bào, tức là bảo-vệ. Vậy *vệ* bao-hàm hai ần-ý: một ám-chỉ làn da trong chức-năng bảo-vệ và một ám-chỉ khả-năng hành động để phòng ngự. Như vậy là ta đến đúng nghĩa của chữ *vệ*: người lính canh với hai nhiệm-vụ, vừa bảo hộ vừa phòng-thủ. Và cũng như người lính canh được lựa chọn trong số các bạn đồng ngũ cùng đơn-vị, *vệ* khí là một phần năng-lượng được biệt-phái tăng cường cho tiền đồn bì-phu, với thượng-lệnh phải kịp thời hành-động, đối phó khi địch-quân giành dân chiếm đất. Nếu chúng ta đọc Carrel, trong « l'homme, cet inconnu », ta sẽ thấy Carrel tương-đặc với Đông-Y biết bao, khi nhà học-giả Pháp phát-biểu: « la peau joue vis à vis de l'organisme le rôle d'un attentif gardien » !

Đề cho dễ hiểu hơn, chúng ta thử tưởng-tượng khi cơ-thể bị tà khí

(1) *Mịch* nghĩa là dùng khăn che-đậy đồ vật.

(2) Y-khoa phân biệt hai đời sống: một đời sống giao-thiếp, hoạt-động, lo tiếp-xúc với bên ngoài, dưới sự chủ-trì của hệ thần-kinh trung-ương, thuộc phạm vi đảm-trách của các hệ xương, hệ cơ, giác-quan v.v.. và một đời sống thực-vật, thống lĩnh môi-trường nội-thể, giữ quân bình bên trong, với sự góp công của các chức năng tuần-hoàn, hô-hấp, bài-tiết, tiêu-hóa, nội-tiết v.v..

tấn-công, ví-dụ trường-hợp nhiệt-độ bên ngoài lên cao bất ngờ chẳng hạn. Trong giai-đoạn đầu, ta ghi-nhận hiện-tượng giãn mạch ngoại-vi, kèm theo mồ-hôi toát nhiều. Đây là những sự kiện bên ngoài, hoàn toàn thuộc phạm-vi thẩm-quyền ứng biến của người lính canh trong vai-trò vệ-sĩ mẫn-cán, trên lãnh-thò mà đương-sự đặc-trách. Nhưng nếu tà khí vẫn tồn-tại, tình-trạng bất thường cứ kéo dài, năng-lượng vệ sẽ bị tràn-ngập, sẽ đánh điện kêu cứu, và đến lượt năng-lượng *vinh* lo tồ-chức bố-phòng nơi hậu-phương: nhịp hô-hấp gia-bội và huyết-áp tăng cao. Lúc bấy giờ cả *vinh* lẫn vệ đồng

tâm hiệp lực đề chống-cự lại địch quân xâm lăng.

Cũng nên nói thêm là không thể tách rời *vinh* ra khỏi vệ, cũng như không thể chia lìa âm ra với dương; không thể có một năng-lượng *vinh*, một *vinh* khí thuần-túy, đơn-độc, và đối với vệ cũng vậy. Trung-Y quan niệm chỉ có một thứ năng-lượng, đấy là *khí*, nhưng *khí* biểu-hiệu ra dưới hai dạng sinh-lý dị biệt, *vệ* và *vinh*.

KIM DỊCH

...2

Kỳ tới: Các chữ: Tạng, Phủ, Phế, Can, Thận, Tỳ v.v...

Cùng quý bạn mua Bách Khoa đóng tập

Xin trân trọng trả lời chung đề quý bạn rõ:

— Bách Khoa đóng tập có bán rời từng tập từ năm 1966 trở đi, mỗi tập 6 số giá 600đ và mỗi tập 12 số giá 1050đ (bìa carton, gáy simill cuir, in chữ kim-nhũ).

— Bách Khoa toàn bộ từ 1957 đến nửa năm 1973 (thiếu khoảng 15 số) gồm 44 tập, giá 35.000đ, giao tại 160 Phan đình Phùng Saigon.

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin ngày 28-11-1973 nhằm ngày 04-11 năm Quý Sửu, ông Bà Chủ Ngọc Liên sẽ àm lễ Vu quy cho thứ nữ **CHỦ-NGỌC MAI-ANH** đẹp duyên với cậu **LÊ QUANG QUẾ**.

Thành thật chia vui với ông bà Chủ Ngọc Liên và chúc cặp **MAI ANH — QUANG QUẾ** trăm năm hạnh phúc.

VĂN THANH — HOÀNG OANH

קניין

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Nhà SÙNG CHÍNH, HUẾ vừa phát hành
1000 ấn bản đặt biệt

NGHIÊN CỨU VIỆT NAM

Niên san 1973. tập I

Niên san nghiên cứu văn minh Việt Nam qua
nhiều khía cạnh sử học, địa lý học, dân tộc học,
giáo dục, khoa học, văn chương...

- với một hình thức sang trọng
- với một nội dung súc tích
- xứng đáng được lưu giữ trong tủ sách
gia đình quý vị

Gồm các tác phẩm nghiên cứu của: Nguyễn thế
Anh, Nguyễn hữu Đính, Nguyễn văn Hai, Nguyễn
hữu Châu Phan, Nguyễn Phương, Nguyễn Toại,
P. J. Honey, Phạm cao Dương, Phan thuận An,
Sơn hồng Đức, Tạ chí Đại Trường, Tôn thất
Hanh, Trần anh Tuấn, Trần đức Tường, Trương
ngọc Phú, Vũ Khánh.

Chủ biên: NGUYỄN HỮU CHÂU PHAN

Nhà xuất bản Sùng Chính

8 bis Nguyễn Huệ — Huế

hay 68/12 Trần quang Khải (Đakao) — Saigon I

THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Điện thoại : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG

có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cở áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gửi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẮN THƯ QUÁN

CAPSTAN

điều dài đầu lọc
Hiệu thuốc QUỐC TẾ



Nếu Quý vị thích
hương-vị hảo-hạng
của

CAPSTAN

Quý vị sẽ rất hài-lòng khi hút

CAPSTAN

điều dài đầu lọc

Uốn nắn tâm hồn theo truyền thống dân tộc

*Mục tiêu thiết yếu của nền
Giáo dục quốc dân Việt-Nam*

CÁCH UỐN NẮN THEO « CHÍNH NGHĨA QUỐC GIA »

Thế nào là
« Chính nghĩa quốc gia »

Đã có lần một ông Tổng-trưởng Ngoại giao VNCH đưa ra đề nghị để thống nhất Nam Bắc V.N :



Trong hiện tại phải gieo nhân « từ bỏ vọng ngoại mà hướng về Dân tộc », thì mới có ngày được hưởng hậu quả « thống nhất Dân tộc » trong tương lai. Đó là cái lý « Nhân Quả » không sao vượt qua được. Tâm hồn người công dân có được uốn nắn theo đường hướng truyền thống, thì khi lâm nguy mới biết tìm ra lối thoát, quốc gia mới được bảo vệ và Dân

tộc mới trường tồn.

Đối với nhiều người trí thức Tây học, chưa thoát khỏi một tai nạn xâm lăng là Thực-dân, đã lại lâm ngay vào nạn bị Cộng-sản đe dọa một cuộc xâm lăng khác, có lẽ chính nghĩa quốc gia chỉ còn là một cái gì mơ hồ. Còn đối-với người dân bình thường thì quốc-gia là một « sự nghiệp » mà dân-tộc đã gây dựng được qua những thăng trầm của Lịch-sử để tự bảo vệ mà sống còn. Như vậy chính-nghĩa quốc-gia là cái nghĩa-vụ bảo toàn sự-nghiệp ấy, trong đó có đất nước và sự liên-đới dân-tộc, tức là mạng-sống dân-tộc. Trong thời gian, mạng-sống ấy là sự nghiệp lịch-sử và trong không gian, là các tầng lớp đồng bào.

Ngay trong cái xã-hội hỗn loạn ngày nay cũng có cách minh-định thế nào là « có » và thế nào là « không có » chính nghĩa quốc gia. « Có » là khi nào quan niệm, lời nói, việc làm, khiến cho tinh thần « liên-đới dân tộc » không bị tổn thương mà còn thêm vững mạnh. « Không có » là những hành động, lời nói hay ý-niệm làm cho ý-nghĩa dân-tộc lu mờ đi, lòng người

ý lại không tự-cường, chỉ mong nhờ cậy thế mạnh của ngoại-bang mới dám tin, mới chịu làm việc.

Cần biết phân biệt rõ ràng như thế để lựa chọn, để quyết định, thì trong sinh hoạt cộng đồng quốc gia

mới biết tránh cho tâm hồn khỏi bị uốn nắn theo chiều bất-chính, và biết chọn lấy những dữ-kiện chính đáng trong sinh hoạt cộng đồng mà tán thưởng, mà hưởng ứng cho chính-nghĩa quốc-gia thêm sáng tỏ, thêm uy thế, trong bản thân mình cũng như trong tâm trí đồng bào.

Nhận định theo « Chính nghĩa quốc gia ».

● Chẳng hạn về phong trào « *Trở về nguồn* ». Theo nguyên tắc Lễ-giáo, ngày giỗ Tổ Hùng-vương là một biểu-tượng điển-hình cho lý-tưởng « Quốc-gia Dân-tộc ». Dân chúng hưởng ứng một cách nhiệt thành và mỗi năm còn thêm quy mô rộng lớn hơn. Sự kiện đó rất dễ hiểu. Trong tiềm-thức Dân-tộc (vô-thức tập-hợp) và tất nhiên trong thâm tâm mỗi người dân Việt đều chứa sẵn những yếu-tố truyền-thống để đáp ứng thuận tiện cho sự tham gia ngày Lễ. Nếu không vì quyền lợi riêng tư nào cấm thì không ai có lý do gì khác để phủ nhận hay bài xích; không ai còn muốn khoác lấy cái trách nhiệm bài bác Lễ-giáo Việt-Nam,

Tuy nhiên về phương-diện Văn-ngệ lại tế-nhị hơn. Theo tục truyền,

nguồn gốc Dân-tộc nào cũng đầy đầy những thần thoại. Thần-thánh-hóa Tổ tiên mình vốn là sở thích của con người muôn thuở. Nhưng không nên quên trình độ tiến hóa về hiểu biết với thời gian. Nếu vô tình hay cố ý loại bỏ yếu tố thời gian, thì tính cách thần thoại trở nên dị đoan lạc hậu, hoặc lơ lửng hài hước, chẳng còn gì là trang nghiêm đáng kính nữa. « Kính chẳng bỏ phiến »!

Trở về nguồn phải có tác dụng hướng dẫn, uốn nắn tâm hồn làm sao « bắt lại » được cái giọng « sinh hoạt tâm tình » xưa, khiến cho tâm tình ngày nay rung động cùng nhịp-độ (tần số) giữa các thế-hệ hiện tại, chẳng hạn bằng một nghi thức trang nghiêm, một bài văn bài ca, một điệu nhạc giọng « ngâm » nào đó.

Giọng sinh-hoạt cùng nhịp-độ rung động ấy đồng thời còn là nguồn thông cảm xưa và nay, khiến cho người cùng dân-tộc có thể hiểu nhau qua « vô-thức cộng-đồng » (inconscent collectif) nghĩa là bằng trực giác, không cần suy-tư lý-luận: vui cùng vui, buồn cùng buồn, lo âu hay tin tưởng cũng có nhau. Có thể nói rằng: trong mỗi cá nhân, sinh mạng của Dân-tộc còn được bao nhiêu là ở khả-năng (nhiều hay ít) cảm thông được với đồng bào trong những dịp hân hoan ngày Tết, ngày hội, cũng như trong những lo âu phiến não vì sự đe dọa của những biến cố chẳng lành.

● Xét theo chánh-nghĩa quốc-gia về

phong trào Hòa-bình đang được cõ võ mạnh mẽ, nhất là từ sau những Hiệp-định ký kết từ đầu năm 73 tại Ba-lê và Thông-cáo chung tiếp đó đề bỏ tước, chính-nghĩa quốc-gia cũng cho được một vài nhận định vững vàng, khả dĩ coi là căn bản để mà lo liệu tương lai.

Với những thành phần mười mấy nước tham dự Hội-ngị, kẻ đứng ra triệu tập chắc muốn cho dư-luận quốc-tế thấy rõ cuộc chiến ở V.N này chẳng phải là nội chiến mà là những xung đột quyền lợi của nhiều ngoại bang đứng ngoài giật dây.

Nhân danh Đồng-minh (của Anh, Pháp) đệ-nhị Thế-chiến, Hoa-kỳ phải can thiệp vào chiến cuộc (chống Cộng) này và đã phải kéo dài quá lâu, nên nay Hoa-kỳ nhất quyết kết thúc: rút hết quân đội đi và lấy hết tù binh về. Để giữ cam kết, Hoa-kỳ vẫn tiếp tục viện trợ cho V.N, nhưng riêng về quân sự chỉ thay thế dụng cụ phế thải mà thôi.

Ba cường-quốc lớn nhất (Hoa-kỳ Nga-sô, Trung-Cộng) đồng lòng giới hạn chiến tranh ở mức độ thấp để tránh-nghiệm chủ-thuyết Nixon. Không chiến đấu lấy thắng (sợ xảy ra chiến tranh nguyên-tử) mà chỉ giúp cho quốc-gia đồng-minh nhỏ có phương-tiện tự-vệ, Hoa-kỳ đã từng tuyên bố: Giúp cho V.N.C.H. một cơ hội may để tồn tại. Có chính khách hữu danh Đông-Nam-Á cũng đã lên tiếng cảnh cáo: «Có tự vệ được mới đáng tồn tại!»

Rõ ràng đây là một cuộc thử thách. Người V.N. vẫn tự phụ có truyền thống anh hùng, đây là dịp cho ai nấy được thấy: sau gần một thế-kỷ bị đô-hộ, thử xem gần 30 năm chiến tranh gian ác tàn khốc, dân-tộc V.N. đã tỉnh ngộ được đến mức độ nào. Thử xem chính nghĩa quốc gia trong lòng người dân đã đủ mạnh để thắng nổi chủ nghĩa Cộng sản chưa.

Hành động theo «Chính nghĩa quốc gia».

● Suốt gần một thế-kỷ bị đô-hộ, nền Giáo-dục do người Pháp ban cho thanh thiếu niên V.N, có đặc điểm là không nói đến chữ «Nghĩa». Chỉ có «Danh» và «Lợi» là những mục-tiêu đáng kể. Nhưng, những mục-tiêu nay nhiều khi đạt tới lại phương hại tới sự sống còn của Dân-tộc: đấy tức là thứ Danh-Lợi «bất-nghĩa». Nhưng dưới chế độ Thực-dân thì «Bất-Nghĩa» có sao? Vì được khóa lấp bằng biết bao danh lợi! Lâu dần người dân V.N. phải quen rồi quên đi.

Một bằng chứng tiêu biểu. Sau khi thất thế với Cộng-sản Việt-Minh người Pháp phải vờ đến vua Bảo-Đại để dàn xếp. Một nhà học thức V.N. được cử lên làm đến Tề-tướng Vương-quốc V.N. mà vẫn thích ghi thêm trên danh thiệp của ông cái chức-vụ cũ: «Đệ nhất hạng quan lại thuộc địa». «Chính-nghĩa Quốc gia» trong thâm tâm ông đã được thay thế bằng «Chính-nghĩa thuộc địa».

Trường hợp này còn cho thấy «Chính-nghĩa Quốc-gia là một yếu-tố

tâm-lý, không đồng nghĩa với «trách-nhiệm», một ý-thức trong Tây-học. Ông Tề-tướng kia chắc thấy rõ «trách-nhiệm» cai-trị dân V.N. như một người Pháp thực dân vậy. Có thể ông ta còn phải đề phòng mọi «thiên-lệch» đối với dân tộc V.N.

Nay muốn cho tuổi trẻ tâm cảm được dễ dàng chữ Nghĩa của Tô-tiên, phải tập cho họ tự uốn nắn tâm hồn cho đúng chiều hướng với truyền thống Tô-tiên ; đó cũng là chiều hướng của Chính-nghĩa Quốc-gia. Có một cách giản-dị là, nhiều khi, chỉ cần đi ngược lại chiều hướng giáo-dục của Thực-dân để lại (mà có người vẫn còn tưởng là khuôn vàng thước ngọc).

Đại khái Học-chính cũ chủ-trương phải gạt bỏ Chánh-trị ra ngoài Nhà-trường, và các thầy chỉ làm Giáo-dục, không (được phép) làm Chánh-trị, hay Tôn-giáo. Chủ-trương ấy cần được xét lại rất kỹ, vì nó chỉ đúng có một phần nhỏ mà thôi. Đúng là Chánh-quyền làm hành-chánh thì không nên đoạt quyền Giáo-dục của Nhà-trường để biến tất cả thành gia-nô. Nhưng đúng có một nửa thôi là Nhà-trường không làm «Chánh-trị đảng phái» e thiên vị một đảng riêng tư nào, vô hình chung gây chia rẽ giữa lớp tuổi trẻ. Nhưng muốn cho tôi trở thành công dân tốt, phải uốn nắn tâm hồn chúng theo Chính-nghĩa Quốc-gia, tức là phải làm Chánh-trị Quốc-gia. Trường công-lập (do ngân sách quốc gia đài thọ) của Nhà-nước, không dạy Giáo-lý của một Tôn-giáo,

nào để tránh bất công đối với quốc dân. Nhưng muốn cho trẻ gìn giữ được căn-bản Luân-lý truyền-thống tất phải cho chúng có ý-thức về Văn-hóa

tiềm tàng trong truyền-thống từ mấy chục thế-kỷ nay. Phải coi đó là cội rễ tâm-lý của con người V.N. cần vun tưới cho nảy nở vững mạnh.

● Thực-dân xưa lại còn những hạn chế, những cấm kỵ cần phải loại bỏ để giải tỏa những thành kiến và mặc-cảm bị trị tai hại. Chẳng hạn họ hạn chế sự di chuyển giữa ba Miền Nam, Trung, Bắc, như có ba quốc-gia V.N. Họ cấm chỉ mọi hành-động có tính cách tập-đoàn : phạm hội-hợp (hội-hè đình đám) phải xin phép trước và trong điều-lệ nội-quy bất cứ Hiệp-hội nào đều phải ghi rõ : «Hội nhất thiết không bàn Chánh-trị hay Tôn-giáo». Đề đoạn tuyệt, ngày nay mình phải khuyến khích sự trao đổi, dưới mọi hình thức, giữa các miền địa-phương. Mình phải tìm cách tập-thề-hóa, càng nhiều càng hay, mọi sinh-hoạt giáo-dục. Như : Đoàn-ngũ thanh-niên, học sinh. Đoàn du-khảo Sứ-địa từng địa-phương một, sưu tầm mẫu địa-chất, mẫu hóa-thạch ; Lưu đoàn thể-dục, thể-thao. Văn-nghệ, ca-nhạc. Từ-thiện xã-hội. Giao hảo Quân Dân...

Sinh-hoạt tập-thề luân lưu mở rộng tầm hiểu biết cho cá nhân và tầm thông-cảm trong mỗi đoàn thề và giữa các đoàn-thề. Những yếu tố tâm-lý xã-hội, Lễ, Nghĩa, Liêm, Si, trong tâm-lý người V.N., vốn cùng loại danh,

nhưng không đồng đều ở mọi người về sắc thái, số lượng, hiệu năng, sẽ có dịp được điều hòa phát triển đồng đều hơn ; Nhờ vậy những thành kiến và mặc-cảm sai lầm phải giảm thiểu dần cho tiêu tán kỳ hết.

Lại nữa : Thực dân dùng *Danh* và *Lợi* mà nhận chìm chữ *Nghĩa* của Tồ-tiên vào quên lãng, ngày nay chúng ta phải làm sao dùng *Danh-Lợi* phục vụ chữ « *Nghĩa* » cho xứng đáng. Công tác này xưa nay người có căn bản Luân-lý vẫn biết làm cách coi trọng nghĩa-vụ đối với Đất-nước Tồ-tiên, còn *Danh* và *Lợi* chỉ là phụ thuộc, khi cần có thể hy-sinh không hối tiếc. Nên đề ý : sở dĩ văn-nghệ sân-khấu cổ-truyền vẫn được giới bình dân hoan-nghênh là vì nghệ-thuật có nội-dung đáp ứng đúng một nhu cầu tâm-lý cổ-truyền là : khán-giả được thấy Chính Nghĩa « bao giờ » rốt cuộc cũng thắng *Danh-Lợi* và rồi thắng luôn cả bạo-tàn. Khán giả ra về với một số cảm nghĩ khoan khoái như đã tham gia một cuộc tranh đấu thắng lợi.

Có điểm nay khác xưa là : xưa kia sinh-hoạt tập-thể rất giới hạn vì có phần bị cản trở. Đức-hạnh gìn giữ Đạo-lý trong thâm lặng lẽ loi, vì vậy mà ít bị thử thách. Với sinh-hoạt tập-thể ngày nay, Đức-hạnh được tìm kiếm để phát-huy, đề khai thác, vì vậy bị thử thách nhiều. Nếu không có sự cố gắng mà tiến tới cho kịp thời để vượt qua thử thách, tất nhiên sẽ sa đọa, rồi có thể chỉ còn hình thức mạo danh (Đạo-đức giả). Sinh

hoạt tập-thể quả thị là sự-kiện phơi bày tốt xấu, rất thuận tiện cho việc lựa chọn để xây dựng nếp sống Dân-chủ.

Sau hết cần bàn đến vấn đề Chính nghĩa Quốc gia đối với sinh-hoạt Dân-chủ. Chính nghĩa Quốc gia nhằm duy-trì truyền-thống dân-tộc có mâu thuẫn chẳng với nền Dân-chủ Pháp-trị buộc phải tôn trọng mọi khuynh-hướng phát-triển quốc-gia ? Có những nước thực-thi Dân-chủ đã lâu đời, như Hoa-kỳ mà còn vấp phải tai nạn như vụ Watergate ; Nước Pháp, đã năm triều-đại Cộng-hòa mà còn phải bím riết lấy chủ-thuyết De Gaulle bị coi như hậu-duệ của lý-tướng « L'État c'est moi » (Nhà nước là ta đây) của vua Louis XIV.

Theo lịch-trình tiến-hóa các chế-độ của Nhân-loại ta được thấy từ Đại-vương du-mục đến Lãnh-chúa nông-nô, từ Quân-vương thần-quyền đến Quân-chủ lập-hiến, rồi sau cùng là Dân-chủ lập-hiến, chế-độ này có công bằng xã-hội hơn cả. Nhưng nó chỉ có thể thành hình và tiến triển được với sự giáo-hóa mọi tầng lớp quốc-dân, cho biết tự-chủ, biết đảm nhiệm lấy trách-vụ làm công-dân, thay vì chỉ biết tuân theo mệnh lệnh mù quáng như nô lệ. Tuy theo Dân-chủ mọi khuynh-hướng phát-triển đều được tôn trọng, nhưng các khuynh-hướng đều phải tôn trọng mục-tiêu, tối thượng là « Chính nghĩa Quốc gia ». Phải biết lựa chọn cho đúng ; Đó là điều kiện sống còn của chế-độ.

Như vậy chế-độ dân-chủ có thể thi hành được đến mức-độ nào là tùy trình-độ trưởng-thành của người dân biết tự tìm ra bước tiến hóa mà không đánh mất truyền-thống Dân-tộc. Chẳng khác người leo núi : vừa phải tiến cho đúng mức từng bước chân sỏi tay đồng thời vừa phải bám cho chặt hầu không mất thế đứng vững.



Có lẽ chính vì vậy vấn đề «Dân-chủ» mới được đặt ra, để giúp cho các phe phái ngồi lại với nhau, tìm hiểu nhau rõ hơn và tìm ra, chẳng những phương-sách chống Cộng hữu hiệu, mà quan hệ không kém là tìm ra «Chính Nghĩa Quốc gia» tức là cái «Nghĩa» liên-đời và sống còn của Dân-tộc. Phải nhờ sự liên-đời với quá-khứ tiềm-tàng trong «tạng-thức» hay «vô-thức» Dân-tộc, những thể-hệ hiện tại mới đủ vững mạnh để xây-dựng tương-lai. Vì vậy «Chính Nghĩa Quốc-gia» cần được các phe phái cùng nhìn nhận để có thể thông-cảm được với nhau, ít nhất được thấy rõ những gì là «Bất-Nghĩa Quốc-gia» dễ đồng lòng kiêng kỵ.

Không kiêng kỵ «Bất-Nghĩa Quốc-gia» người ta có thể cứ bay lượn và lặn lội trong Danh-lợi bất-nghĩa mà vẫn yên trí là chẳng làm gì nên tội đối với quốc-dân đồng-bào. «Nhân-duyên sinh Nghiệp-quả» là cái lý chạy đi phương trời nào cũng không thể tránh được, ngoài sự «sám hối giải nghiệp» (Nhận ra sai lầm, quyết tâm sửa lại).

KẾT LUẬN

Tóm lại, trước khi tiếp xúc với Tây phương, Dân tộc Việt-Nam đã có một nền Văn-hóa đặc-thù : nòng cốt hiếu Thiệu địa-phương sớm được bổ sung bằng những tư tưởng cao siêu du nhập từ Ấn-độ, Trung-hoa. Nhờ vậy đã tự tạo được một xã-hội quốc-gia vững mạnh, nhiều phen đã

từng chiến thắng xâm lăng đe tồn tại.

Dưới nạn đô hộ của Thực-dân Pháp, kéo dài gần một thế-kỷ, Dân ta đã phải trả giá một số tiện-nghĩ và kiến-thức kỹ-thuật bằng một sự đảo lộn truyền-thống đến tận gốc rễ. Cá-nhân trong gia-đình cũng như công dân ngoài xã-hội mất niềm tin

về truyền-thống Dân-tộc, và bị chi phối đến nỗi chỉ còn biết tôn sùng *Danh* và *Lợi* mà quên đi «Chính nghĩa Quốc-gia», liên đới Dân-tộc và nhiều thứ mất mát khác về Đạo-lý, Tâm-lý, Luân-lý, Nghĩa-lý cổ truyền. Cho nên khi Pháp thất thế phải rút lui, nhiều người «trí-thức» chỉ còn biết theo họ «về Mẫu quốc», có khi còn mong một ngày tái thiết uy thế họ ở V.N. này để duy trì quyền lợi và thế-vị của mình đối với đồng bào.

Phải biết xót xa tủi hổ về những gì Thực dân tàn phá trong tâm hồn người dân Việt mới thấy cần phục hồi tinh thần quốc gia. Tinh thần Quốc-gia phải vững, Chính-nghĩa Quốc-gia phải sáng tỏ, quốc dân mới tận tình hợp tác với chánh-quyền để cùng chống xâm lăng và bài trừ tệ đoan xã hội.

Sự hợp tác đó thể hiện được đến mức độ nào là tùy trình độ trưởng thành của «Toàn dân», gồm cả chính quyền lẫn quốc dân. Có hai cách thức để tiến tới, mà trái ngược nhau là Độc đoán và Dân chủ, với tất cả những mức độ lung chùng. Hiệu nghiệm nhất là mức độ

đáp ứng đúng tỷ-lệ số người có lập trường và hoạt-động, ngoại trừ đa số «ba phải» hay có cái khôn là «ngậm miệng ăn tiền». Cho nên trong sinh hoạt chính-trường người ta ráng lôi kéo cái đa số ấy về phía mình.

Còn cá nhân mà thành tâm muốn xây dựng tương-lai Quốc-gia một cách vững vàng, thiết tưởng quan-hệ hơn cả là «phát-nguyện» thích nghi nếp sống nghề-nghiệp, nếp sống gia-đình, và nhất là nếp-sống bản-thân với «Chính-nghĩa Quốc-gia». Vì lý «Nhân-duyên sinh nghiệp-quả» sẽ được thấy Chính-nghĩa Quốc-gia bồi bổ Quốc-dân biết tự túc, tự cường, cho được vững mạnh và sung mãn.

Nếu cá nhân là nhà cầm quyền mà phát-nguyện tu trì Chính-nghĩa Quốc-gia thì chẳng những củng cố được chánh-quyền mà nếu phụ trách Sắc-tộc thiểu-số cũng biết diu dắt họ đúng «Nghĩa diu dắt», tránh khai thác họ như «nông-nô» thì họ sẽ không còn muốn «nổi dậy ly khai» mà cũng đóng góp xây dựng Chính-nghĩa Quốc-gia Đại Dân-tộc V.N., dầu chỉ mặc nhiên bằng truyền kiếp «Luân hồi» và lý «Nhân duyên sinh nghiệp quả».

NGUYỄN-GIA-TƯỜNG

PHÂN ƯU

Được tin anh: **TRẦN VĂN QUÝ** nguyên Trưởng ban Hợp xướng Trưng Dương, đã tử nạn tại Á-căn-đình,

Xin thành thực chia buồn cùng chị Quý và tang quyến.

PHẠM DUY, G. E. GAUTHIER, NGHIÊM NHẬT HIỀN
NGHIÊM NGỌC HUÂN

Sách Hiện Đại

Bách khoa trân trọng cảm ơn Ô. Lê Xuân Khoa, Giám đốc Hiện Đại Thư Xã, đã gửi tặng những sách dịch sau đây và xin giới thiệu cùng bạn đọc :


— Không theo Marx, không theo Jésus. (Tân Cách-mạng toàn cầu đã khởi sự tại Hoa kỳ), nguyên tác «Ni Marx, ni Jésus» của Jean-François Revel, bình luận gia của tuần báo l'Express, bản dịch của Nguyễn Khắc Nhật, dày 238 trang, khổ lớn, gồm 16 chương, đã gây dư luận sôi nổi. Giá 350đ.

— Văn minh dân chủ nguyên tác : «The democratic Civilization» của Leslie Lipson, bản dịch của Vũ Trọng Cảnh,

dày 270 trang, khổ lớn, gồm 4 phần chính : Những tiêu chuẩn của dân chủ ; Xã hội dân chủ ; Chính trị và chính quyền dân chủ ; Những giá trị dân chủ. Giá 350đ.

— Xã hội học nguyên tác «Sociology» của Joseph H. Fichter, bản dịch của Trần Văn Đình, dày 260 trang, gồm 3 phần chính : con người và xã hội ; Khuôn mẫu và văn hóa ; Văn hóa và xã hội. (17 chương). Giá 350đ

— George Westinghouse, nhà phát minh vĩ đại nguyên tác «Inventive Wizard, George Westinghouse» của I.E. Levine, bản dịch của Hiện Đại Thư xã, kể truyện từ 1 người thợ học việc trở thành 1 nhà phát minh với trên 300 cấp bằng sáng chế.



Nhức đầu
Nhức
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi, đau lưng, đau nhức lúc có kinh kỳ



FRANCE
GENEVE

© 1951/1952 JACOBS

THẾ-GIỚI-NGŨ

Thế-Giới-Ngũ không phải tiếng nói của một nước nào. Thế-Giới-
Ngũ là ngôn-ngữ của mọi chủng-tộc, là mộng-ước của triết-gia Des-
cartes, là sáng-kiến của nhà bác-học Zamenhof, là cơn thống-khoái
của văn-hào Tolstoï...!

Học-Khóa Thế-Giới-Ngũ học từ 4 giờ mỗi chiều chúa-nhật tại
386/43 Trương-minh-Giang, Sài-Gòn-3. Sau một khóa học ba tháng, Quý-
Vị có thể hiểu rành ngôn-ngữ duy-lý đó, rất phổ-biến ở ngoại-quốc.
Nhận học-viên mới mỗi tuần; ghi-danh ngay trước giờ học. Có dạy
hàm-thụ cho người ở xa.

**hãy
hút...**



BASTOS **MỚI**



ĐẦU LỌC
tuyệt hảo

Tầm quan-trọng của Giáo-dục Tiền học-đường trong khuôn khổ Ký-nhi-viện

Bài thuyết-trình ở « Khóa Hội-thảo Ký-nhi-viện trong viễn tượng Tái thiết và Phát triển » ngày 27-6-73 của Bà Trần Văn Kha, nữ danh Lê Thị Mão, chuyên viên về Mẫu giáo, tốt nghiệp Đại học Genève.

Giáo dục Tiền học-đường

Thế nào là Tiền học-đường ? Tiền là trước, còn Học-đường chính là Trường Tiểu-học Phổ-thông mỗi trẻ sẽ theo học lúc 6 tuổi.

Trước khi trẻ thực-sự bước chân vào ngưỡng cửa Trường Tiểu-học, các nhà Tâm-lý-học trứ danh đã dựa theo tâm-lý trẻ mà khám phá ra rằng trẻ 3 đến 5 tuổi—tức là trước tuổi đi học cưỡng bách — phát-triển rất mạnh nếu được giúp đỡ, được hướng dẫn một cách sáng suốt.

Tổ chức Tiền học-đường chính là những trường Mẫu-giáo, Vườn-trẻ đã được thành lập từ nhiều năm nay ở khắp thế giới và gần đây ở Việt-Nam.

Có một điều là trên khắp thế-giới và đã từ một thế-kỷ nay người ta đã có tổ chức giáo-dục Tiền học-đường một cách đại quy mô do chính-quyền đảm trách và hoàn toàn miễn phí y như Tiểu học nhưng không cưỡng-bách. Tuy không cưỡng bách mà chẳng ai bỏ hết, và vẫn phát triển. Hiện đã có cả một Tổ Chức Quốc Tế Tiền học-đường. Tất cả mọi gia đình có con nhỏ từ 3 tuổi đã đem đến gởi ở các Trường Mẫu-giáo và Vườn-Trẻ được mở ngay ở

xóm họ ở vì bỏ trẻ vào đó họ được hai cái lợi : con họ được giáo dục chu đáo còn chính họ được rảnh rang yên-trí làm việc nhà hoặc làm ăn ở ngoài.

Còn ở Việt-Nam chúng ta vẫn-đề giáo-dục Tiền-học-đường mới chỉ là những tổ-chức hoàn toàn tư-nhân. Chính phủ chỉ mở được 6 lớp thì lại bắt đóng cửa hết 4 rồi. Chỉ còn lại có 2 lớp Kiểu-mẫu ở Trường Sư-Phạm thực-hành..

Tầm quan trọng của Giáo-dục Tiền học-đường

Tổ chức Tiền học-đường chính là gia-đình thứ hai của trẻ và là viên gạch nối liền gia-đình với học-đường sau này của trẻ. Trẻ nào may mắn được qua tổ-chức giáo-dục Tiền học-đường sau này sẽ học hành dễ dàng, mau tấn-tới. Trẻ nào kém may mắn không được hưởng giáo-dục Tiền Học-đường kể như bị thiệt thòi vì bao nhiêu khả-năng không được khai-thác có khi bị mất luôn.

Những đứa trẻ thần-đồng cũng chỉ là may mắn có người hướng dẫn kích-thích sớm mà thôi.

Giáo-dục Tiền học-đường không cưỡng-bách nhưng lại quan trọng ở chỗ trẻ 3 đến 5 tuổi phát-triển rất

mau. Những năm đầu tiên này của trẻ có thể quyết-định cả cuộc đời sau này của đứa trẻ.

Một tin-tưởng cổ-truyền cho rằng một đứa trẻ sinh ra là có hoặc không trí thông-minh trời cho rồi. Ngày nay các nhà Tâm-lý-học đã chứng-minh rằng trong những năm đầu trí thông-minh của trẻ phát-triển rất mạnh.

Tất cả các trẻ con bình-thường nghĩa là không tàn-tật, không bệnh hoạn, và được giúp đỡ, được hướng dẫn sẽ phát-triển 2/3 trí thông-minh của lúc trưởng thành, nghĩa là khi trưởng thành chỉ còn 1/3 trí thông minh để phát triển. Nếu không tổ-chức được giáo-dục Tiền-học-đường thì biết bao nhiêu người sinh-viên đã vào Đại-học với trí thông minh không được phát triển đầy đủ.

Nước nào tổ-chức chu-đáo ngành Tiền-học-đường chắc chắn nước đó có nhiều nhân tài.

«Người ta có thể trượt kỳ thi này thì thi kỳ thi khác nhưng không ai có thể lấy lại những gì đã để mất trong thời thơ ấu».

Tâm-lý-học đã chứng-minh là tuổi thơ chứa nhiều mặc-cảm, nếu không giải-toả sớm ngay lúc còn nhỏ thì tâm linh sẽ bị ghi nhiều vết tích khó mà xóa nhòa trong tương-lai.

Trẻ đến Trường Mẫu-giáo được kích-thích bằng những bài học quan-sát, bài luyện giác-quan. Chúng vừa ngo, vừa nghe, vừa bắt chước, vừa

hỏi. Tất cả sự hăng hái học-tập này sẽ giúp cho đứa trẻ mở rộng tâm hồn để đón nhận một sự hiểu biết.

Giáo-dục Tiền-học-đường chú trọng nhất về thể dục, đức dục thứ mới đến trí-dục.

Trẻ 3, 4 tuổi có đứa đi chưa vững, nói chưa sõi, nên còn cần phải tập cho trẻ cứng chân, khoẻ tay bằng những bài tập thể-dục, những trò chơi để trẻ có cơ-hội hoạt-động chân tay. Những bài hát, những bài học thuộc lòng, những giờ kể truyện sẽ giúp cho ngôn ngữ của trẻ ngày một mở rộng. Những bài thủ-công trẻ tập-cắt, tập dán, tập đan, tập dệt v.v... sẽ giúp trẻ khéo léo, mạnh dạn, tự-tin.

Tất cả các hoạt-động ở Lớp Mẫu-giáo đều nhằm đúng nhu-cầu của trẻ là luôn luôn trẻ phải được cử-động. Trẻ nhỏ 3, 4 tuổi không thể ngồi yên một chỗ quá 30 phút đồng hồ. Cho nên các Nhà Giáo-dục đã lấy ngay nhu-cầu của trẻ mà dạy trẻ bằng cách cho trẻ đi vòng tròn, múa hát, đứng lên, ngồi xuống. Sau mỗi hoạt động phải ngồi lâu là phải có một bài hát có động-tác để trẻ khỏi mỏi mệt.

Cũng vì nhu-cầu đó mà các Trường Mẫu-giáo ở Việt-Nam bị giới phụ-huynh nghi ngờ cho rằng trẻ đến đó chỉ ca hát tối ngày, mất thì giờ. Người ta có biết đâu là sự mất thì giờ đó lại rất cần-thiết cho trẻ vì nó giúp trẻ phát-triển năng-khiếu dễ-dàng.

Nếu chúng ta quan-sát một đứa trẻ chơi một mình ở nhà thì sẽ

thấy ngay nhu-cầu đó. Nếu có được một khúc cây trong tay thì lập tức nó sẽ biến thành con ngựa và trẻ sẽ chạy khắp nhà với con ngựa tượng tượng đó. Chỉ một lát sau con ngựa có thể trở thành chiếc xe lửa hoặc chiếc xe hơi tùy theo sự hứng thú của đứa trẻ. Chúng ta thử hỏi liệu người lớn có còn chơi được như thế nữa chăng? Và Quý vị nào gần trẻ có nhận thấy là trẻ đi đứng từ tốn hay là trẻ chỉ thích chạy?

Sự tăng-trưởng của trẻ cũng như sự nảy nở của một cái hạt hoặc của một cái trứng nghia là sự tăng-trưởng đó phải theo các định-luật của thiên-nhiên. Không phải một cái hạt sẽ nảy mầm, thành cây và đâm hoa kết trái vì nó là cái hạt và quả trứng sẽ nở ra gà con vì nó là cái trứng. Muốn cho một cái hạt nảy mầm và thành cây người ta phải chọn đất, phải tưới phải bón, phải chăm nom liên tục cây đó mới có bông có trái quả trứng gà phải được con gà mẹ ấp ủ đủ 21 ngày mới có cơ-hội nở thành gà con. Đứa trẻ cũng thế, muốn trở thành người lớn, các em bé phải có một thời-kỳ thơ-ấu để nảy nở với sự giúp sức của một người mẹ hay người hướng dẫn. Khi đứa trẻ được 3 tuổi, nếu được đưa đến một tổ-chức Tiền học-đường nào để cùng sống chung với một bầy trẻ khác dưới một mái nhà, cùng làm việc với nhau, cùng chơi với nhau chúng sẽ dần dần ý-thức được rằng ở đó — xã hội thu hẹp đầu tiên mà trẻ đang sống — chúng phải biết nhường, biết nhịn, biết chờ đợi và

nhất là biết thương yêu nhau.

Không cần một bài học luân-lý nào mà đứa trẻ biết yêu cô giáo, biết lễ phép, biết thứ-tự, biết sạch-sẽ. Tất cả những tính tốt đó trẻ đã bắt chước ở cô giáo của chúng, một bà mẹ thứ hai mà chúng biết nghe lời hơn cả bà mẹ thứ nhất ở nhà nữa.

Ở Trường Mẫu-giáo, trẻ phải biết nhập tâm các thói quen tốt kể trên trước khi chúng biết đọc, biết viết.

Tuy nhiên, công việc giáo-dục trẻ nói trên không nên quá máy móc như một vài nơi bắt trẻ hở mồm là phải "dạ thưa cô" hở trẻ quên là bị la, bị rầy có khi bị ăn đòn.

Việc giáo-dục trẻ phải làm một cách tự-nhiên. Bắt nguồn từ người hướng dẫn. Trẻ hay bắt chước, chúng ta cần làm gương cho trẻ theo. Ví dụ, nếu ta đưa cho trẻ cái gì, ta bắt trẻ cảm ơn, thì khi trẻ đưa ta cái gì, ta đừng quên cảm ơn lại. Tất cả ngôn-ngữ của ta sẽ là ngôn-ngữ của trẻ. Người Cán-bộ Giáo-dục chính là cái gương sống trước mắt trẻ. Ngoài ra, trẻ em đến Ký-nhi-viện đa số là con nhà lao-động. Cha mẹ của các em còn mãi lo sinh-kế, ít có ngày giờ mà dạy dỗ hay uốn nắn con cái cho nên các em này lại càng cần sự chăm nom săn sóc nhiều hơn là các em ở các Trường Mẫu-giáo của con nhà giàu.

Một Cô giáo ở Ký-nhi-viện khác với một Cô Giáo ở các Vườn trẻ. Một Cô giáo ở Ký-nhi-viện phải lo đủ chuyện cho bầy trẻ mà người ta đem đến gửi gắm cho mình từ sáng đến chiều. Các em này phần đông

là ở các gia-đình thiếu thốn, đông con. Cha mẹ các em nhiều khi phải đi làm ăn đầu tắt mặt tối, không có thì giờ mà lo lắng cho đàn con đành đề đũa lớn lo cho đũa bé và vì thế mà những trẻ nhỏ ở xóm lao-động phần đông bị các anh các chị nó bỏ cho ngồi lê, ngồi la rất là tội nghiệp. Nếu các em này được cha mẹ đem đến gửi ở Ký-nhi-viện thì Cô giáo ở đó không còn là Cô giáo nữa và chính là bà mẹ thứ hai của bầy trẻ bất-hạnh đó. Bà mẹ thứ hai này phải chăm nom, sắc sóc về đủ mọi phương-diện như dạy dỗ, cho ăn uống, tắm rửa có khi phải bồng bế bầy trẻ này như chính con mình. Cả một sự hy-sinh mà chỉ có những người thực lòng yêu trẻ và nhiều tình-thương mới làm nổi.

Tiền học-đường trong khuôn khổ một Ký-nhi-viện.

Một tổ-chức Ký-nhi-viện cũng giống như một Trường Mẫu-giáo, nhận trẻ nhỏ từ 2, 3, 4, 5 tuổi. Có khác chăng là các trẻ này ở lại với chúng ta trọn ngày.

Các Trường Mẫu-giáo ở Âu-châu cũng đều theo lối Tổ-chức Ký-nhi-viện này với mục-dịch giúp đỡ các bà mẹ phải đi làm. Có điều là của người ta được tổ-chức rất chu-đáo. Trẻ được ăn bữa trưa với đầy đủ chất dinh-dưỡng với những thực đơn của các nhà Dinh-dưỡng chuyên-môn. Đó cũng là một cách để họ gìn giữ sức-khoẻ giống nòi và gây dựng những thế-hệ khoẻ mạnh. ☺

Các tổ-chức Ký-nhi-viện ngày xưa

chỉ biết giữ trẻ cho khỏi té ngã và cho ăn uống, giữ vệ-sinh là cùng.

Ngày nay các tổ-chức này đã đặt nặng vấn-đề giáo-dục của các con em mà người ta đem đến gửi mình. Các lớp huấn-luyện Cán bộ Ký-nhi đã được học thêm phần giáo-dục và phương-pháp làm việc với trẻ.

Tiền học-đường đã vào đến Ký-nhi-viện. Thật là một điều rất đáng mừng.

Tổ-chức Giáo-dục Tiền học-đường trong khuôn-khổ Ký-nhi-viện rất có lợi cho đũa trẻ. Những gì người Cán-bộ Ký-nhi dạy trẻ sẽ có ảnh-hưởng sâu xa hơn vì trẻ ở với chúng ta trọn ngày. Cho nên nếu Ký-nhi-viện được tổ chức đầy đủ và phát-triển mạnh thì trẻ con xứ ta sẽ được nhờ rất nhiều nhất là trẻ của giới lao-động, bình-dân lại càng cần được hưởng sự giúp đỡ của các tổ-chức Ký-nhi-viện hơn cả.

Các tổ-chức này thỏa-mãn được hai nhu-cầu của con em giới lao-động là giáo-dục và gìn giữ trẻ khỏi các tai nạn ngoài đường hoặc sự thiếu vệ-sinh của các căn nhà ổ chuột.

Đem Tiền học-đường vào Ký-nhi-viện là một hợp-lý vô cùng. Đũa trẻ nào, nếu lành-mạnh sẽ phát-triển như nhau nếu được giúp đỡ. Vậy thì số trẻ gửi ở Ký-nhi-viện cũng cần được khai-thác, được giúp đỡ để bộc lộ hết khả-năng như các em ở một trường Mẫu-giáo vậy. Hơn nữa ở Ký-nhi-viện có bữa cơm trưa. Nếu bữa cơm này trẻ được ăn

uống đầy đủ thì chúng ta sẽ có một số trẻ khoẻ mạnh và sớm phát triển trí thông minh đầy đủ trước khi vào Trường Tiểu-học.

Trẻ ở các gia-đình lao-dộng nhất định là bị kém dinh dưỡng rồi cho nên bữa cơm trưa của trẻ ở Ký-nhi-viện nếu được cho ăn thật đầy đủ thì dù bữa tối có bị thiếu thốn, đứa trẻ cũng vẫn có thể khoẻ mạnh hơn. Trẻ 3, 4 tuổi rất cần về dinh-dưỡng vì tất cả lực-phủ ngũ-tạng của trẻ đang cần sự bồi bổ để lớn. Hàm răng, con mắt, nếu thiếu sinh tố là răng sún, mắt mờ. Trẻ có khoẻ mạnh thì mới phát triển được. Chắc chúng ta ai cũng đã thấy những đứa trẻ Bangladesh gầy ốm tong teo, đặt đầu gối đỡ, ruồi đậu vào mồm vào mắt không buồn xua. Thử hỏi những đứa trẻ như thế còn làm sao lớn được khôn được?

Cho nên trẻ ở Ký-nhi-viện, nhờ ở bữa cơm trưa có đủ chất dinh dưỡng mà sức khoẻ khả quan hơn. Chúng ta cần làm chuyện đó cho các trẻ ở Ký-nhi-viện để giúp cho chúng lớn mạnh và cho nòi giống chúng ta một ngày một tăng tiến.

Nếu chúng ta đồng tình làm công việc này nghĩa là giúp số trẻ ở các Ký-nhi-viện gia tăng sức khoẻ và gia tăng trí thông minh thì đây quả là một đáp ứng với một thách-đố lớn lao của thời đại chúng ta.

Đem Tiền học-đường vào Ký-nhi-viện chúng ta cần giải-quyết ngay vấn-đề nhân-sự. Một Cô giáo ở Ký-nhi-viện phải lo toan bao nhiêu việc cho một bầy trẻ có khi ở 3, 4 lứa tuổi

tức là 3, 4 trình độ khác nhau, cần phải có người phụ.

Chúng ta cần phải đặt ra vấn-đề huấn-luyện Cán-bộ Giáo-dục cho Ký-nhi-viện cách nào cho hợp-tình hợp-lý.

Riêng tôi đứng về phương-diện giáo-dục thì người Cán-bộ Giáo-dục phải là người có tinh thần trách-nhiệm cao, giàu lòng bác ái, thật tình yêu trẻ.

Người Cán-bộ Ký-nhi-viện phải tạo cho trẻ một đời sống êm đềm vui vẻ. Ở đó lời ca tiếng nhạc sẽ giúp trẻ vào đời với tất cả sự sung sướng.

Trẻ nhỏ cần ăn cần uống để sống và để lớn, nhưng chúng cũng rất cần tình-thương. Không có tình thương thì dù cho chúng ăn uống thật đầy đủ chúng cũng vẫn thiếu và không sung sướng, có khi còn trở nên lì lợm khó dạy nữa là khác.

Giáo dục trẻ mà sáng suốt thì trẻ mới được hưởng, nếu sai lầm là làm hại trẻ không ít.

Sáng suốt nghĩa là phải kiên-nhẫn, phải đáp ứng đúng nhu-cầu của trẻ, phải hướng dẫn chúng trong một không khí thương yêu và dịu dàng. Phải nêu gương tốt.

Sai lầm là dọa nạt trẻ, đánh đập trẻ, nói lời thô bạo với trẻ, dễ mất bình tĩnh khi trẻ phá nghịch...

LÊ THỊ MÃO

— Kinh Cầu Chim Núi tập thơ của Hồng Băng do Thu Không xuất bản và tác giả gửi tặng, sách dày 3/4 trang gồm 10 bài thơ. Ấn phi : 80đ.

Đàm thoại với nhà văn ĐỖ-TRỌNG-HUỀ một người được mời mà không đi tham dự được Hội-nghị Đông-phương-học kỳ 29 tại Paris.



Ô. Đỗ Trọng Huề, sinh năm 1930 tại Ninh-Bình, viết văn, dạy học và là Đại tá trong Quân lực V.N.C.H. Hiện làm giáo sư Thâm-mỹ-học tại Trường Quốc gia Cao đẳng Mỹ thuật và Chủ tịch Ủy ban Nghệ thuật trong Hội đồng Văn hóa Giáo dục.

Ông đã cho xuất bản những tác phẩm viết riêng : Triết học tổng quát, Hương trà, Le Chant à Cricket (Hát á-đào) và viết chung với thân phụ là Cụ Đỗ Bằng Đoàn : Việt Nam Ca trù biên khảo, Những Đại lễ và Vũ khúc của vua chúa V.N. Ông đã cùng

cụ Đỗ Bằng Đoàn sưu tập tài liệu và biên soạn trong 7 năm để hoàn thành cuốn Khoa cử V.N., khảo cứu về khoa cử ở nước ta từ đời Lý đến nay ; nhưng vì cuốn sách dày đến 1500 trang, nên nhà văn Doãn Quốc Sỹ, chủ trương nhà xuất bản Sáng Tạo, đã gửi thư kêu gọi người đọc đóng góp để có thể xuất bản được cuốn đó mà dường như vẫn chưa có kết quả.

BÁCH-KHOA : Xin anh cho biết có phải đúng như anh Võ Long Tê đã viết trên Bách-khoa số trước — 399 (T) — anh được mời tham dự Hội nghị Đông-phương học kỳ thứ 29 ở Paris mà vì một lý do nào đó anh đã không đi được ?

ĐỖ TRỌNG HUỀ : Vâng, đúng như vậy.

— Anh được mời với tư cách gì ?

— Trung-tuần tháng 7-1973, ở Paris dự định tổ chức 2 Hội-nghị văn hóa quốc-tế liên tiếp nhau chứ không phải chỉ có một. Đó là Hội nghị quốc tế Đông-phương-học kỳ thứ 29 như anh đã biết và Nghị-luận-hội quốc-tế về các nền văn học

Đông-Nam-Á hiện-đại (Colloque international sur les littératures contemporaines de l'Asie du Sud-Est) do Trung-tâm Quốc gia khảo-cứu Khoa-học (Centre National de Recherches Scientifiques) Pháp-quốc bảo trợ. Tôi và Giáo-sư Nghiêm-Thâm được Giáo-sư Bernard Lafont của Viện Đại học Sorbonne, nhân danh Ban Tổ-chức, gửi giấy mời tham dự cả hai hội nghị này để đại diện cho Việt-Nam Cộng-Hòa. Riêng Giáo sư Nghiêm-Thâm còn được mời chủ tọa một phiên họp của Hội-nghị quốc tế Đông-phương học.

Còn với tư cách gì ? Chấn chấn là với tư cách những người chuyên khảo-cứu về văn-hóa Việt-Nam. Nhưng

trên giấy mời thì ghi Giáo-sư Nghiêm Thâm là Chủ tịch Ủy ban Bảo tồn Cổ tích và Phát triển các Cơ sở Văn hóa của Hội đồng Văn hóa Giáo dục, và ghi tôi là Chủ tịch Ủy ban Nghệ thuật của Hội đồng Văn hóa Giáo dục.

— Các anh định thuyết trình về đề tài gì tại hai hội-nghị nói trên ?

— Tại Nghị-luận-hội về các nền văn học Đông Nam Á hiện đại, Ban Tổ chức yêu cầu Giáo sư Nghiêm-Thâm thuyết trình về «*Văn chương bình dân hiện đại của Việt Nam*». Còn tôi được yêu cầu thuyết trình về «*Les essais dans la littérature vietnamienne contemporaine*». Tôi xin lỗi phải dùng nguyên văn tiếng Pháp vì chữ *essai* hơi khó dịch. Có thể tạm dịch là : «*Thẻ văn Tùy bút hay Tiểu luận trong văn học Việt Nam hiện đại*». Vậy thì đó không phải là những đề tài do chúng tôi lựa chọn mà là những đề tài do Ban Tổ chức ấn định.

— Thời gian thuyết trình là bao lâu và các anh có phải gửi bài thuyết trình tới Ban Tổ-chức trước hay không ?

— Thời gian thuyết trình là 15 phút, sau đó là phần thảo luận. Tất nhiên là thuyết trình viên phải gửi bài trước để Ban Tổ-chức có thể in và phát cho các hội-thảo-viên. Bài thuyết trình phải viết bằng Pháp văn hay Anh văn và dài 25 trang đánh máy.

— Xin anh cho biết sơ-lược nội dung bài thuyết-trình của anh ?

— Một cách đại-cương tôi trình bày lịch-sử, địa-vị và hiện trạng của bộ môn «*essai*» trong Văn-học Việt-Nam.

Điều cần làm trước tiên là định nghĩa chữ *essai*. Việc ấy có thể dễ đối với người Anh hay người Pháp. Trong văn học Pháp, *essai* là tác-phẩm văn chương ở đó tác giả không có tham vọng trình bày và giải quyết vấn-đề một cách sâu rộng, đến nơi đến chốn. Nội dung các *essai* của Pháp thường là phê-bình văn-học. Còn ở Anh, tuy trước kia chữ *Essai* từng được dùng làm nhan-đề cho những tác phẩm triết-học vĩ-đại như cuốn «*Essai sur l'entendement humain*» của Locke và cuốn «*Nouveaux essais sur l'entendement humain*» của Leibniz. Nhưng hiện nay nó dùng để chỉ những bài khảo-luận, phê-bình đăng trên các tạp-chí. Người Anh phân biệt ký-giả và «*essayiste*» : ký-giả viết cho nhật-báo và có đối-tượng là thông-tin ; *essayiste* viết cho tạp-chí và có đối tượng là phê-bình.

Ở Việt-Nam vấn-đề phức tạp hơn nhiều. Các nhà văn của chúng ta chưa đồng ý với nhau về cách định nghĩa chữ *essai* cho nên sử dụng nhiều danh từ khác nhau : tùy-bút, tiểu-luận, tạp-văn, tạp-bút, tạp-ký, tạp ghi, đoản văn... Theo ý tôi, bộ môn *essai* ở Việt-Nam có những biên giới rộng hơn ở Anh và Pháp và các tác phẩm thuộc bộ môn này có thể chia làm 2 loại : một loại thiên về tư-tưởng, vận dụng lý-trí và suy-luận nhiều hơn, một loại thiên về cảm-giác và tình-cảm, vận-dụng tưởng-tượng nhiều hơn.

Về phương-diện lịch-sử, thủy-tổ của bộ-môn này có lẽ phải kể Phạm

Đình Hồ, tác giả tập *Vũ-trung tùy bút* đã có bản dịch Pháp văn. Sau đó là nhóm Nam-phong tạp-chí và Đông dương tạp-chí : các «khuôn mặt lớn» của hai nhóm này như Phạm Quỳnh, Nguyễn văn Vĩnh, Phan kể Bính đều có thể coi là những nhà viết *essai*. Thời tiền chiến có một tay kiệt kiệt là Nguyễn Tuân bên cạnh những Hoài Thanh, Nguyễn đình Thi, Trương Tửu, Nguyễn đức Quỳnh, Lãng Nhân v.v... Hiện nay ở miền Nam, bộ-môn *essai* phát triển rục rờ. Tôi có phân tích đề giới thiệu một số tác phẩm đặc sắc của : Nguyễn đăng Thục, Nguyễn văn Trung, Lý chánh Trung, Thế Nguyên, Vũ Hạnh, Võ Phiến, Vũ Bằng, Nguyễn Hiến Lê, Doãn Quốc Sỹ, Trần Ngọc Ninh, Nhất Hạnh, Phan Lạc Phúc (dưới bút hiệu ký giả Lô Răng, tác giả những bài Tạp ghi đăng trên nhật báo), Thanh Lãng, Phạm Công Thiện, Cao Thế Dung, Nguyễn Mạnh Côn v.v...

— Còn tại Hội-nghị quốc-tế Đông-phương học, đề tài của anh và của Giáo sư Nghiêm Thâm là gì ?

— Giáo sư Nghiêm Thâm dự định thuyết trình đề tài : « Một khám phá mới của Khảo-cổ-học : tượng Pia Út, hoàng hậu Chăm gốc Việt, vợ vua Po Romé ». Và tôi dự định thuyết trình đề-tài : « Chế độ thi cử ở Việt-Nam trước thời Pháp thuộc ».

— Cũng xin anh cho biết sơ lược nội dung bài thuyết trình thứ hai này.

— Ở đây tôi trình bày chế-độ khoa-cử cũ của Việt-Nam dưới nhiều khía cạnh : lược sử, tổ chức,

tương quan với các chế-độ giáo-dục, kinh-tế, xã-hội và chính-trị. Tôi cũng phân tích đề giới thiệu sự nghiệp kỳ vĩ của một số nhà đại-khoa (Mạc đĩnh Chi, Chu-văn-An, Nguyễn-Trãi, Trương-Trình, Lê Quý Đôn, Phùng-Khắc-Khoan, Hoàng-Diệu, Phan-Đình-Phùng, Phan Bội Châu) như là những giá trị văn-hóa và nhân-bản đích thực của nhân loại. Nói chung, bài thuyết-trình này dựa trên những tài-liệu mà thân phụ tôi và tôi đã sưu tầm để viết bộ «*Khoa-cử Việt-Nam*» mà cho tới nay vẫn chưa xuất bản được.

— Thế rồi tại sao anh và Giáo sư Nghiêm Thâm không đi tham dự các hội nghị ấy ?

— Thật khó mà trả lời câu hỏi của anh cho đích xác. Tôi chỉ xin kể các sự-kIỆN đã xảy ra đề tùy anh kết luận. Thư mời của Viện Đại-học Sorbonne đề ngày 15-11-1972, chuyển trình Tổng-Thống VNCH qua đường lối ngoại-giao chính thức, xin phép cho chúng tôi đại-diện VNCH tham dự hai Hội-nghị Văn-hóa nói trên. Vì giấy mời ghi chúng tôi là Chủ-tịch Ủy-ban của Hội-đồng Văn-hóa Giáo-dục nên Phủ Tổng Thống chuyển cho Hội đồng VHGD cứu xét. Bốn năm tháng sau gì đó, Hội-đồng trả lời là không thấy gì trở ngại, tuy nhiên ngân sách của Hội-đồng không có kinh phí đề đài thọ. Phủ Tổng Thống lại hỏi Bộ Văn hóa Giáo dục. Bộ Văn hóa Giáo dục trình lên Phủ Thủ Tướng : cũng không thấy gì trở ngại nhưng cũng không có ngân khoản đề đài

thọ. Lúc này đã sắp tới ngày khai hội, chỉ còn cách vài ba hôm. Phủ Thủ Tướng lại hỏi Hội đồng Văn hóa Giáo dục, và nơi đây lại trả lời như đã trả lời Phủ Tổng-Thống. Như vậy có thể kết luận là chúng tôi không tham dự được hai hội nghị văn hóa quốc tế đó là vì quốc gia chúng ta nghèo.

— Thế tại sao trong thời gian đó vẫn có những người khác, những phái đoàn khác xuất ngoại để quan sát, nghiên cứu, tranh giải thể thao v.v... ?

— Hoặc giả trong cái nghèo có cái giàu và trong cái giàu có cái nghèo chăng ? Dịch lý mà anh.

— Cảm nghĩ của anh thế nào khi đã sửa soạn xong xuôi các bài thuyết-trình rồi mà cuối cùng lại không đi được ?


— Tôi có cái cảm tưởng nhẹ nhàng như là đã... thoát nạn ! Anh thử nghĩ coi, thuyết trình bằng ngoại-ngữ trước 2000 học giả gạo cội thuộc đủ mọi nước trên thế giới, đâu phải là chuyện du hí. Nhất là thuyết-trình xong lại còn có thảo luận. Tuy nhiên đối với quốc gia chúng ta thì thật đáng tiếc. Bởi vì không phải bất cứ lúc nào cũng có cơ hội tập trung 4000 học-giả thuộc đủ mọi nước trên thế giới để trình bày cho họ thấy những cái hay, cái đẹp, những tinh túy của văn hóa Việt-Nam. Thế giới biết tới Việt-Nam vì chiến tranh Việt-Nam thì quá nhiều rồi. Thế giới biết tới Việt-Nam vì văn hóa Việt-Nam thì hãy còn quá ít.

BÁCH KHOA ghi lại

Công thức mới
Thuốc mới

hemocalcium B12

H. SUY YẾU. CHẬM LỚN
KÉM ĂN. THIẾU MÁU



hemocalcium B12

có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm thấu sinh tố B12 qua màng ruột mà không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây

SHAPP SAIGON

Công thức môn
thuốc mới :

HÈMOCALCIUM B 12

trị : SUY YẾU — CHẬM LỚN
KÉM ĂN — THIẾU MÁU

Có chất Sorbitol để giúp cho sự thẩm
nhuần sinh tố B 12 qua màng ruột mà
không bị tiêu hao.

Bán tại các nhà thuốc tây.

Lá thư nước ngoài

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

Đài-loan 22-9-73

Anh Ch.

Hẹn anh viết thư kể về chuyến đi thăm đảo Kim-Môn cho anh nghe thì hôm nay giữ lời. Kim-Môn là cái đảo nhỏ xíu chỉ có 137 cây số vuông, chỗ eo nhất của đảo chỉ rộng có 3 cây số rưỡi. Thế mà cùng với Mã-Tử là hai nơi phải gánh vác nhiều trách nhiệm nặng nề nhất vì cả hai đều nằm gần với tỉnh lỵ Phúc-Kiến của ông anh không lồ Trung-Cộng. Kim-Môn là một căn cứ quân sự, cả quân lẫn dân đều sống trong tình thần căng thẳng của một vùng có thể bị chiến tranh xảy đến bất cứ lúc nào.

Muốn đến Kim-Môn phải đi máy bay quân sự, gần hai tiếng đồng hồ, vì không phải nơi du hí nên du khách ít được mời đến. Theo lời Đại-tá Wang, phụ trách ở đảo thì từ gần ba năm nay ông mới tiếp tôi là cô ký thứ ba, một cô Hoa-kỳ, một cô Đức và hôm nay là ký Việt-Nam.

Cùng chuyến bay có 4 ông ký Đại Hàn, trong số đó một ông có người bạn chết trong cuộc tấn công ở Kim Môn năm 1958.

Theo chương trình thường lệ thì phải có mặt ở sân bay vào lối 5 giờ sáng nhưng hôm nay đặc biệt chúng tôi được kéo thêm hai giờ tức là có mặt lối 7 giờ. Không phải lên mà được xách gói đi ngay đâu, người ta gọi lên sớm để khám hành trang, cái xách nào cũng được chiếu điện xem có vũ khí, ngoài ra còn phải khai báo đủ mọi điều. Một điểm bắt tôi chú ý là người ta hỏi về công việc, khả-năng rồi mà còn hỏi cả sở thích của từng người nữa. Tôi đọc những bản khai lý lịch thấy ông

Tàu nào cũng có kèm hoặc là câu cá, đánh cờ, đá bóng, uống rượu v.v...

Chúng tôi lên sân bay 7 giờ mà hơn 10 giờ máy bay mới cất cánh, chờ trời tan mây. Phải mặc áo phao vào vì gần hai tiếng đồng hồ bay trên mặt biển, người ta sợ máy bay có thể rơi chẳng ? Trong lúc chờ đợi chúng tôi được mời vào ăn mì lót dạ, không lấy gì làm ngon nhưng vẫn còn hơn cái thứ sữa với bánh mì, trứng gà, là thức ăn sáng tối kỵ của tôi.

Mấy ông Đại Hàn đọc được tờ báo đăng hình và những lời nói lăng nhăng gì của tôi nên họ bắt đầu mở cuộc tấn công, tuy có ông chẳng biết nói một thứ tiếng gì khác hơn là tiếng nói của xứ họ. Thế mới thấy rằng làm dân nước nào cũng nên học thêm vài thứ ngoại ngữ.

Họ hỏi thăm đủ thứ về nghề nghiệp, kinh nghiệm tình cảm v.v..

Thấy máy bay chậm họ nóng ruột đòi bỏ về. Họ đến hỏi tôi: Nếu máy bay còn chậm thì sao ?

— Thì chờ.

- Chờ đến ngày mai à ?
- Chờ đến ngày kia cũng chờ.
- Cô là thứ ký-giả quốc-tế đấy.

Tôi chỉ cười, không biết trả lời thế nào. May là mọi sự đều êm đẹp, máy bay cất cánh và hạ cánh bình yên.

Vì khởi hành muộn nên đến nơi vào buổi cơm trưa, ăn vội vàng rồi phải đi xem ngay các nơi. Đứng tưởng mình là đàn bà mà nhõng nhẽo, ở đây họ xem ai cũng như ai.

Trước hết là xem Viện Bảo-tàng của Kim Môn. Ngoài các thứ đồ cổ của đời Minh — vì có một vị vua cuối nhà Minh chết tại đây — còn toàn các kỷ niệm về chiến tranh, hai cuộc tấn công, và những gì nhật được của bên kia bức màn tre.

Sau đấy đến viếng các nơi đặt súng. Địa thế cao, ống viễn kính nhìn sang bên kia, chắc chắn là bên kia cũng phải có những địa điểm đặt súng như thế và biết đâu giờ phút ấy cũng có một đoàn ký-giả đang đi xem...

Vui nhất là nơi đặt dàn phóng thanh. Có một dàn phóng thanh lớn đến cả chục cái loa hướng về bên kia và từ tháng 5 đến tháng 10 thuận gió thì bên này phát ra bên kia nghe rất rõ. Từ tháng 10 tức là mùa đông thì hướng gió đổi ngược, đến phiên bên kia phát qua, bên này làm ồn phá tiếng.

Mấy ông đồng-nghiệp Đại-Hàn quý hóa của tôi không chịu đọc tài-liệu

trước, nên tôi đâu nghe giảng giải rồi đến lượt chất vấn cũng chỉ có một mình cái thân tôi, họa hoằn lắm mới có một ông hỏi lên một câu. Đây cũng là một điểm đáng nêu ra đề quý đồng nghiệp nhớ lấy mà đề phòng. Nếu ai cũng ngồi trơ ra nhìn nhau thì thật bẽ bàng cho ông thuyết-trình cầm cái gậy đứng chờ những lời chất vấn.

Đặc biệt nhất của Kim-Môn là cái hang đá nhân tạo to lớn, bình thường là lớp học, nơi hội họp của quân đội. Nếu gặp lúc pháo kích thì đấy là chỗ trú ẩn cho hàng nghìn người.

Kim-Môn bị hai lần tấn công và ba lần pháo kích mà một lần dành cho cuộc viếng thăm của ông Tướng Eisenhower. Trong hai ngày ấy Kim Môn đã lãnh gần hai trăm nghìn quả đạn lớn.

Hẳn vì trải qua nhiều lần kinh nghiệm nên Kim-Môn mới có cái lối sống hai tầng như vậy. Dưới đất là nơi không phải chỉ để cho cống nước với rễ cây mà là hầm hố, nơi cư trú của quân đội.

Mấy ông Đại-Hàn đi xem, nhưng vì tiếng Đại-Hàn và chữ Đại-Hàn tuy có pha chữ Tàu mà họ không nhớ hết nên họ bị ký Việt-Nam vượt qua. Đến một nơi có tấm bia khắc mấy câu, ông Đại-tá hướng dẫn bảo đây là châm-ngôn của người dân Kim-Môn :

«*Sinh hoạt bất phá lễ*».

«*Công tác bất phá nan*»

«*Chiến đấu bất phá tử*»

Ông Đại-tá thách ký Việt Nam đọc. Nhờ trời, bình thường thì lúc nào cũng dốt và quên đầu quên đuôi, nhưng mỗi khi có việc gì động đến quốc-thê là chữ nghĩa tung chần ngồi dậy và nhảy ra khỏi giường. Mấy lần tôi bị đổ, đều thoát, may quá, và lần nào cũng nghĩ thầm «chết cha về phải lo học thêm chữ cứ đổ mãi thế này thì nguy quá».

Le nhất là thấy ký Việt-Nam thì đọc được còn ký Đại Hàn thì lại phải nhờ giảng đi giảng lại. Ông Đại-tá giảng cho một ông nói được tiếng Anh, xong rồi ông này mới dịch lại tiếng Đại-Hàn cho các ông kia và cả bốn người lật sớ ra ghi.

Đi xem suốt ngày đến tối có bữa ăn đặc biệt, không phải thức ăn vội vàng mà là một bữa tiệc đảng hoàng. Lần này thì ký Việt-Nam treo cờ trắng. Kim-Môn có thứ rượu gọi là Cao-lãnh trên 100 độ, người ta bảo vậy thì biết vậy. Tôi chỉ thè lưỡi uống một tí rồi đổ cho người khác và lấy nước trà nhạt đổ vào cốc của mình. Người hầu bàn cứ chốc rượu cho những cốc nào cạn và cái tục gọi là «Cạn bồi» (Canpei) của họ thật ác.

Hết cạn với người này đến cạn với người kia mỗi người cạn đến 15 lần, thế mà ăn xong có được về giường ngay đâu. Chương-trình còn phải đi xem phim về cuộc phòng vệ của nhân dân Kim-Môn.

Tha hồ cho các ông ký Đại-Hàn múa men, nhưng sau một lúc họ biết không thể chịu được nữa và phải

xin ông Trung-tá, đi kèm với chúng tôi từ Đài-Bắc, đưa họ về phòng.

Ngày mai người ta làm một cái lễ nhỏ cho ông Đại-Hàn có người bạn tử trận ở Kim-Môn. Có bài vị tên tuổi, hương đèn đặt ở bàn thờ chiến-sĩ trận vong và ông ta có quỳ lạy rất nghiêm chỉnh. Lúc ấy rượu đã được trả lại hết từ đêm qua rồi nhưng sau đó họ vẫn chạy ra phố mua mỗi ông cả chục chai mang về. Chỉ có tôi là không vác cái của nợ ấy về làm gì cho hại anh em.

Quên nói với anh là trước khi lên máy bay cả năm đưa ký-giả chúng tôi đều phải ký một tờ cam kết là chết bỏ, không ai đền cho đâu.

Hắn vì vậy mà người ta ít dám mời những người không có bòn phạn đi ra đảo ấy. Sợ có gì mất công phải đưa xác về. Cố nhiên, còn phải cam kết tuân hết mọi kỷ-luật, không chụp ảnh, không làm điều gì trái với luật lệ của quân đội v.v...

Đến một địa điểm gần bên kia bức màn tre nhất, thấy tôi vào, mấy ông quân nhân đi theo hỏi ông Trung-úy xem có phải tôi là một «actress» không ?

Ông Trung-úy đến cạnh tôi hỏi lớn. Tôi trả lời :

— Phải tôi là ca sĩ ; nếu bây giờ tôi ca lên thì bên kia quân của Trung Cộng sẽ rút lui 10 dặm ngay.

Cả đoàn cười vang, họ bảo nếu quả thật như vậy thì chắc Cụ Tưởng sẽ mời tôi ở lại để mỗi ngày ra ca một lần.

Về đến nhà mệt đừ, tuy có sự tiện đưa rất nồng hậu và máy bay đổ xuống sân Đài-Bắc nhẹ nhàng. Khỏe nhất là khi máy bay rời biển, cởi được cái áo phao nặng nề đó ra, vừa nặng vừa bần vì cả bao nhiêu trăm người quàng vào với đủ thứ mồ hôi đen sì.

Giờ phút này ngồi nhớ lại cái đảo nhỏ, rất thơ mộng, khí hậu lành, không bức nóng như ở Đài Bắc. Thế mà người dân cứ phải sống trong niềm lo lắng cũng ức thật.

Về đến Đài-Bắc được ông bà Đặng Đức-Hiền gọi điện thoại cho ăn bún bò, anh nghe có thèm không. Được cứng vậy thì thôi chứ gì nữa, ở xứ này ăn cái gì cũng đầy mỡ mà có bún bò giò heo thì phải chịu là bắt hủ.

Định ở đây thêm đề học cho khá nhưng chắc phải đi. Tôi bắt đầu nghe đài phát thanh và hiểu được một phần rồi, nhưng vẫn chưa đủ. Chắc đến lúc về cũng chưa hiểu hết.

Tôi nhớ hồi ở Pháp có một cậu kỹ-sư điện-tử đã đặt một câu hỏi rất ngốc nghếch : « Chị học chữ Tàu làm gì, học cũng chẳng bằng mấy người Tàu cơ mà.» — Thế thì cậu học chữ Pháp làm gì ?» Cậu ấy ngồi im.

Sáng nay vừa viết thư cho anh vừa uống trà, uống thử đủ các thứ trà nào mà được gọi là ngon nhất. Người ta giới thiệu bảo trà Long-Tĩnh ngon nhất, quả thật là nó đặc biệt, nó được hái với lá non còn cuộn tròn chưa hé ra nên nó có từng sợi dài như con cuốn chiếu mà lúc mình nghịch, gỡ ra chơi. Trà này có lẽ ngon

thật, nhưng vị đắng như cánh hoa sen và hạt sen non trong nhị sen. Anh cứ tìm hoa sen nhai thử sẽ thấy.

Một thứ nữa là Ô-long. Nước không xanh bằng Long-tĩnh, nhưng Ô-long có nhiều hạng. Tôi chọn được một hạng rất dễ chịu, trước khi về phải đến hiệu trà mua cho riêng tôi và đề mời anh em nhất là các đồng đạo nghiện trà, trong đó có nhà thơ họ Vũ và ông họa sĩ họ Văn. Anh có muốn gia nhập đạo ấy không, nhưng dù anh không muốn tôi cũng sẽ chia cho anh đề bắt anh nghiện. Tuy nhiên nghiện trà rất hại ở chỗ đi đến đâu uống cũng thấy là trà hạng bét và sau đó vẫn tốn kém vất vả như nghiện mọi thứ khác. Anh biết có nhiều ông Tây thuộc-địa nghiện thuốc phiện rồi đành phải ly hương dọn sang Lào ở đến chết không ? Nghiện trà chắc phải sang Đài-loan ở, mà xứ họ đang có cái nạn dư người, họ đâu có cần mình.

Người biết thường thức trà không gọi là «hát trà» nghĩa là uống trà, từng cốc lớn mà gọi là «phầm trà» tức là uống nhắm nháp từng ngụm nhỏ trong cái chén nhỏ. Nói dóc với anh từ nãy đến giờ và thử hai thứ trà, «phầm» mãi thế này đến tối thức thì đừng có than.

Anh va các bạn sẽ bảo, tưởng sang bên ấy học được cái gì, chỉ học được cái uống trà mà cũng đi cho tốn tiền. Nhưng đi mãi mới sực nhớ là cả ngày chỉ có một gói xôi vào bụng, thế là lấy tắc-xi về nhà, nhưng không thấy đói nên vác bút ra viết nốt thư, tối đi ăn một thề.

Còn mua luôn cả bộ Hồng-lâu-mộng về để đọc nguyên-bản cho đã, khỏi đọc dịch; nhưng nhiều thứ để đọc quá chẳng biết đọc cái gì trước.

Mấy chú Tàu quen với tôi ở đây chú nào cũng đòi kiếp sau làm ký-giả và văn-sĩ. Ông bà nào cũng bảo «Ngộ muốn ở địa vị của nị». Họ hỏi kiếp sau tôi muốn làm gì. Tôi trả lời : Làm Tướng (không biết tướng cướp núi hay cướp bèo). Ngấy cuộc đời làm ký rồi, muốn ngừng cũng không được. Làm Tướng chỉ-huy người khác nhàn hơn nhiều.

Thôi không nói dốt nữa, mấy ông Tàu biết tôi sinh ngày ta là ngày mừng ba nông-lich, họ đang hẹn tổ chức sinh nhật ăn mì đây. Hai ba nhóm nên phải hẹn nhau trước, xong rồi còn ăn sinh nhật dương lịch tháng mười nữa. Tha hồ ăn và tha hồ nhận quà, xứ ta cũng nên bắt chước ăn sinh nhật nông-lich (tức

là âm lịch) như thế cho thêm vui.

Báo cho anh biết, tôi sắp phải lên Căm-Bốt trở lại ; ngấy tới cỡ nhưng không thề từ chối. Sẽ viết thư nói về tình trạng xứ ấy lúc này cho anh nghe. Cái xứ chi mà đau khổ, rách nát, họ đang ganh với xứ ta và Lào quốc đấy. Họ bảo hai ông láng giềng tương đối yên còn chúng tôi thì đang chịu trận.

Ngày kia rời phòng trọ, cái phòng nhỏ, không có hờn nhưng ở lâu cũng đâm ra thương nó mới nguy chứ. Còn cảm tình để rải rác như vậy là may lắm, anh thấy không, vì có lắm người bị công việc, tiền bạc chi phối quá, hết biết thương biết nhớ ai cả.

Ngừng ở đây, sắp được về xứ gặp anh em trước khi đi Căm Bốt, mừng quá. Cứ nghĩ đến về xứ là ruột gan nôn nao. Về sẽ gặp các anh ngày. Hẹn anh ngày về.

MINH-ĐỨC HOÀI-TRINH

SÁCH MỚI

Đã phát hành :

- Cuộc săn tìm vũ khí bí mật của HITLER
- Cuộc mưu sát các lãnh tụ Đồng Minh

Sắp phát hành :

- HITLER và các danh tướng Đức quốc xã
- Các tên ác quỷ của Y khoa dưới thời đệ II thế chiến.

Người Sông Kiên và Lê Thị Duyên dịch
Sông Kiên xuất bản — Nguyên Nhiều phát hành

Học ngay từ bây giờ để hoàn-tất chương-trình sớm

* Các lớp thường xuyên của Trường dạy theo phương pháp cho từng cá nhân, nhận ghi tên học bất cứ lúc nào là học ngay từ đó, không kể từ đầu tháng, nên học viên có thể hoàn tất chương trình sớm. Thích hợp cho mọi quân nhân, công tư chức trong mọi hoàn cảnh chuẩn bị thi Trung Học Tráng Niên, Tú Tài 2 Mới. Đặc biệt lớp Dự Bị 12 ABC cho các bạn đã học qua lớp 11 hay Đề nghị cũ học thi thăng Tú Tài 2 Mới. N.K. 73-74. Đầy đủ các lớp trung học từ 6 đến 12 ABC.

* Xin ghi tên sớm tại trường hàm thụ thành lập trên 10 năm nay, có uy tín, kết quả thi đậu cao.

ĐẠI HỌC : Nhận lo các dịch vụ và lãnh cours cho các sinh viên luật khoa, văn khoa, xin mời các bạn đã hỏi thẻ hệ liên lạc gấp.



Trường TÂN-HÀM-THỤ

23 Nguyễn-văn-Giai Đakao (Gần cầu Sắt) — Saigon I, ĐT. 95.753

* Cắt hay chép Phiếu dưới đây để lãnh Thẻ Lệ, Mẫu Đơn.

Yêu cầu Trường Tân Hàm Thụ, 23 Nguyễn văn Giai, Saigon 1, gửi ngay cho các tài liệu trên.

Họ tên _____ Địa chỉ _____

* Một viên tướng chỉ huy bị kẹt trong vòng vây khờn của quân thù, nếu không liều chết đánh tới cùng để thoát, viên Tướng ấy sẽ rơi vào Tử Địa ?

* Một thiếu nữ yêu lắm một thanh niên đã có gia đình, mối tình không lối thoát ấy là mối tình Tử Địa ?

* Nhưng một nữ kỹ giả biết viên Tướng hào hoa đang sống hạnh phúc bên cạnh vợ đẹp mà vẫn... cứ yêu, sẵn sàng trao cả cuộc đời, không tiếc nuối, không đòi hỏi, chỉ để được gần gũi người yêu dù là một ngày... mối tình ấy là mối tình Tử Địa ?

Hãy tìm đọc

TỬ ĐỊA

TRUYỆN DÀI CỦA MINH ĐỨC HOÀI TRINH

phát hành đầu tháng 12-1973

TÁC PHẨM MỚI NHẤT CỦA TÁC GIẢ
«VIẾT CHO NHỮNG MỐI TÌNH TỬ ĐỊA»

●
Nhà xuất bản NGUYỄN ĐÌNH VƯỢNG

Trời xưa áo lục

Thơ TƯỜNG LINH

● Tặng anh Hà Thượng Nhân

Hãy chậm chân bon hỡi ngựa hồng
Lối về chừng đã tới bên sông
Quán xưa khói nhạt, dò sang bến
Lau trắng bờ xa run gió đông.

Khách ngẩng đầu lên thương núi xanh
Đỉnh mây ngàn thuở vọng nhân hành
Người đi núi lặng nhìn theo bóng
Ngựa vượt đèo cao vó cuốn nhanh.

Kiểm thép xưa mài đá núi thiêng
Trăng thu, suối bạc chứng câu duyên
Hỡi ơi, kiếm gãy sa trường loạn
Nhịp trống tiền doanh cũng lặng yên.

Giữa trận đời phen ngắt ngưỡng say
— Địch nhân, mời cạn chung bầu này
Giết nhau, ồ thiếu chi hồi giết
Chuyện dễ dàng hơn bữa rượu cay.

Vứt kiếm, buông cung, khách trở về
Bàng hoàng như trái một cơn mê
Phiến mây cố quận ngàn xa gọi
Một cõi thơ và một bóng quê.

Chiến mã rung bồm nghe bắc phương
Mùa đưa tin gió siết canh trường
Quay đầu, vó sải theo đường cũ
Tung bụi mù tro lửa nhiều nhưong.

Giáp trụ, cân đai nặng mấy phần
Thay bằng màu áo lục thi nhân
Cổ êm êm dưới chân giày cỏ
Bảng lảng chiều vương điệu trúc ngân.

Gọi chinh mình xưa : chinh khách ơi !
Có hay trăng đợi với thơ mời ?
Đáy ly chìm một trời mơ ước
Đùa mặt hồ nghiêm, chiếc lá rơi...

Một giờ trong trường làng

Thơ LUÂN HOÁN

- ★ *thôi như vậy tôi đã thành thầy giáo
rất hiền từ vui vẻ của các em
khi cầm phấn viết chữ đầu trên bảng
tôi nhủ mình sẽ gắng giữ lương tâm*
- ★ *các em thấy tóc buồn tôi đã chải
mặt khô vàng vữa nuôi lại nụ vui
quần áo mới chợt thơm mùi giấy mực
trong hồn tôi như vừa có tiếng cười*
- ★ *muốn gọi lớn này các em thân mến
muốn cầm tay mỗi đứa tặng nụ hôn
muốn đỡ sỏ cho mỗi em mười điềm
muốn hoan hô tuổi trẻ đẹp muôn đời*
- ★ *tôi như vậy sao các em còn ngại
mắt chưa cười cho tôi ké hân hoan
lòng chưa mở cho tôi theo rất khẽ
lên cùng chim mong lột lại tuổi vàng
(mà một sớm mai nào đành bỏ tổ
khi quay về cánh mỗi giọng kêu than
đầu đã nặng những đá xây phần mộ
hồn đã già trong một cõi hoang mang)*
- ★ *vậy hãy gắng mỉm cười cùng tôi chứ
mắt môi kia không lẽ mất tuổi thơ
trên vách lớp còn rất nhiều vết đạn
trên lòng nhau còn rõ những nghi ngờ ?*
- ★ *tôi muốn kể các em nghe nhiều chuyện
tôi đã để dành trong nước mắt mồ hôi
tôi đã để dành già nửa đời trời nổi
tôi đã để dành trong chính máu của tôi*
- ★ *những chuyện đó biết chừng đâu sẽ góp
một chút hơi thở vỡ hạt suy tư
vẫn còn đọng trên tri xanh lá mạ
vẫn còn nhăn trên trán lụa hiền từ*

- ★ các em hãy ngắm sao đầu nắng mới
xòe tay thơm cho năm ngón thông dong
tôi hẹn đặt trái tim tôi vào đó
mong các em nhận một kẻ có lòng
- ★ bởi tôi đã đến đây cùng hy vọng
cùng niềm vui còn thơm ngát ước mơ
cùng lá phổi gửi trọn tình yêu dấu
cùng tờ nhật trình gói vật dụng đơn sơ
- ★ sân trường hẹp sẽ mở tung giầy thép
các em đùa cho trọn những giờ chơi
ngõ trường thấp sẽ đắp thêm đất mới
guốc giầy vang những giọng hát yêu đời
- ★ những bàn ghế sẽ được nếm chắt lại
kê từng hàng san sát tuổi mười lăm
da trống mới căng tiếng cười chào đón
góc làng vui như đêm có trăng rằm
- ★ sao các em vẫn vòng tay im lặng ?
nửa giờ rồi tôi chưa giảng một câu
môn quốc sử có lỗi thời không vậy ?
xin cho tôi trang trọng bắt đầu...
- ★ tôi hứa chắc không dò bài ai cả
cây thước khô không đập mỗi mặt bàn
các em nhớ giùm tôi không nghiêm khắc
không thăm dò không thanh lọc nghi nan
khi nhận giấy về đây làm thầy giáo
tôi nhủ mình hãy gắng giữ lương tâm
- ★ ôi tội nghiệp cho tôi vừa phạm lỗi
mong các em đều vui vẻ bỏ qua
sau mắt kính tôi cũng vừa tìm thấy
những trái tim kia là những đóa hoa

tặng Lam Hồ

LUÂN HOÁN

(1969)

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(**S. O. A. E. O.**)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-Hội) SAIGON

Tél : 21.266. — 21.273

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE GAZ — CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION
DE LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS

Văn khoa, mùa xưa

Vào khoảng cuối tháng 7, tình cờ có một dịp đưa đến trong cuộc đời buồn tẻ của Nguyễn văn X. đề cho chàng hồi tưởng về trường Văn Khoa.

Nguyễn văn X. là một thanh niên ba mươi tuổi, không đẹp trai, không giàu có, không có một tài ba lỗi lạc nào, không nổi tiếng bất cứ về phương diện gì, tóm lại là một người tầm thường như trăm ngàn người khác. Dăm bảy năm trước, có lẽ chàng cũng cho rằng mình không phải là một người tầm thường. Chàng cũng đã ấp ủ một số ước mơ, một vài cao vọng, chàng cũng đã loay hoay sắp đặt dăm ba kế hoạch để thực hiện những ước mơ, cao vọng ấy, để tạo dựng một tương lai huy hoàng hơn người. Nhưng dần dà, những kế hoạch của chàng, có lẽ vì vượt quá sức chàng, đã theo nhau thất bại. Thỉnh thoảng, ngồi kiểm điểm, chàng lại nhận thấy một giấc mơ xưa của chàng đã chìm khuất, mất hút, như một viên sỏi mất hút vào vực thẳm. Trung bình cứ vài năm lại xảy ra một sự mất hút như vậy, và cho đến bây giờ thì X. có thể yên chí rằng những giấc mơ của dăm bảy năm về trước đã không còn liên quan một chút nào với chàng nữa.

Cái khoảng thời gian dăm bảy năm về trước ấy, chính là giai đoạn lên hệ cuối cùng giữa chàng và

trường Văn Khoa, nghĩa là lúc chàng chuẩn bị thi ra trường và ước mơ trở thành một «vi giáo sư lỗi lạc».

X. học ở Văn Khoa cả thầy năm năm, kẻ luôn năm dự bị. Chàng không phải là một sinh viên xuất sắc. Dường như có một chứng chi nào đó, chàng đỗ bình thứ, nhưng mấy chứng chi còn lại thì chàng chỉ đỗ vừa đúng điểm trung bình (trong đó có một cái đỗ vớt). Chàng cũng đã lận đận không ít, thi đi thi lại mấy khóa, vì dăm cái chứng chi đó. Khi ra trường, chàng có nộp văn bằng đề xin giấy phép dạy học và sau đó đi dạy gần một năm trời tại một trường bán công, phụ trách một số giờ tối thiểu do người bạn đồng học chia bớt lại. Hết niên khóa đó, chàng phải đi trình diện nhập ngũ rồi được trả về vì lý do sức khỏe. Khi trở lại, thành phần giáo sư tại ngôi trường bán công nọ đã thay đổi theo một cách nào đó khiến cho sự có mặt của chàng trở nên thừa thãi. Đáng lẽ X. nên kịp thời xoay sang một nghề kiếm ăn khác. Nhưng phần vì chàng vốn lờ mờ, ít sáng kiến, ít giao thiệp, phần vì chàng vẫn còn muốn theo đuổi nghề gõ đầu trẻ, cái nghề mà chàng cho rằng thích hợp với mình nhất và dễ đưa đến thành công một cách liêm khiết nhất; chàng cứ loay hoay chạy quanh, tiếp xúc với chỗ này chỗ nọ, xoay những giờ dạy một cách khó nhọc và gần như khổ sở.

Suốt một khoảng thời gian đầu niên học năm đó, chàng chỉ biết chạy loanh quanh như thế, đề rồi cuối cùng « vờ » được cả thầy mười giờ dạy một tuần tại ba trường khác nhau, mỗi trường ở một góc thành phố. Chàng phải di chuyển cái kiệu đầu làng cuối tỉnh đó suốt mấy tháng trời bằng chiếc xe Mobylette cũ kỹ, đề tìm thấy kết luận rằng số lợi tức thu hoạch được bằng mười giờ dạy không thể đủ chi phí tiền thuê nhà, cơm tháng và xăng nhớt. Tuy nhiên, có lẽ riêng sự tính toán bi thảm ấy cũng chưa đến nỗi làm chàng tuyệt vọng. Nó cần phải được hỗ trợ bằng một yếu tố khác. Yếu tố đó là, sau ngót hai năm dồn hết sự say mê, dồn hết mọi nỗ lực vào công việc dạy học, chàng khám phá ra rằng hình như chàng đã không thành công, và có lẽ không bao giờ thành công trong cái lãnh vực ấy. Đề tạo được thành công trong nghề gõ đầu trẻ, đề trở thành một « vị giáo sư lỗi lạc », dường như người ta cần phải hội đủ một số điều kiện nào đó: kiến thức, sự tận tụy, tính kiên nhẫn về duyên dáng, v.v... Chàng ngờ rằng mình thiếu một điều kiện gì trong số đó. Chàng cũng loay hoay cố gắng soi tìm cái khuyết điểm của mình để sửa đổi, nhưng những cuộc thí nghiệm sửa đổi ấy xem chừng không đi đến kết quả nào. Và chàng mơ hồ nhận thấy, một cách chua xót, rằng cứ với cái đà này, sang năm tới, vị tất chàng có thể xoay xở nổi lấy mười giờ dạy đề mưu cầu một số lương chết đói như hiện nay. Chàng phải cấp tốc dứt bỏ cái ảo vọng cao

quý của chàng đề tìm lấy một lối thoát thân trong cuộc mưu sinh mỗi lúc một thêm khó khăn. Chàng tìm đến một người bạn công chức, nhờ anh ta giới thiệu cho một công việc trong sở. Người bạn đồng ý, hứa với chàng một cách không lấy gì làm sốt sắng cho lắm. Nhưng có lẽ số chàng còn may mắn, vì không lâu sau đó, ở sở người bạn bỗng khuyết một chân chuyên viên. Chàng được giới thiệu trám chỗ vào đấy.

Và như thế, Nguyễn Văn X, trở thành một công chức. Cuộc đời thầy giáo của chàng đã chấm dứt. Đồng thời, đến đây cũng chấm dứt luôn giấc mơ cuối cùng của chàng, giấc mơ làm một vị giáo sư lỗi lạc. Chàng đã khôn ngoan, yên phận, ngày hai buổi đi làm, không bon chen đeo đuổi một chức vị cao sang nào, không xoay xở mưu cầu những khoản lợi lộc nào. Hiển chàng có thể vô tình động chạm đến quyền lợi những bạn đồng nghiệp. Chàng thu mình trong cái thế giới nhỏ bé của công việc thường nhật, thu mình vào gọn trong cái tầm thường hèn mọn của một kẻ vô danh, lẫn lộn giữa hàng trăm ngàn kẻ khác.

Và Văn Khoa đối với chàng quả thật chỉ còn là một giấc mơ xưa, một giấc mơ tưởng chừng đã chìm khuất trong vùng sâu thẳm của ký ức, không còn dịp nào sống dậy.

oOo

Vậy mà nó đã sống dậy, nhân một dịp tình cờ vào cuối tháng 7. Đó là hôm X. đến Văn Khoa đề đón một cô bạn gái mới quen.

X. đến Văn Khoa để đón một cô bạn gái mới quen. Nói như thế, rõ ràng là câu nói thông thường, nhưng người tinh ý một chút nghe sẽ thấy có vẻ kỳ cục, trực trặc sao đó.

Sự thật là X. không có số đào hoa. Chàng không thuộc loại người lang thang từ cuộc tình này sang cuộc tình khác. Chàng cũng không thuộc loại người lấy việc tán tỉnh lãng nhãng làm vui. Việc chàng quen biết cô bạn gái không bắt nguồn từ một màn tán tỉnh. Sự quen biết ấy cũng không phải xảy ra ở trường Văn Khoa, hay nói đúng hơn, nó chẳng liên quan chút nào đến Văn Khoa cả. Công việc mà chàng phụ trách trong sở bắt chàng mỗi tuần ít nhất vài lần đến tiếp xúc với một cơ quan bạn để lấy tài liệu. Cô bạn gái của chàng hiện nay chính là nhân viên phụ trách lưu trữ và cấp phát các tài liệu đó. Dần dà, ngoài những mẫu đối thoại ngắn ngủi về công vụ, chàng cũng lân la trao đổi với cô ta dăm ba câu chuyện trời mưa trời nắng; những câu chuyện ấy đưa hai người đến chỗ thân mật hơn.

Một hôm, chàng ngộ ý mời cô gái đi uống nước. Nàng nhận lời, không quá dễ dãi nhưng cũng không màu mè kiêu cách. Chàng nhận thấy tính nết nàng vui vẻ, dễ thương. Từ cuộc đi chơi đầu tiên, chàng được biết nàng vừa đi làm vừa tìm cách học thêm. Nàng đã đỗ được một chứng chỉ ở Văn Khoa.

Sau đó thỉnh thoảng (thường là vào mỗi kỳ lãnh lương) chàng lại hẹn cô gái đi chơi, xem xi-nê, đi

phố, v.v... Để tính một chút người ta cũng có thể tạm gọi sự tương quan ấy là một mối tình. X không hẳn là người dễ tính, nhưng nếu đôi khi cô gái tỏ những cử chỉ hay ngou ngữ chứng minh một cách gián tiếp và vô tình về sự hiện hữu của một mối tình như thế, thì chàng cũng không tìm thấy lý do gì để phản đối. Chàng nhận thấy cô gái xinh xắn, đáng yêu, và chàng lặng lẽ thưởng thức cái vẻ xinh xắn, đáng yêu đó một cách êm đềm, vừa phải. Nói cách khác, chàng hoàn toàn cảm thấy dễ chịu trong cuộc giao thiệp này.

Vào khoảng cuối tháng 7, cô gái ngộ ý muốn chàng đến đón nàng ở trường Văn Khoa, buổi chiều, sau giờ tan sở. Hôm đó nàng xin phép nghỉ làm để vào vấn đáp môn thi cuối cùng.

oOo

Sáu giờ chiều, X. chạy xe đến trường Văn Khoa. Trời lát phất mưa. Mưa chỉ đủ để làm ướt đường phố và hơi thấm ướt người X. một chút trên quãng đường ngắn. Vào những buổi chiều mùa mưa như thế này, một trận mưa nhỏ, lát phất bay như mưa bụi, quả là hiện tượng hiếm hoi và không ít thi vị. Khi X. phóng xe qua cổng trường Văn Khoa dưới màn mưa mỏng ấy, chàng bắt gặp một cảm xúc mơ hồ, là lạ, thoáng lướt qua như một đợt sóng nhỏ gợn lên trong tâm hồn chàng. Chàng không thể định danh cái cảm xúc đó. Nó nửa như một chút băng khuâng, lại nửa như một chút ngậm ngùi. Chàng không hề sửa soạn để đón chờ một thứ cảm xúc kỳ quặc như thế, và nó làm cho chàng hoang mang, nghi ngờ.

Chàng phóng xe thẳng vào phía sân bên trái tòa nhà lớn, ngừng lại sát bờ tường cạnh cột cờ. Nhìn lên phía những phòng học, chàng thấy lác đác một số sinh viên đứng ngoài hành lang, nói chuyện gẫu hoặc xem thông cáo. Nhìn lên cao hơn, chàng thấy cả một dãy lầu một vắng ngắt, nhưng trên tầng lầu hai thì có lẽ nhớ vài người đang đứng vịn thanh sắt lan can ngó xuống. Trong số tất cả những người đó, không có cô bạn gái của chàng. Có lẽ nàng còn ở trong phòng thí, nhưng chàng không biết là phòng nào.

X. khóa xe, lững thững leo lên những bậc thang xi-măng. Đã bao tháng ngày qua, bây giờ chàng mới đặt bước chân trở lại trên những bậc thang này. Bao lâu rồi? Chàng thử nhằm tính, nhưng không tài nào tìm được một con số chính xác. Ngôi trường cũ với chàng vẫn ở chung trong một thành phố. Từ sở chàng đến đây chỉ có vài đoạn đường ngắn. Hơn thế nữa, mỗi tuần ít ra một đôi lần chàng phóng xe chạy ngang qua đây. Vậy mà sao chàng cảm thấy ngôi trường ấy xa cách chàng quá đỗi. Chàng không còn thuộc về nó nữa, cũng như nó không còn thuộc về chàng nữa. Không một may mắn nào, y như thể hai người tình đã chia lìa nhau, mỗi người một đời sống riêng, không trao đổi, không theo dõi, dù là một tín tức nhỏ nhất của nhau. Có lẽ vì thế mà trong cuộc tái ngộ này không có lấy nổi một chút dấu hiệu mừng rỡ, chỉ có sự hồ hững và nỗi ngậm ngùi.

Chàng thấy khuôn mặt người tình cũ đó đã mang ít nhiều thay đổi. Một dãy phòng học mới đã được xây thêm ở ngay bìa phần sân bên trái này, chạy dài từ cổng vào chốc đến cuối sân. Những phòng học đóng kín cửa, nằm im lìm, buồn hiu. Chàng lầm nhảm đếm số phòng. Nếu khéo thu xếp, dãy phòng ấy cũng thừa sức chứa nổi cả mấy trăm sinh viên chứ không ít. Chàng chẳng được chứng kiến và bây giờ cũng chẳng thể tưởng tượng ra sự đông đúc của ngôi trường, của những phòng học kia, trong khoảng giữa những niên học mới đây. Nhưng hẳn là số sinh viên đã tăng trưởng vượt bậc thì mới đưa đến sự xuất hiện của dãy phòng xây thêm đó chứ. Năm cuối cùng của chàng ở đây, chưa có dãy phòng ấy, và ngay cả tòa nhà chính cũng không sử dụng hết cả mấy tầng lầu — chàng còn nhớ, nguyên một nửa tầng lầu trên cùng đạo đó còn chằng kềm gai, ngăn ra một phần dành cho những người lính phòng vệ trú đóng.

Số sinh viên hẳn đã tăng trưởng vượt bậc, và chắc rằng còn tiếp tục một cách vô hạn định. Dãy phòng xây thêm phía sân bên trái chưa phải là dãy phòng cuối cùng. Bước sang phía sân bên phải chàng lại bắt gặp thêm một nét thay đổi trên bộ mặt Văn Khoa. Chiếc sân bóng chuyền đã bị lấn hẳn một khoảng để lấy chỗ cho một công trình xây cất mới khởi đầu. Tầng bậc tường đang thành hình. Những gạch vữa ngồn ngang, Kuông còn cái bờ tường thấp chạy

dài, nơi chàng đã từng có dịp ngồi đung đưa chân nói chuyện gẫu vào những buổi chiều sau giờ tan học.

Chàng lặng lẽ ngắm mảnh sân trước mắt, ngắm bức tường đang xây dở dang, ngắm khoảng sân bóng chuyền còn lại phía sau bức tường đó. Hình như cái khung cảnh vô hồn này gợi chàng nhớ lại một điều gì, một điều rất mơ hồ, rất xa xôi, mờ nhạt. Nhưng chàng không cố gắng lục lọi ký ức. Chàng không muốn nhớ lại bất cứ một điều gì hết. Tốt hơn cả là chàng cứ cho phép mình nhìn ngắm những khung cảnh trước mắt, những đổi thay thêm thắt ấy một cách bình thản, vô tình, không nghĩ ngợi.

Nhưng mặc dù chàng đã cho phép, cái đầu óc ngoan cố của chàng vẫn tìm cách len lách, quanh quẩn. Nó cố tình không nghe lời chàng. Trong khi chàng chấp nhận sự bình yên, rảnh rỗi, nó lại lang thang đi tìm lấy công việc cho nó. Nó làm như ngoan ngoãn theo chàng lên lầu một, lầu hai, dừng lại ở mỗi cửa phòng học, nhưng thật ra, trong khi chàng dừng lại nó len lén bỏ đi, lêu bêu, bất định.

Dần dà, chàng đoán ra âm mưu của nó. Nhưng khi ấy đã quá muộn. Nó đã nắm được tay chàng, kéo đi theo nó, kéo thẳng vào cái thế giới âm thầm mà chàng muốn chối bỏ. Và khi đã nhập vào cái thế giới đó rồi, thì chàng biết mình không còn liên quan gì đến những khung cảnh thực tại trước mắt, đến những thay đổi, thêm thắt của ngôi trường mà chàng đang đứng giữa. Chàng đã thuộc

về một đời sống khác, một đời sống xa xôi, cũ kỹ, chìm mất từ bao lâu và đợi buổi chiều nay để phục sinh một cách đột ngột, trong một tích tắc không báo trước. Chàng có cảm tưởng như thể bấy lâu nay chàng vẫn đứng im giữa vùng bóng tối mông mênh của một căn nhà cũ, đã trở thành quen thuộc với vùng bóng tối ấy, đã an nhiên, bình thản chấp nhận vùng bóng tối ấy, không băn khoăn, không phản đối, không vui buồn, không cử động mày may. Bỗng nhiên, tách! Một ngọn đèn bật lên, do bàn tay vô hình nào đó. Và vùng bóng tối biến mất. Trước mắt chàng lại hiện nguyên hình tất cả những khung cảnh của căn nhà cũ. Một mình chàng bơ vơ giữa căn nhà ấy, bàng hoàng nhìn quanh, chẳng dám tin ở đôi mắt mình.

Giữa buổi chiều mưa quạnh quẽ, ngọn đèn kỳ bí kia bỗng bật lên trong óc chàng, kéo hút chàng vào một giấc mơ, biến chàng thành một kẻ thụ du. Trong cơn thụ du đó, chàng thấy mình lang thang trở về trường Văn Khoa.

oOo

Phải, bây giờ chàng mới thật sự trở về trường Văn Khoa. Văn Khoa của chàng nào phải là ngôi trường vô hồn, buồn bã, xa lạ này. Văn Khoa thân yêu với chàng như một người tình xinh đẹp, dễ thương, luôn luôn chờ đón chàng bằng tất cả sự nồng nàn, triu mến. Khi chàng làm quen với Văn Khoa lần đầu, chín năm về trước, chàng bị thu hút mãnh liệt bởi cái dáng dấp (đài các mà khiêm tốn, trang nghiêm mà

quyển rữ của nó. Chàng uống tách cà-phê đen thứ nhất trong cái quán nước nơi hè đường Nguyễn Trung Trực, nhìn sang tòa nhà bên kia đường, nhìn cái bảng tên trường nằm giữa hai cây me cao, tòa bóng rợp xuống mặt lộ, xuống những viên gạch vuông ô cờ trên vỉa hè. Cũng cái hình ảnh thân yêu, dịu dàng ấy, chàng đã nhìn ngắm suốt bao nhiêu năm tháng. Cũng ở cái quán nước nhỏ bé, dễ thương ấy, chàng đã ngồi uống hàng trăm ly cà phê, thở bao nhiêu khói thuốc, nói biết bao nhiêu câu chuyện gẫu với những người bạn gặp nhau từ bốn phương trời và chọn cái môi trường này để trở thành thân thiết.

Chàng thấy mình băng qua đường, đi vòng sang công phụ, dắt xe vào gửi trong nhà để xe, lưng thưng đi dọc theo con đường nhỏ, giờ tay chào dăm khuôn mặt quen thuộc đang ngồi vắt vẻo trên thanh sắt tròn bắc ngang dãy tường thấp. Chàng thấy mình vào trong, dừng lại mấy phút để liếc qua những thông cáo dán nơi bảng, tìm tìm cười trước cái bìa quảng cáo một tập thơ sinh viên vừa được cho ra lò, trước khi leo lên những bậc thang quen thuộc của chiếc cầu thang xoáy tròn ốc dẫn lên lầu. Chàng thấy mình đứng thập thò bên cửa giảng đường, len lén nhìn vị giáo sư ngồi trên bàn cao kê sát tường đang thao thao giảng cho vài chục sinh viên bên dưới hí hoáy ghi chép. Chàng thấy mình phân vân đôi chút trước khi quyết định bỏ giờ học đã lỡ, để đi lêu bêu dọc theo hành lang,

ra đứng bên cửa sổ nhìn vu vơ xuống con đường thưa thớt xe, chờ tiếng chuông reo báo hiệu chấm dứt một giờ.

Những « giờ học » của chàng ở Văn Khoa tựu trung đều là những giờ lang bang, « tùy nghi » như thế. Và chàng chẳng phải là sinh viên duy nhất chọn cái lối học ấy, cái lối học xem chừng tương phản nặng nề với sự đều đặn, cần mẫn. Không khí của Văn Khoa tự nó đã gián tiếp khuyến khích, cho phép một sinh hoạt tự do cởi mở và thi vị. Đến Văn Khoa mà chỉ đề vào giảng đường, ngồi suốt giờ học này qua giờ học khác, như thế hình như chưa phải là đã tham dự thực sự và đầy đủ vào đời sống của Văn Khoa. Chàng và các bạn bè chàng đều nhất loạt đồng ý với cái nhận định ấy, và một cách vô tình hay cố ý, họ đã tạo nó thành một thứ tôn chỉ thầm lặng và đáng yêu, nối liền nó vào một trong những truyền thống mơ hồ của ngôi trường đại học. Đi xa hơn chút nữa, họ không ngần ngại biến ngôi trường đó trở nên cô tình nhân chung để họ tha hồ âu yếm và nhớ nhung. Đời sống Văn Khoa được mở rộng ra ngoài biên giới của những giờ học đã dành, lại còn được mở rộng thêm ra ngoài biên giới của cả những ngày đi học nữa. Thời khắc biểu hoàn toàn biến mất đối với họ. Nay nhé, thử kiểm điểm xem : trong nhóm bạn bè vài chục mạng thuở ấy, may ra chỉ có độ dăm ba đứa cùng ghi tên chung một chứng chỉ, và như vậy, cho dù tất cả đều thuộc loại cần mẫn tối đa, thi

một tuần, mỗi đứa cũng chỉ có bốn phận «đi học» vài buổi, theo đúng lịch trình dán ở phòng học vụ. Nhưng không — phòng học vụ không thể tưởng tượng nổi một sự siêng năng tập thể kỳ quái đến như thế. Cái nhóm sinh viên ấy bất cứ ngày nào cũng tự động kéo nhau đến tụ họp đông đủ, từng đợt một, buổi sáng cũng như buổi chiều, đóng đô ở trường một cách còn đều đặn hơn cả công chức đến sở. Không cần hẹn hò nhau, cũng không ai bắt buộc ai, họ tới đó gặp nhau như thể cùng tuân theo một thứ thỏa ước ngầm chẳng hiểu bắt đầu có từ bao giờ. Họ lặng lẽ chọn lấy một vài địa điểm đợi chờ nhau: quán cà-phê bên hè đường, phòng quay «cua» ronéo, bãi cỏ phía sau trường, hay dẫn dỉ hơn hết, thanh sắt tròn gắn trên bờ tường thấp chạy dọc theo lối đi nhỏ từ nhà gửi xe vào cửa hông. Không ở địa điểm này thì ở địa điểm kia, đi quanh quần một lúc thế nào cũng sẽ tìm thấy đủ bằng ấy khuôn mặt, những khuôn mặt đã trở thành nổi tiếng vì hai đặc điểm chung: luôn luôn xuất hiện ở trường và rất hiếm khi xuất hiện trong giờ học.

oOo

Làm thế nào để liệt kê lại được thật đầy đủ những khuôn mặt bạn bè thuở đó? X. thấy khó thuốc từ điều thuốc chàng ngậm trên môi vẽ những đường ngòong ngoèo trong không khí, và những sợi khói mong manh ấy, từng khuôn mặt mơ hồ hiện ra, chập chờn trước mặt chàng.

Có một vài khuôn mặt chàng còn thỉnh thoảng gặp lại trên các nẻo đường quanh quất của cái thà nh phố xô bồ và buồn bã này... Có một vài khuôn mặt khác, nay đã trở thành hững hờ, xa lạ, ngưng ngập... Có một vài khuôn mặt nữa đã lang thang qua những chân trời xa, bên kia bờ đại dương... Và cũng có một vài khuôn mặt đã thuộc về thế giới khác...

Chiều hôm nay tất cả ngàn ấy khuôn mặt rủ nhau trở lại, lốt phớt trong màn mưa mỏng, tươi cười thân ái, như vẫn còn quấn quýt bên nhau giữa cái không khí ấm áp của ngôi trường cũ. X. thấy lại khuôn mặt chính chàng hồn nhiên, tinh quái, lẫn trong đám bạn bè đang ngồi vắt vẻo trên thanh sắt tròn ngắm nghĩa và phê bình từng cô gái đi ngang qua; cũng như đang nằm dài trên bãi cỏ trước phòng Sư Địa nhìn những đám mây trôi ngang đầu và phá lên cười từng chập vì những mẩu chuyện tiểu lâm kể hoài không hết; hay đang rình rập và trêu chọc lẫn nhau trong những canh xi phê còm tồ chức một cách gần như thường trực tại phòng quay «cua», căn nhà «tiền chế» nhỏ bé nơi đã ghi dấu biết bao nhiêu kỷ niệm vừa khôi hài vừa cay đắng. X. cũng thấy lại hình ảnh chính chàng, những ngày Chủ nhật lang thang trên khắp các đường phố, buồn nản, lạc lõng, bất giác bắt gặp bước chân mình lững thững tiến về Văn Khoa, để rồi ngạc nhiên và thú vị biết mấy khi thấy trong ngôi trường vắng hoe, bên ngoài những giảng đường đóng

kin cửa, có một vài thằng bạn đang ngồi tán gẫu. « Năm dài người ở nhà suốt từ sáng đến giờ, nhớ trường quá chịu đếch nổi, mò đến chơi, biết ngay thế nào cũng gặp chúng mày ở đây». Câu nói của một thằng trong bọn cũng chính là tâm trạng chung của ngàn ấy đứa. Văn Khoa y như một cô tình nhân bé bỏng, mới x1 có một buổi sáng Chủ nhật mà đã nhớ «chịu đếch nổi».

Cô tình nhân ấy, mấy năm sau, có thay đổi đôi chút đề không còn bé bỏng nữa. Đó là khi Văn Khoa được đi đô từ đường Nguyễn Trung Trực lên đường Cường Để. Năm dự bị và các năm chúng chỉ đều gặp gỡ nhau trong một tòa nhà ba tầng.

oOo

Nhưng đời sống Văn Khoa của Nguyễn văn X. chưa phải chấm dứt luôn cùng với sự thay đổi đó. Không. «Văn Khoa cũ» không còn nữa quả là điều đáng buồn thực, tuy nhiên nỗi mất mát ấy chưa đến nỗi tuyệt vọng. Dù sao X. vẫn còn là sinh viên Văn Khoa. Chàng cũng vẫn còn thấy trong nhóm bạn bè của chàng một số kẻ «nhau sang «Văn Khoa mới». Họ có quyền thêm vào câu chuyện gẫu thường nhật một đề tài nóng hổi: sự tiếc rẻ, nhớ nhung những khung cảnh đầy kỷ niệm của cô tình nhân bé bỏng dạo trước. Bây giờ thay vì phòng quay «cua» ronéo, thay vì bãi cỏ ở sân sau v.v..., họ đành chấp nhận những hành lang dài của tòa nhà mới, hay cái bệ gạch giữa hai đầu cầu thang

xi măng, nơi kẻ qua người lại nườm nượp trước mắt không lúc nào ngớt, đề làm địa điểm tụ họp đám bạn bè cũ đã bắt đầu trở thành thừa thớt. Họ hỏi thăm nhau tin tức về những đứa mà năm nay không thấy mặt, những đứa đi làm xa, những đứa đã ra trường vừa kịp để đi lính những đứa đi ngoại quốc v.v... Vắng đi một số đáng kể những khuôn mặt thân thuộc ấy, cái dóm bạn bè còn lại bỗng đứng thấy như tro tro lạc lõng, nhỏ bé quá sức giữa một đám đông mới mẻ, xa lạ vây quanh ồn ào, náo nhiệt và đầy sinh động. Một thứ phản ứng gần giống như phản ứng tự vệ đẩy họ vào sát với nhau hơn, bám víu, quấn quýt lấy nhau, chống lại sự tràn ngập của làn sóng lạ và chống lại luôn cả sự tan rã của chính mình, một sự tan rã mà họ đều ngầm nhận thấy rằng rất chậm rãi nhưng cũng rất chắc chắn, một sự tan rã không thể tránh khỏi. Nỗi đe dọa ghê gớm đến độ bám víu vào nhau không thôi chưa đủ, họ còn phải bám víu vào cả những vật khác, những nhân vật mà sự liên hệ đối với trường Văn Khoa từ thuở xa xưa đã được thừa nhận một cách đáng kiêng nể. Chẳng hạn như gia đình một ông tùy phái, cái gia đình đã nghiêm nhiên đi đô từ căn nhà bên hông trường cũ sang căn nhà cạnh sân bóng chuyền của trường mới, để tiếp tục công việc thầu giữ xe hai bánh cho sinh viên. Gia đình người tùy phái già bỗng đứng được lựa chọn làm một trong những địa điểm thuộc loại ấm cúng

nhất đề nhóm bạn bè cũ lui tới gặp gỡ nhau hay hỏi han tin tức nhau. Và khuôn mặt những người trong cái gia đình ấy bỗng dưng cũng được trộn lẫn vào trong số những khuôn mặt tiêu biểu, vẽ lại một thời kỳ niệm của Văn Khoa ngày cũ.

X. nhớ lại một ngày cuối năm, nhóm bạn bè của chàng hẹn gặp nhau tại căn nhà người tùy phái để tổ chức một bữa tiệc tất niên nho nhỏ. Cuộc hội họp không thành hình với đầy đủ nhân số như dự tính. Chỉ có dăm ba người hiện diện. Ngồi quây quần quanh chiếc bàn nước trong không khí quạnh hiu, buồn bã của buổi chiều tuế mộ, họ nhắc lại với nhau về những cuộc vui do chính bọn họ tổ chức mấy năm trước tại Văn Khoa cũ, những hội Tết hàng năm trên bãi cỏ phía sau trường đóng kín người tham dự, những tà áo màu tha thướt vây quanh khu phố từ gốc đường Lê Thánh Tôn đến gốc đường Gia Long, những câu hát tiếng cười, giọng hát trong vắt, cao vút của một cô bạn cũ bây giờ chẳng biết đã trôi dạt về phương trời nào, giọng đọc Sớ Táo quân độc đáo của một anh bạn thuộc hàng « cao niên » nhất trong nhóm... Ngồi nghe những sinh viên thân thuộc của Văn Khoa nhắc nhở kỷ niệm xưa, thỉnh thoảng người tùy phái già lại rít một điếu thuốc hào, và qua ngậm khói đặc, lại góp vào câu chuyện bằng vài lời nhận xét không kém phần dí dỏm. Ông ta hỏi thăm về từng khuôn mặt cũ, gọi từng cái tên một cách thân mật, phân

biệt rành rọt về hoàn cảnh của mỗi nhân vật được nhắc tới: *H lấy vợ rồi bây giờ làm việc ở đâu? S. qua bên Pháp có thư từ gì về không? K., B., S., T. đi lính chẳng hiểu sắp ra trường chưa? C. có lẽ cũng đến tám chín đứa con rồi đấy nhỉ? v.v...*

Những lời hỏi thăm của người tùy phái chỉ càng khiến cho những kẻ hiện diện nhớ đến tình trạng chia cách, tan rã của nhóm bạn bè xưa. Cuộc vui đã tàn, bây giờ họ mỗi người một ngã đường, mỗi người một đời sống riêng. Trên các ngã đường ấy, có kẻ may mắn bắt gặp được hạnh phúc, cũng có kẻ vẫn bôn ba lận đận với những ước mơ lỡ dở. Kiểm điểm lại, Nguyễn văn X. thấy rằng chàng có đủ điều kiện để được xếp vào trường hợp thứ hai.

Nhưng nói như thế chẳng hóa ra sau mấy năm thân ái, Văn Khoa không mang đến cho chàng một thứ gì khác hơn là nỗi buồn phiền, cay đắng? Không. Chàng không muốn đi đến một cách kết luận bi thảm. Ngược lại, chàng có lý do để biết ơn Văn Khoa, biết ơn ngôi trường đã gìn giữ hộ chàng bao nhiêu kỷ niệm êm đẹp. Trên hành lang của tầng lầu cao nhất kia, đứng dựa vào thanh sắt lan can một buổi chiều nào đã xa xôi, chàng ngỏ lời tỏ tình yêu với một người con gái. Rồi trong thư viện trên bãi cỏ sân sau, hay bên chiếc bàn nhỏ của cái quán nước quen thuộc, chàng đã ngồi viết những bài thơ tình gần như đầu tiên trong đời. Chàng đã tưởng rằng mình trở

thành thi sỹ, đã yên chí rằng mình nắm gọn hạnh phúc trong tay. Và những ảo tưởng đẹp đẽ ấy đã chẳng làm cho chàng sung sướng bao nhiêu ngày tháng đó sao ?

Chàng nhớ lại khuôn mặt xinh đẹp của người bạn gái, nhớ lại những lần đi chơi, những giờ khắc dịu dàng đầm ấm ngồi với nàng trong lớp học hay nơi hành lang Văn Khoa, nhớ lại căn nhà trọ của nàng trên tầng lầu building nhìn xuống giòng sông bên dưới, nhớ lại ánh nắng vàng hiu hắt những buổi chiều, chàng đứng ngoài giảng đường ngó lên chiếc cột điện cao ngất của đài truyền hình và tưởng như có thể trông thấy nàng ở cách đó một con đường đang nhón gót chân phơi những chiếc áo dài ngoài ban công...

Văn Khoa chính là môi trường nảy nở, đồng thời cũng chính là chứng nhân quan trọng nhất đối với những giấc mơ thuở đó của chàng. Dĩ nhiên những giấc mơ ấy đã theo nhau phai tàn. Chàng không trở thành thi sỹ, không trở thành vị giáo sư lỗi lạc, và cũng không tìm thấy được hạnh phúc với người bạn gái. Chàng già từ Văn Khoa, lao mình vào cuộc mưu sinh chật vật, khó khăn, thiếu may mắn. Chàng lăn lóc trong cái đời sống xô bồ, ngột ngạt của đô thành, tự thu nhỏ lại trong sự tầm thường, hèn mọn của một kẻ lẫn lộn giữa hàng trăm ngàn kẻ khác. Và chàng không còn dịp trở lại Văn Khoa nữa.

oOo

Thật ra, phải nói rằng chàng

cũng không còn muốn trở lại Văn Khoa làm gì. Có nhiều lý do đưa đến quyết định ấy : không khí chính trị ngột ngạt của sinh hoạt đại học sau ngày chàng ra trường, một vài điều tai tiếng và ngộ nhận khó chịu, v.v... Nhưng tất cả những lý do ấy đều không đáng kể đối với một cảm tưởng mất mát. Phải, Văn Khoa của chàng đã mất mát quá nhiều. Chàng nhận được những tin tức về sự thay đổi của Văn Khoa do người này người kia kể lại. Chắp nối những mẩu tin tức rời rạc đó với nhau, chàng biết rằng trên mảnh đất tọa lạc ngôi trường cũ, một Thư Viện đang bắt đầu được xây cất. Như vậy, Văn Khoa đã trải qua mấy kiếp hóa thân trong một thời gian ngắn ngủi. Cô tình nhân bé bỏng, thơ mộng của chàng lần lượt làm quen với hai cơ quan công quyền, lần lượt đổi hết tên này sang tên khác. Và từ nay, mỗi lần đi ngang qua những con đường quen thuộc dạo đó, chàng sẽ không còn nhìn thấy những dấu vết kỷ niệm : quán nước trên hè phố, phòng «cua» ronéo, trụ sở hội họa sỹ trẻ, bãi cỏ xanh êm đềm...

Thế còn trường Văn Khoa «mới» ? Chàng còn có thể tìm thấy gì ở đó ? Những bạn bè chàng tới bây giờ đã thật sự tan tác, tan tác đến độ không sót lại được lấy một mạng nào. Tệ hại hơn nữa, ngay cả đến gia đình người tùy phách già cũng đã trôi dạt đi đâu mất. Cái tin cuối cùng ấy làm chàng ngẩn ngơ. Chàng cứ tưởng đâu sau bao nhiêu taog

thương biến đổi, Văn Khoa vẫn còn từ tế để lại cho chàng một chút liên hệ nhỏ nhoi, mong manh, là khuôn mặt thân thuộc của người tùy phái già, để thỉnh thoảng chàng có thể ghé về thăm hỏi, dù rằng ngay sự thăm hỏi đó cũng chẳng làm chàng đỡ cô quạnh đi bao nhiêu. Nhưng bây giờ thì thật hết. Khuôn mặt cuối cùng ấy cũng bỏ đi nốt. Chút liên hệ nhỏ nhoi, mong manh nhất giữa chàng với Văn Khoa đã bị cắt đứt.

oOo

Văn Khoa. Khoảng thời gian tươi đẹp, dịu dàng, những năm tháng ngọt ngào nhất của cuộc đời Nguyễn Văn X. đã trôi qua ở đó. Nhưng thôi, chàng chẳng còn muốn nhớ lại nữa. Văn Khoa như một mùa xưa đã chết. Bây giờ, với chàng, chỉ có những chuỗi công việc buồn tẻ, chán nản, những đồng lương cố định, những giờ giấc chặt chẽ. Bây giờ, với chàng, không phải là ước mơ này, cao vọng nọ, mà chỉ còn là sự an phận tầm thường, hèn mọn. Bây giờ,

với chàng, chẳng có thơ tình, nắng vàng, bãi cỏ xanh.

Chỉ có người con gái mới quen đang giơ tay vẫy chàng từ cuối hành lang đằng kia. Nàng vừa từ phòng thi bước ra với mấy người nữa. Nàng mỉm cười với chàng, nụ cười tươi tắn, dễ mến. Chàng thấy lòng thanh thản khi nhìn nụ cười và khuôn mặt đó, khuôn mặt bình thường, không xấu không đẹp, êm ả như một giòng sông.

Nàng đi cùng với chàng xuống cầu thang, lẫn vào đám sinh viên. Nàng hỏi chàng khi hai người ra hành lang, sửa soạn bước xuống sân :

— Anh thấy trường em đẹp không anh ?

Chàng trả lời :

— Đẹp. Trường em đẹp lắm.

Và chàng nghe giọng nói mình như giọng nói của một người khách lạ.

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC

10-1973

VĂN HỌC PHÂN TÍCH TOÀN THƯ

của Giáo sư THẠCH TRUNG GIÀ

Cuốn sách đầu tiên

* Lựa chọn và phối hợp những quy phạm Đông Tây thành một hệ thống thích nghi với thực trạng nghiên cứu văn chương và triết học.

* Cung hiến những nguyên tắc căn bản cho mọi chương trình Đề Nhị Cấp, Đại Học Văn Khoa, Sư Phạm và những người nghiên cứu ngoài khuôn khổ học đường.

LÁ BỐI xuất bản

Nghệ thuật Thư pháp ?

Một sức kiên nhẫn phi thường

« Nơi tôi ở không có điện nên trời hơi tối là phải dùng đèn măng-xông ; sức nóng của đèn cộng thêm với sự nóng bức của khí hậu làm mồ hôi tôi luôn luôn chảy nhễ nhại. Say mê viết đến nỗi muối cắn không đập, mắt nhìn quá chăm chú và quá lâu đến nỗi nước mắt ứa ra, thân xác lại mỏi mòn vì không được ăn uống đầy đủ... Như thế có thể nói nghệ thuật mà tôi chọn là một nghệ thuật viết bằng mồ hôi, máu và nước mắt để thể nhập vào nét chữ. »

Trên đây là lời tâm sự của Ô. Phạm Ngọc Thuận, người có nghệ thuật viết chữ như in, gọi là *nghệ thuật thư pháp* (copist), đã triển lãm những công trình của ông tại Hội Việt Mỹ (từ 7 đến 13-9-73) thu hút một số khá đông khán giả và dự định triển lãm lần thứ hai tại Đại-học Vạn Hạnh vào dịp khai trường tháng 11 này.

Ông Phạm Ngọc Thuận sinh năm 1934 tại làng Bình Thạnh, quận Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận. Hồi Đệ nhất Cộng-hòa ông là một quân nhân, chuyên vẽ bản đồ và kẻ chữ rất đẹp. Trong một lúc vui đùa với anh em đồng ngũ ông đọc tên cấp chỉ huy cao cấp của ông chệch ra là « Đồ Máu » và hai chữ bông lơn ấy đã gây sóng gió trong đời ông, đưa ông từ trại giam này đến trại giam khác tổng cộng chừng ba mươi bảy tháng mất tự do, rồi sau cùng thì ông giải ngũ. Họa vô đơn chí, khi trở về đời sống dân sự, ông lại bị luôn một tai nạn xe cộ đến gần thành phế nhân. Buồn

bực ông tự nguyện làm một công việc gì khắc khổ để tìm lại sự yên tĩnh phần nào cho tâm hồn.

Nhân đọc một tập-san của Tòa Đại-sứ Anh quốc phát hành ở Saigon, tờ Liên-Hiệp Anh, ông thấy tường thuật tại Nam Phi, năm 1947, có bà Dimurphy trên 50 tuổi, mắt mang kính cận, mà đã bỏ ra nhiều năm để chép bằng tay, sắc sảo như in, bộ sử Nam Phi, nói về những người đã có công và bỏ mình trong 2 trận Thế-chiến ở Nam Phi.

Hoàn thành rồi, bà Dimurphy gửi qua nhà đóng sách có tiếng nhất ở Luân-đôn để nhờ họ đóng. Nhà đóng sách xem qua, rất ngỡ ngàng, không tin là do bàn tay người viết, sau họ rọi kính và xem kỹ mới biết là chép tay chứ không phải sách in. Bởi vậy đóng xong họ đệ lên Quốc-hội Anh để giới thiệu sự khéo tay và sức kiên nhẫn của một người đàn bà Nam-Phi phi thường. Xem xong Quốc-hội lại đệ lên Nữ-hoàng Anh. Nữ-hoàng khen ngợi và đánh điện mời bà Dimurphy qua



Ô. Phạm Ngọc Thuận

địa danh La Hàn
làng Bình Thạnh
huyện Tuy Phong
tỉnh Bình Thuận

(Ngày 1-8-1934 giáp-tuất, sanh)

Phạm Ngọc Thuận

THƯ-PHÁP VIỆT-NAM
(Copiste Vietnamien)

Anh đề Nữ-hoàng gặp mặt. Bà Dimurphy vội vã đáp máy qua Luân-đôn. Nữ-hoàng ra tận thềm Điện Buckingham đón và bắt tay một « nữ thần của Nghệ thuật từ Nam-Phi đến ».

Nữ-hoàng gắn một viên ngọc quý trên đầu quyền sách và ban thưởng

cho bà ta một huy chương danh dự. Bộ sử chép tay này, sau đó được đặt tại Quốc-hội Nam-Phi.

Truyện trên đây làm ông Thuận này ra ý chuyên về Thư pháp (copist). Ông tâm sự với Bách Khoa như sau :

— Tôi nghĩ mình còn trẻ, mắt chưa phải mang kính mà viết chữ lại đẹp, thì lúc này ở không, sao không làm một việc gì như bà Dimurphy đề đặt ở Bảo tàng viện hay Thư viện Quốc gia ? Bà ấy chép lại một đoạn sử của Nam Phi, thì mình cũng chép lại đời các danh nhân V.N. đã có công hy sinh để bảo vệ và tô điểm cho quê hương đất nước chúng ta. Và từ tháng 2 năm 1968, tôi bắt đầu chép bộ *Việt Nam danh nhân từ điển* của ông Nguyễn Huyền Anh, vì không còn cuốn nào khác trong loại đó. Lòng mang ơn tiền nhân đã là sức mạnh đã khiến tôi kiên nhẫn làm việc trong 5, 6 năm nay.

— Hiện ông chép được bao nhiêu rồi ?

— Được trên ba trăm trang, khoảng gần nửa (sách dày 550 trang.)

— Nghĩa là ông còn phải chép 5, 6 năm nữa ?

— Vâng. Tôi đã dự định 12 năm cho công trình ấy.

— Mỗi ngày ông làm việc mấy giờ ?

— 12 giờ, ngày nào như ngày nấy... Mà say mê. Hễ cầm cây bút là tôi quên hết nỗi buồn trong đời. Nhưng cực khổ lắm, thiếu bốn đủ thứ : không tiền mua dụng cụ (mặc dù dụng cụ rất sơ sài : một ngòi bút búp chuối, một ve mực tàu, một cây bút chì, một cục gôm, một cây kim chích thuốc để cạo sữa, một hộp bông thấm nước để chùi ngòi bút, và giấy). Không

tiền mua dầu thắp đèn (tôi ở tại một làng hẻo lánh không có điện) ăn uống thiếu thốn và không tiền mua dầu cá thu có nhiều sinh tố A để tầm bổ cặp mắt, vì làm công việc này hại mắt lắm. Ông coi đây : một trang V.N. Danh nhân tự điền, khổ 15×20 phân, tôi thu lại còn 4×6 phân, chữ nhỏ li ti mà lại phông đen chữ trắng. Ông đề ý : không phải là viết bằng màu trắng trên giấy đen mà tô đen giấy để chứa những chữ trắng, như vậy phải viết chữ bằng bút chì trước, tô xong rồi, gôm nét viết chì đi. Bảy mươi ngày mới xong trang đó. Nếu ông còn tinh mắt thì đưa ra chỗ sáng ông có thể đọc được. Làm công việc ấy, mồ hôi toát ra, mà nước mắt có lúc : cũng ứa ra vì mỏi mắt quá. Dĩ nhiên, tôi chỉ viết thử một trang chữ trắng nền đen như vậy cho cuốn Việt Nam Danh nhân tự điền để xem khả năng của tôi tới được mức nào, còn toàn cuốn thì tôi viết mực đen trên giấy trắng và cũng giữ đúng khổ chữ. Mỗi trang viết như vậy mất khoảng một tuần.

— Ngoài việc ngồi viết cuốn tự điền, ông có làm gì khác nữa để mưu sinh không ?

— Không. Tôi không kiếm ra được một đồng nào cả, mà đã tốn khá bộn về tiền, nhất là mồ hôi nước mắt cho công việc đó rồi. Tôi phải ăn bám vào sức lao động của vợ. Chúng tôi có 6 đứa con, nhà tôi buôn bán ở chợ nhỏ trong làng, đời sống thật chật vật. Đôi khi tôi bị vợ mắng là ở không, ngồi chơi, tôi cần rặng chịu đựng hết mà rán hoàn thành công việc để đồng bào và người ngoại quốc nữa thấy rằng Việt Nam cũng có người như bà Dimurphy. Lắm lúc tôi cũng thấy chua chát, nhưng tôi rán nén hết.

Với hoàn cảnh sinh kế chật vật như vậy nên ngày 15/11/70 ông Thuận có viết 1 lá thư cùng gửi kèm mấy trang tự điền viết bằng tay cho Cục Cố Quốc vụ khanh Đặc trách Văn hóa Mai Thọ Truyền. Cục Mai lập tức trả lời ngay bằng một lá thư viết tay đề ngày 25-11-1970 lời lẽ thân mật, cảm động. Cục khen là mấy trang tự điền viết công phu và khéo léo, xem qua, người ta dễ lầm là chữ in. Cục nói : « Sản Thư viện sắp hoàn thành tôi có ý mua để đặt vào một chỗ trang trọng lưu về hậu thế. Em nghĩ thế nào ? Và định giá bao nhiêu ? » Sau đó cục « đề ngh 10000.000đ (ngàn sách Văn hóa nghèo lắm). Được không xin trả lời... »

Ông Thuận trả lời là xin vui lòng, nhưng cũng xin Phủ Quốc vụ khanh V.H. trợ cấp trước cho mỗi tháng 15.000đ để làm tiền ăn và tiền thuốc tầm bổ cho cặp mắt được khoẻ mạnh lâu dài mà làm việc. Nhưng từ đấy cho đến lúc Cục Mai chẳng may thất lạc, ông Thuận không được hồi âm chỉ hết.

Tháng 9/73 ông Thuận vô Saigon với ý định đầu tiên xin triển lãm nghệ thuật Thư pháp của ông ở Thư viện Quốc gia, nơi mà cục Mai, hồi còn sinh tiền, có nghĩ tới việc đặt cuốn Tự-điền Danh nhân V.N. viết tay của ông vào « một chỗ trang trọng » trong đó. Nhưng

ông Giám đốc Thư viện, mặc dầu không tiếc lời khen tặng trong cuốn Lưu bút, vẫn chối từ vì lúc đó Thư viện đang triển lãm sách giáo khoa Đại học bằng tiếng Việt. Ông đành tìm đến Hội Việt Mỹ thì may mắn được nơi đây vui vẻ nhận tổ chức triển lãm giúp ông ngay.

Trong cuộc Triển lãm ở Hội Việt Mỹ (7-13/9) này ông đương kim Phụ tá Tổng trưởng Đặc trách Văn hóa Đỗ Văn Rỡ có tới thăm và cũng có ghi lại những dòng lưu bút nồng nhiệt, rất khích lệ người làm nghệ thuật Thư pháp. Ông Phụ tá Tổng trưởng cũng viết là ông « rất đồng ý với cụ Cổ Quốc vụ khanh Mai Thọ Truyền và mong rằng nguyện vọng của cụ được thành đạt ». Ông cũng hứa can thiệp ngay đề trong khoảng độ 2 tháng sẽ thỏa mãn được lời yêu cầu của ông Thuận nêu lên với Phủ Văn hóa từ 3 năm trước. Với cuộc Cách mạng Hành-chánh hiện nay đương được phát động rầm rộ, sự giúp đỡ ông Thuận hẳn là sẽ được thi hành mau chóng hơn thời trước ..

Tóm lại, trước khi triển lãm ông Thuận chỉ được ông Giám đốc Nhà sách Khai Trí giúp đỡ cụ thể 10.000đ làm các khung và sau cuộc triển lãm ông chỉ mang về được cuốn Lưu bút với rất nhiều lời khen tặng nồng hậu, một phần thưởng hoàn toàn về tinh thần.

Cũng nên ghi thêm là trong cuộc triển lãm nói trên, ngoài mấy chục

trang « viết chữ như in », đủ các kiểu chữ, ông Thuận còn bày thêm 6 bức tranh cũng vẽ bằng ngòi bút sắt và mực tàu mang các tên : *Vòng tái sinh, Lá bồ đề, Kiếp sống, Say, Chờ ngày sống lại, Suy tưởng*. Đó là một lối hội họa đặc biệt mà ông Thuận mới đặt tên là « Thủ bút họa », người vẽ thành công cũng do khéo tay, kiên nhẫn và rất dụng công vì mỗi tranh ông Thuận đã phải hoàn thành trên dưới 60 ngày. Những tranh này rất được nhiều người tán thưởng.

Ngày 20-11 này ông Phạm Ngọc Thuận sẽ lại mở cuộc triển lãm thứ nhì nữa về nghệ thuật Thư pháp tại Viện Đại học Vạn Hạnh. Lần này ngoài những trang viết chữ in, những tranh « thủ bút họa », ông còn trưng bày một số mẫu bìa sách mà ông thử trình bày chắc chắn sẽ lôi cuốn được sự lưu ý của các tác giả và các nhà xuất bản.

THẾ NHÂN

— Kể lạ ở thiên đường, nguyên tác của Simone Weil bản dịch của Phùng Thăng, do An Tiêm xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 280 trang Giá 400đ.

— Phi Âu ký-sự của Đào-văn-Hội do tác giả ấn hành và gửi tặng. Sách dày 200 trang thuật lại một cách tỉ mỉ và hồn nhiên một chuyến xuất ngoại của tác giả trong 3 tháng thăm viếng Maroc (6 tuần). Thụy Điển (2 tuần) và Pháp (4 tuần) với nhiều hình ảnh đẹp và rõ. Giá 400đ.

Thời sự thế giới

Ông Nixon và những băng nhạc báo hại

Khi Phó Tổng Thống Mỹ Spiro Agnew từ chức vì bị tòa án phạt về tội trốn thuế, người ta tưởng ông Nixon có thể yên được một thời gian về vụ Watergate. Ông đã vui vẻ chỉ định cấp tốc lãnh tụ đảng Cộng-hòa tại Hạ-viện vào chức vụ Phó Tổng Thống. Ông Gerald Ford, vị dân biểu lục tuần này, khi sắp được giới thiệu trong một buổi lễ tại tòa Bạch Ốc trước sự hiện diện của nhân viên Quốc hội, Tối cao Pháp viện và Ngoại giao đoàn còn những nhẽo từ chối như là không biết gì. Tới khi Tổng Thống Nixon kêu đích danh, ông mới đứng dậy cảm ơn như đóng kịch.

Nhưng ông Ford chưa đủ ngày giờ để những nhẽo thêm thì chính người chỉ định ông là Tổng Thống Nixon vài ngày sau đã lại rơi vào thế trận rối bời Watergate do chính ông gây ra.

Một loạt những vụ cách chức công tố viên đặc biệt A. Cox, vì ông này khăng khăng đòi 9 cuộn băng ghi âm liên quan đến vụ Watergate, Tổng trưởng Tư pháp Richardson từ chức, Thứ trưởng Tư pháp Ruckelshaus mất chức v.v... đã làm dân chúng Mỹ và một số lớn dân biểu nghị sĩ Mỹ phẫn nộ. Cách chức các cộng sự viên là trong phạm vi quyền hạn của Tổng Thống Hoa-kỳ, nhưng đây không phải vì quyền lợi chung mà là

do quyền lợi riêng tư. Vì vậy người ta cho là ông đã coi thường luật pháp. Các tổ chức lao động và nhiều lãnh tụ tôn giáo lên tiếng công kích ông Nixon, 275.000 điện tín từ khắp nơi gửi về đòi Tổng Thống từ chức hoặc đòi Quốc hội bắt tin nhiệm ông. Nhiều cuộc biểu tình chống ông Nixon được tổ chức ngay bên ngoài tòa Bạch ốc.

Trước phản ứng mạnh mẽ ấy Tổng Thống Nixon nhượng bộ, tuyên bố bằng lòng giao cho tòa án 9 cuộn băng ghi âm mà ông Cox đòi hỏi trước đây. Người ta còn đang phân vân, thắc mắc không biết 9 cuộn băng sẽ giao có là những cuốn băng chính hiệu hay đã bị đánh tráo hoặc cạo sửa thì đột nhiên tòa Bạch ốc cho biết rằng chỉ có 7 cuộn băng thôi chứ không hề có 9. Biến chuyển có vẻ đột ngột khiến cho sự nghi ngờ Tổng Thống Nixon lại gia tăng trở lại.

Sự loanh quanh liên quan tới mấy cuộn băng làm cho Tổng Thống Nixon lần này chắc phải ra trước Quốc hội để chịu sự phán quyết của cơ quan này. Nếu đa số tại Hạ viện chấp thuận, lời buộc tội Tổng Thống được đưa lên Thượng viện và nếu Thượng viện chấp thuận với đa số 2/3, Tổng thống sẽ bị giải nhiệm.

Trước viễn ảnh ấy, việc biểu quyết chức vụ Phó Tổng-Thống của ứng viên những nhẽo Gerald Ford cũng trở nên rắc rối. Nếu Quốc-hội quyết tâm hạ ông Nixon mà lại hợp thức ông Phó Ford thì ông này đương

nhiên trở thành Tổng-Thống ngon lành. Nhiều khi Quốc-hội chỉ muốn ông Ford làm Phó mà không muốn cho làm chánh. Thành ra ông Ford cứ ở trong một tình trạng đợi chờ, nửa vời, và ông Nixon thì trong tình trạng lo âu, chông đỡ, tương lai vô cùng mờ mịt.

Tân Phó Tổng Á-căn-đình, dấu hiệu âm thịnh dương suy.

Trên thế giới, những người đàn bà có tham vọng nhẩy vào chính trường để nắm quyền sinh sát một số người đông đảo hơn chồng con mình, ở thế kỷ này cũng có khá nhiều. Đó là bà Ferdinand Marcos được chồng lấy điếm, uốn nắn cho kỹ để thay ông ra ứng cử Tổng-Thống Phi-luật-tân. Nhưng có lẽ gặp nhiều khó khăn nên cuối cùng ông Tổng-Thống Phi bèn đổi ý không cho vợ ra mà chỉ làm độc tài một mình. Ngoài ra còn Maria Eugenia Rojas de Moreno Diaz, con gái nhà cựu độc tài Rojas Pinilla đang chuẩn bị ra ứng cử Tổng-Thống xứ Colombie vào đầu năm 1974 và bà Flor Chalbaud de Pérez Jiménez, vợ nhà cựu độc tài Marcos Pérez Jiménez, ra ứng cử Tổng-Thống Venezuela trong cuộc bầu cử tháng 12 sắp tới.

Hai nữ chính khách Nam Mỹ sau này không hiểu có làm cho cử tri nước họ quên chuyện cũ của thân nhân họ mà bầu cho hay không, nhưng trường hợp của tân Phó Tổng Thống Á-căn-đình thì thật là may mắn.

Bà vợ thứ ba của nhà độc tài Péron,

bà Isabelita, đã đứng chung liên danh ứng cử với chồng và đắc cử nữ Phó Tổng Thống đầu tiên trên thế giới.

Với số tuổi gần 80 và luôn luôn đau yếu người ta tự hỏi Tổng Thống Péron liệu còn đủ sức lãnh đạo nước Á-căn-đình đầy rối ren hay sẽ qua đời hoặc bất lực ngay trong khi nhiệm kỳ chưa chấm dứt.

Nếu trường hợp đó xảy ra và bà Isabelita sẽ kế vị thành nữ Tổng Thống đầu tiên thì thật là một hiện tượng âm thịnh dương suy trong chính giới. Nhưng điều này sẽ không xảy tới. Cử tri Á-căn-đình đã lo ngại ông Péron sẽ có thể bỏ dở công việc của ông nên họ đã đặt điều kiện là trong trường hợp đó bà Isabelita phải từ chức ngay để nhân dân bầu một vị Tổng Thống mới.

Thành ra dù Péron có mệnh-hệ nào thì thế giới vẫn chưa có vị nữ Tổng Thống đầu tiên. Khi đó cộng sò sách trong chính giới, trừ những bà hoàng hậu ngồi cho đẹp mắt, thế giới vẫn chỉ còn ba nữ chính-khách có thực quyền. Đó là Thủ tướng Ấn-độ Indira Gandhi, Thủ tướng Do-Thái Golda Meir và Thủ tướng Tích Lan Sirimavo Bandaranaike.

Cả 3 bà Thủ-tướng uy quyền này đều không nhờ chồng mà nắm được chính quyền vì khi 3 bà trở nên tiếng tăm thì các ông đều đã ra đi: ba bà đều là góa phụ.

Chí Lợi, Thái Lan,
 một nước quân phiệt lên,
 một nước quân phiệt xuống

Tổng Thống dân cử Mac-xit Salvador Allende Gossens bị lật đổ và bị hạ sát vì ông đã đưa nền kinh tế Chí Lợi xuống dốc trong khi muốn thiết lập một chế độ Cộng sản bằng cách áp dụng các định chế dân chủ. Các Tướng Bộ binh Augusto Pinochet Ugarte, Tướng Không quân Gustavo Leigh Guzman và Tướng Địa phương quân Cesar Mendoza Duran đã lãnh đạo cuộc đảo chính này (Theo ngôn từ Chí Lợi, người ta chỉ gọi tên bằng chữ giữa mà không xài chữ đầu hay cuối nên chỉ gọi là tam tướng: Pinochet, Gustavo Leigh, Mendoza cũng như gọi Tổng Thống bằng tên Allende).

Khi đã thành công các Tướng Chí Lợi tất nhiên thích dùng biện pháp mạnh. Người ta tính có tới hàng ngàn người chết trong và sau cuộc đảo chính. Có người nói số người chết lên tới con số 5000.

Mới đầu, 3 Tướng còn cải chính vì con số chết nhiều nghe ngọt ngọt quá. Nhưng lâu rồi quen đi chẳng cần cải chính nữa. Một tháng sau ngày đảo chính thành công, 3 tướng công khai cho lệnh bao vây một tòa Đại-sứ chẳng cần lưu ý tới luật quốc-tế, công khai tiếp tục ruồng bắt những người chống đối và công khai hành quyết chẳng phải giấu ai. Người ta cũng không thấy 3 tướng

hứa hẹn bầu cử gì trong những ngày sắp tới dù bầu kiểu Phi-luật-tân hay Hy-lạp.

Trong khi đó bên kia bờ Thái-bình-dương, ở Thái Lan một chính quyền quân sự đang dần dần đi vào dĩ vãng. Và cũng đẫm máu như chính quyền quân sự đang lên ở Chí Lợi.

Cuộc rối loạn ở Thái-Lan bùng nổ khi chính phủ Thái bắt giữ một số sinh viên và chính khách đối lập. Làn sóng phản nộ bùng lên khắp nước. Vài trăm ngàn sinh viên thủ đô và toàn quốc biểu tình tại Vọng các đòi hỏi chính phủ thả các hạn hữu của họ, chấm dứt chế độ độc tài, ban hành hiến pháp và tự do dân chủ. Các cuộc xô sát đẫm máu xảy ra liên tiếp hai ngày 14 và 15/10 giữa sinh viên biểu tình và cảnh sát. Số người chết và bị thương nhiều không thể đếm được. Cả nửa tháng sau người ta thu lượm tin từ các bệnh viện mới ấn định được con số tạm thời những sinh viên bất hạnh gồm 66 chết và 875 bị thương. Ấy là chưa kể những người không vào bệnh viện. Con số thương vong gây ra cho những người biểu tình ở Thái-Lan có lẽ là con số cao nhất, phá kỷ lục trong thế-giới tự do.

Tiếp theo vụ rối loạn ngày 14/10 Thống chế Thanom Kittikachorn (Thủ tướng Thái) đệ đơn từ chức. Sau đó ông và con trai ông là Đại tá Narong Kittikachorn cùng ông xui của ông là tướng Praphas Charusathiara (Phó Thủ tướng) lên phi cơ rời khỏi Thái-

Lan. Quốc vương Thái chỉ định ông Sanya Dharmasakti, Viện trưởng Viện Đại-học Thammasat thành lập nội các.

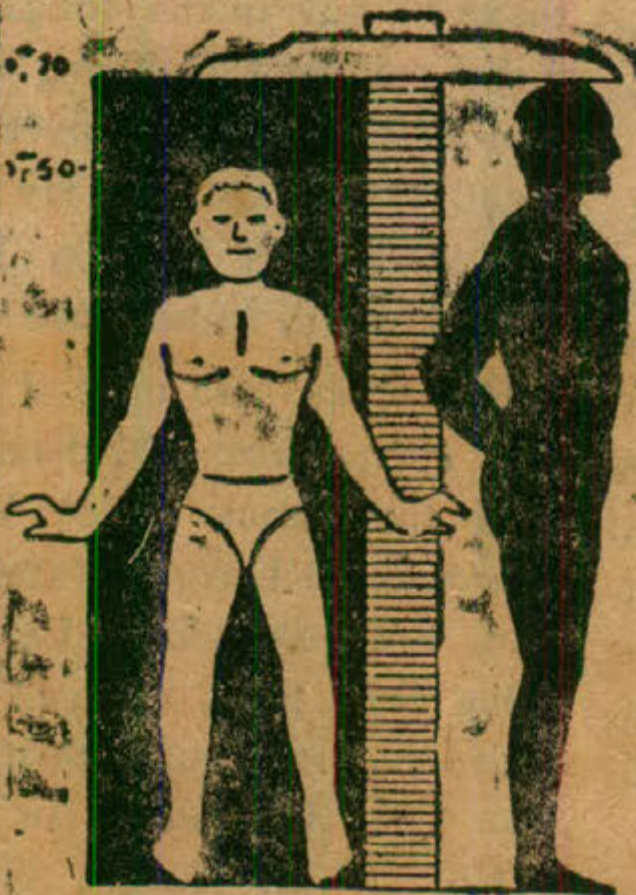
Đứng trước nhiệm vụ thật nặng nề do chế độ cũ để lại, tân Thủ-tướng Thái, dù được lòng dân, cũng chưa biết làm gì. Ông tuyên bố: "Tôi như người vừa qua một cơn ác mộng. Hãy

đề cho tôi tỉnh táo". Sau khi tỉnh táo vị tân Thủ-tướng mô phạm này hứa bắt tay vào việc soạn thảo một Hiến-pháp cho Thái-Lan và quyết định truy tố 3 lãnh tụ quân sự lưu vong, có trách nhiệm về cuộc đổ máu khi họ còn tại chức và tịch thu toàn bộ tài sản của những bàn tay đẫm máu này.

ĐẶNG TRẦN HUÂN

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



- CON NIT MAU BIẾT ĐI
- CÙNG XƯƠNG.
- MẠNH KHỎE
- NGƯỜI LỚN CÙNG RĂNG
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ

THỜI SỰ KHOA HỌC - VĂN NGHỆ

Nobel Khoa-học 1973

Năm nay Giải Nobel về Y học và Sinh lý học được trao cho 3 nhà chuyên môn về động tác của loài vật: Konrad Lorenz 70 tuổi, Tiến sĩ Y khoa và Tiến sĩ Động vật học, Karl Von Frish 87 tuổi, Tiến sĩ Triết học, đều sinh tại Vienne (Áo quốc) và Nikolaas Tinbergen 66 tuổi, sinh tại La Haye (Hà Lan).

Konrad Lorenz là người đã khám phá ra hiện tượng sau đây: ở một vài loài động vật có lông vũ như loài ngỗng chẳng hạn, khi con ngỗng con vừa ra khỏi vỏ trứng thì hình ảnh sinh vật nào cử động mà nó nhìn thấy trước tiên sẽ "thấm" vào óc nó suốt đời. Lorenz Những ngỗng con đã đi theo như theo mẹ ngỗng và lớn lên đến mùa làm tình, những chú ngỗng này cũng hướng về loài người hơn là tìm về đồng loại!

Karl Von Frish thì nổi tiếng về nghiên cứu ngôn ngữ và xã hội loài ong.

Nikolaas Tinbergen thì nghiên cứu xem trong tất cả các yếu tố xác định động tác của động vật những yếu tố nào trội hơn hết. Thí dụ con cá ngạnh sẵn sàng khiêu chiến với một miếng gỗ có vẽ các vết màu đặc biệt của loài cá đực cùng giống hơn là gây với các con cá khác loại không có vết màu gì trên mình.

Giải Nobel Vật lý 1973 được trao cho Leo Esaki, 48 tuổi, người Hoa kỳ gốc Nhật, làm việc tại Trung tâm khảo sát của IBM's Thomas J. Watson ở New York và Ivar Giaever, 44 tuổi, người Hoa-kỳ làm việc tại Trung tâm

khảo sát của hãng General Electric ở Schenectady cùng với Brian Josephson, 33 tuổi, người Anh ở Đại học Cambridge, và các khám phá thực nghiệm về Hiệu-ứng đường hầm trong những trường hợp bán dẫn-điện và siêu-dẫn-điện.

Giải Nobel Hóa-học 1973 được trao cho Ernst Otto Fischer, 54 tuổi, ở Munich và Geoffroy Wilkinson 52 tuổi ở Luân Đôn.

Quỳnh-Dao Thi Hội

Tối 11-11-1973, tại trường Phương Chính đường Nguyễn Đình Chiểu Saigon, Thi Hội Quỳnh-Dao vừa tổ chức một buổi họp bạn đặc biệt kỷ niệm 12 năm thành lập (1961-1973).

Đây là Hội Thơ duy nhất của phụ nữ Thủ-đô, có sinh hoạt đều đặn hàng tháng và quy tụ khá đông các nữ thi nhân mà tên tuổi không xa lạ như Vân Khanh, Mộng Tuyết thất tiều muội, Trùng Quang, Hỷ Khương, Tuệ Mai, Quý Hương, Việt Liên, Uyên Hương, Minh Quân v.v...

Rất nhiều văn nghệ sĩ ngoài Thi Hội cũng được mời tham dự buổi bình thơ, trong số có Vũ Hoàng Chương, Hà Thượng Nhân, Bằng Bá Lân, Bùi Khánh Đản, Lê Phò Đức, Đặng Đức Hiền, Nguyễn Hữu Ba, Bửu Lộc, Bích Thuận, Đoàn Yên Linh Đan Quế, Hồ Trường An v.v...

Nữ sĩ Vân Khanh, 85 tuổi niên trưởng Thi Hội, khai mạc bằng một bài thơ chào mừng thi khách:

Kỷ niệm 12 năm

Quỳnh Dao Thi Hội

Thi Hội mười năm đã lẻ hai,

Văn chương để góp mái nhân tài
 Vườn Quỳnh đang nở bao bông thắm
 Lầu học còn tô nét chẳng phai
 Thi khách vẫn chờ trao ý đẹp
 Giòng thơ đâu để nét son phai
 Bao năm hội họp bao duyên bút
 Trước mái thư hiên, nguyệt vẫn cài.

Ngoài những bài thơ xướng họa của Thi hội viên, có ngót 50 bài thơ của các thi khách tặng Thi Hội đều được các nghệ sĩ Bích Thuận, Đoàn Yên Linh, Hồ Trường An ngâm với phụ họa đàn tranh của nhạc sĩ Bửu Lộc.

Thơ... chính trị

Bách-Khoa số trước (399 T) trong mục « Thời sự văn nghệ », khi đăng bài thơ của Thi sĩ Vũ Hoàng Chương « Đài Bắc Quốc Tế Thi Hội » (trang 83), chúng tôi đã in lầm 2 chữ sau đây :

Câu thứ 3 bài thơ chữ Hán : « Nhật Nguyệt trường sinh... » đã in lầm là « truyền sinh ».

Câu thứ 1 bài Dịch nôm : « Thơ vàng chính khí... » đã in lầm là « Thơ vàng chính trị »!

Xin cáo lỗi cùng nhà thơ Vũ Hoàng Chương và các bạn đọc và xin đăng lại cho đúng tất cả như sau :

Đài Bắc Quốc Tế Thi Hội

Thi thành, chính-khí tự cao ngâm,
 Khước hữu Bồng-Lai truyền hảo âm.
 Nhật nguyệt trường sinh đàm thủy
 thượng,
 Đông Tây nhất phiến hòa-bình tâm.

Dịch nôm

Thơ vàng chính khí tự cao xanh,
 Giây phút Bồng-Lai đã ứng thanh.
 Nhật nguyệt trên hồ kia chẳng lặn,
 Đông Tây một trái tim hòa bình.

Xướng Kịch của Trần Lê Nguyễn

Trần Lê Nguyễn, tác giả những vở kịch *Bão thời đại* và *Quán nửa khuya* v.v... đã gửi một lá thư cho các « quý vị yêu kịch và anh chị em làm kịch » đặt vấn đề : Chúng ta có nhiều kịch bản, có đạo diễn, không thiếu diễn viên, khán giả, vậy mà tại sao chúng ta không có kịch ?

« Câu trả lời thật đáng buồn : Kịch không nuôi nổi những người làm kịch ».

Để tìm một giải pháp, Trần Lê Nguyễn đứng ra hình thành *Xướng Kịch* nhằm « giữ vững sự có mặt của kịch » và « gây dựng khán giả của kịch » với chủ trương : kêu gọi các cơ quan, đoàn thể, các nhà hăng tâm hăng sản cố vấn tinh thần, giúp đỡ tài chánh *Xướng Kịch* ; yêu cầu các anh chị em văn nghệ hợp tác với *Xướng Kịch* ; Thành nguyện khán giả mua ủng hộ trước vé dài hạn.

Nếu được sự bảo trợ của cơ quan đoàn thể, nếu được độ 400 khán giả mua ủng hộ trước mỗi người 1 tập vé dài hạn 2 chỗ ngồi 5000đ v.v... thì *Xướng Kịch* sẽ thực hiện được từ 1973 đến 1975 chương trình dự định từ tổ chức những đêm kịch ra mắt, đến trình diễn hàng tháng, lưu diễn hàng đêm v.v...

Trần Lê Nguyễn tên thật là Nguyễn Huy Tạo, sinh ngày 4/8/1924 tại Sơn Tây Bắc Việt, đã hoạt động về kịch nghệ từ 1945, đã từng làm Trưởng ban Kịch Tin-Yêu, Hồng-Hà trên Đài phát thanh Saigon (1957-58) và Giáo sư tại trường Quốc gia âm nhạc và kịch nghệ Saigon (1963-64) và đã viết được 11 vở kịch dài, kịch ngắn.

Những buổi nói chuyện trong tháng

Nhân lễ húy nhật thứ 33 Cụ Phan Sào Nam (30-10-1973), Trung tâm Văn Bút V.N. có tổ chức một buổi nói chuyện tại trụ sở của Hội ở Saigon vào sáng Chủ nhật 28-10 vừa qua. Diễn giả là Giáo sư Dương Thiệu Tống với đề tài: *Ngẫm về hai chữ « Tự tân » của Phan Bội Châu.*

Cuộc lễ húy-nhật diễn ra đơn giản mà trang trọng và bài nói chuyện được rất đông khán giả tán thưởng.

Chiều thứ bảy 10-11-73 Hội Thân Hữu Văn Khoa lại tổ chức lễ tưởng niệm nhà thơ Hàn Mặc Tử bằng một buổi nói chuyện tại trường Quốc gia Âm-nhạc Saigon. Diễn giả là Ô. Phạm Việt Tuyền và đề tài là: *Hàn Mặc Tử trong dòng thơ dân tộc và nhân loại.* Buổi nói chuyện đã thu hút được một số rất đông khán giả và kết thúc bằng phần ngâm thơ Hàn Mặc Tử của Hồng Vân, Mai Thi, Đình Bản và phần trình tấu các bài

thơ Hàn Mặc Tử phổ nhạc của Ca Đoàn Hồn nước của Hải Linh.

Hoạt động của Hội Bút Việt

Hội thảo : Đề tìm hiểu một cách sâu rộng mọi khó khăn của giới cầm bút và giới xuất bản đã tạo nên tình trạng bế tắc trong ngành sinh hoạt viết sách và in sách hiện nay, Trung tâm Văn bút V.N. tổ chức một buổi hội thảo tại trụ sở của hội ở Saigon hồi 18 giờ ngày thứ tư 21-11-1973.

Đề tài hội thảo : Những nỗi khó khăn của giới viết sách và in sách trong hoàn cảnh hiện nay.

— *Người đặt vấn đề :* G.S. Phạm Việt Tuyền và nhà văn Nhật Tiến.

Trung tâm Văn bút V.N. đúc kết các ý kiến thu thập được của buổi thảo luận trong một bản Tuyên bố đề đạo đạt tới các cấp có thẩm quyền.

Giải thưởng Truyện ngắn 73 : Giải thưởng năm nay của Trung tâm Văn bút V.N. dành cho bộ môn Truyện ngắn (năm ngoài dành cho Hồi ký). Sau một thời gian làm việc Hội đồng tuyển trạch của TTVBVN

— gồm các nhà văn : Võ Phiến, Nhật Tiến, Sơn Nam, Phạm Việt Tuyền và Nguyễn Thị Vinh — đã công bố kết quả như sau :

Giải độc nhất 100.000đ về truyện « Ngày trở về của Nàng » của Ô. Nghiêm Duy. Giải này sẽ phát vào ngày 28-11-1973.

THU THỦY